nghệ thuật

SƠ ĐẠC BIẾT VỀ TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM

Vol. 2 14 – 20 May 1966

31 bài thứ ba trong loạt bài viết về 10 tác giả việt nam

CUNG TRẦM TƯỞNG VIẾT VỀ THANH TÂM TUYỀN

truyện ngắn nhã ca

Để đóng giày ở tiệm đóng giày danh tiếng nhất thủđô hiện nay

GIA

89, Hoàng Diệu — KHÁNH HỘI

- Tất cả những kiểu giày mới nhất ở các kinh thành thế giới
- Đúng catalogue 100/100

VÀ GIÀY PHỤ NỮ CÁC KIỂU

sách Văn Học

BÁN TẠI NHÀ SÁCH

KHAI TRÍ

62, Lê Lợi — Saigon

Văn học đời Lý	*Ngô tất Tố*	30 00
Văn học đời Trần	—	40 00
Văn chương quốc âm thế kỷ XX	*Phan trần Chúc*	40 00
Lĩnh Nam Chích Quái	*Lê hữu Mục*	75 00
Việt Điện U Linh Tập	—	75 00
Thành ngữ điển tích	*Diên Hương*	100 00
Phép làm thơ	—	80 00
Tục ngữ phong dao I, II	*Nguyễn văn Ngọc*	130 00
Hương hoa đất nước I, II	*Trọng Toàn*	100 00
Nam Thi hợp tuyển	*Nguyễn văn Ngọc*	58 00
V.N. Văn hóa sử cương	*Đào duy Anh*	77 00
Tản Đà vận văn I, II	*Nguyễn khắc Hiếu*	120 00
Nhà văn hiện đại I,II,III,IV, V	*Vũ ngọc Phan*	390 00
V. N. Văn hóa toàn thư I, II	*Hoàng trọng Miên*	200 00
Đại Cương văn học sử Trung Quốc I, II, III	*Nguyễn hiến Lê*	225 00
V. N. Văn học sử giản yếu I,II,III	*Ph. thế Ngữ*	490 00
Thơ Đường I, II	*Trần trọng San*	190 00
V.N. Văn học giản bình	*Phạm văn Diên*	160 00
Văn học Việt Nam	—	200 00
V.N. Văn học nghị luận	*Nguyễn sỹ Tế*	45 00
Đường thi	*Ngô tất Tố*	40 00
Những khuynh hướng trong thi ca VN	*Minh Huy*	80 00
Những nhà thơ hôm nay	*Minh Huy*	100 00
Luật thơ mới	—	38 00
Nguyên tắc sáng tác thi ca	*Vũ văn Thanh*	30 00
Kỹ thuật sáng tác thơ	*Trương linh Tử*	35 00
Quan niệm sáng tác thơ	*Đoàn Thêm*	75 00
Việt Thi	*Trần trọng Kim*	42 00
Văn phạm Việt	*Trần Qui Hùng*	250 00
Khảo luận về ngữ pháp VN	*Nguyễn hiến Lê*	250 00
Lược khảo về ngữ pháp VN	*Doãn Quốc Sĩ*	90 00
Luyện văn I,II,III	*Nguyễn hiến Lê*	165 00
Hương sắc trong vườn văn	—	100 00
Nghệ thuật làm văn và đọc văn	*Vũ Kỷ*	120 00

nghệ thuật

Ý kiến và bài vở đặc biệt về truyện ngắn Vietnam

nghệ thuật

THẾ GIỚI TRUYỆN NGẮN

MAI THAO

MAC ĐO

SON NAM

DUONGNGHIEMMAU

VO PHIEN

LY. HOANG PHONG

MAC THU

những ý kiến về truyện ngắn
Việt nam hiện đại

BINH NGUYEN LOC

căn gác hồng của Lâm

NHA CA

một chương buồi tối

1

VẤN ĐỀ – NHẬN ĐỊNH

ALAIN BOSQUET
Quan niệm về tiểu thuyết

2

SÁNG TÁC DỊCH THUẬT

FRANZ KAFKA
THẠCH CHƯƠNG
Ba truyện ngắn
Nhìn lơ đãng qua cửa sổ buổi chiều
Những kẻ đi qua
Một giấc mơ
NGUYỄN TÂN VĂN
Một chuyện tình lỡ dở
TRẦN UYÊN TỪ
Dự định
SCOTT FIZTGERALD
HƯƠNG LÂM
Giáng phúc (2)

3

TRUYỆN DÀI

MẶC ĐỖ
ALAIN FOURNIER
Anh Meaulnes
SƠN NAM
Vạch một chân trời
THANH TÂM TUYỀN
Dấu mặt
MAI THẢO
Viên đạn đồng chữ nổi

4

MỤC THƯỜNG XUYÊN

NGUYỄN ĐĂNG
Đi xem phim
XÍCH CHƯƠNG
Thời sự nghệ thuật
HOÀNG VIỄN NGU
Cuộc đời Á nam
Trần tuấn Khải
NHỮNG NGƯỜI VIẾT MỚI
N.T. Trầm Kha
Trần viễn Phương

CUNG TRẦM TƯỞNG KHÁM PHÁ KHUÔN MẶT THƠ THANH TÂM TUYỀN

CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT : MAI THẢO

TUAN BAO VAN NGC_NGHE THUAT RA NGAY THU SAY

THƯ KÝ TÒA SOẠN : VIÊN LINH

Tòa Soạn và trị sự 233 Phạm ngũ Lão Saigòn Điện Thoại 25.861 — Năm thứ hai, — tuần lễ từ 14 5 tới 20.5.1966 số 31

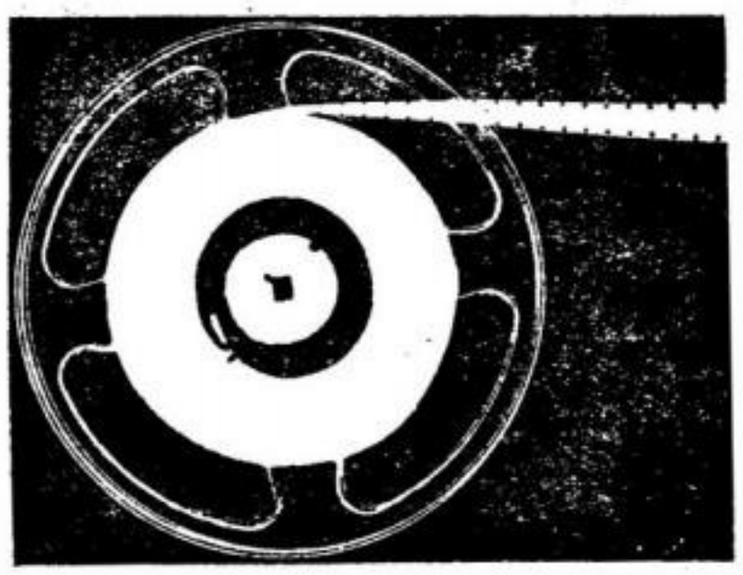

La Doublure du Général

Phim của Paramount, màu Eastmancolor, màn ảnh Panavision. Tài tử: Danny Kaye, Dana Wynter, Wilfrid Hyde White, Margaret Rutherford, Diana Dors.

Phim đầu tiên được lựa chọn trong những phim chiếu trên màn bạc thủ đô tuần này, để phê bình trên diễn đàn này là một phim vui. Nếu nói đến triệu chứng khởi đầu, đây là một dấu hiệu tốt. Trong số những khuôn mặt hài hước của điện ảnh Hoa Kỳ, nhiều người không ưa, nhưng tôi rất «chịu» Danny Kaye. Một phim hài hước hay không nhất thiết bắt người xem phá lên những tràng cười vỡ rạp. Những phim hài hước bất hủ của Charlie Chaplin là một bằng chứng. Xem Charlot, cười là một phản ứng phụ thuộc và chốc lát. Cười là cái bề ngoài, cái cửa ngõ của thế giới Charlot. Bằng cái cười, vua hề đưa dẫn ta đến những cái khác. Thường là cay đắng và chua chát. Charlot cười, thường là chảy ra những hàng nước mắt. Ở bất cứ một tên hề nào cũng đều là những phát giác thật tối xám về đời sống xã hội. Tên hề là một hình ảnh buồn bã. Nó làm vui thế gian nhưng nó là một hiện hữu buồn rầu.

Trở lại *la Doublure du général*. Ở đây Danny Kaye, tuy không đem lại được cho chúng ta những « cái mới » như trường hợp của một Jerry Lewis đang được Hollywood nâng lên hàng một « kỳ tài điện ảnh » nhưng vẫn là một khả năng phong phú chưa già nua, chưa cạn giòng. Cái đặc biệt của Kaye là tạo được những trường hợp ngộ nghĩnh. Kaye làm vui một cách chừng mực, và ở Kaye lúc nào cũng được nổi bật lên ở nhiều đoạn, những nét khá độc đáo. Chuyện xoay chung quanh hai nhân vật giống nhau như lột ở hình thức, còn giống nhau ở điệu bộ và lời nói, vì anh lính quèn có cái tài mọn là bắt chước các cấp trên giỏi đến độ những kẻ hàng ngày ở gần nhất cũng không thể phân biệt được ai là đại tướng ai là binh nhì. Danny Kaye một mình thủ cả hai vai mà vẫn nhẹ nhõm thoải mái. Với phim này, chúng ta còn được gặp lại Dana Wynter vắng mặt quá lâu với khán giả Saigon. Một Dana mỏi mệt, vẫn dễ thương ở dáng điệu đài các thùy mỵ, nhưng không còn được tươi mát như xưa. Diana Dors chỉ có thân hình, không có tài năng. Toàn bộ cuốn phim cuối cùng chỉ còn là sự thao túng của Dany Kaye, vẫn là một khuôn mặt tài tử của những phim hài hước có hạng.

NGUYÊN ĐĂNG

THỜI SỰ NGHỆ THUẬT

Quyết nghị của 45 soạn giả cải lương về bản quyền tác phẩm

Ngày 30-4-66, các soạn giả sân khấu Việt Nam đã họp đại hội tại trụ sở 133 Cô Bắc Sàigòn, minh định thái độ với chủ nhân các đoàn hát. Sau đây là bản quyết nghị của đại hội Soạn giả:

1 — Xét vì thụ hưởng tiền bản quyền chưa tương xứng với công trình sáng tác của những người viết tuồng.

2 — Xét vì việc định bách phân trả tiền bản quyền không thống nhất:

a) Có đoàn trả 5% vĩnh viễn sau khi trừ tiền thuế hí cuộc. Có đoàn chỉ trả 5% trong 50 xuất hát đầu rồi trả 3% từ xuất hát thứ 51.

b) Có đoàn sau khi trừ thuế hí cuộc lại còn trừ cả tiền mướn rạp rồi mới chia tiền bản quyền.

3 — Xét vì có một số đoàn hát không thanh toán tiền bản quyền sòng phẳng hằng đêm:

a) Cứ tính sổ để thiếu mãi tới ngày rã gánh rồi êm luôn.

b) Lại có đoàn chỉ trả vài trăm thông cảm khi có mặt soạn giả, còn vắng mặt thì cũng êm luôn,

4 — Xét vì một số đoàn hát tính tiền bản quyền trên số thu «ma», còn số thu thật soạn giả không được biết tới.

5 — Xét vì một số đoàn hát giữ độc quyền mãi mãi soạn phẩm đã trình diễn trên sân khấu mình, mặc dù đã quá lâu không diễn nữa mà soạn giả vẫn không được mang đi trình diễn nơi khác.

6 — Xét vì sự xử dụng soạn phẩm ngoài phạm vi sân khấu mà tác giả khong được thụ hưởng quyền lợi (trường hợp Đài Phát Thanh) hoặc chỉ thụ hưởng một cách tạm bợ (trường hợp Vô Tuyến Truyền Hình).

Do những điểm trên, Đại Hội

ĐỒNG THANH QUYẾT NGHỊ:

1 — Tiền bản quyền tính theo tỷ lệ 6% vĩnh viễn (kể cả tuồng mới lẫn tuồng cũ đang trình diễn) trên tổng số thu, chỉ trừ thuế hí cuộc. Tiền bản quyền phải được thanh toán ngay sau mỗi xuất hát.

3.— Trong trường hợp bán giàn, tiền bản quyền vẫn phải tính theo tổng số thu sau khi trừ thuế hí cuộc. Chủ nhân đoàn hát phải bảo đảm thực hiện điều khoản nầy trong hợp đồng bán giàn.

4 — Chủ nhân nên sẵn sàng trưng chứng từ khi soạn giả cần đối chiếu tiền bản quyền với tổng số thu.

5 — Người viết tuồng toàn quyền xử dụng soạn phẩm của mình:

a) Nếu có lương thường trực, 6 tháng sau khi chấm dứt cộng tác, soạn giả có quyền rút tuồng về.

b) Nếu độc lập, sau 6 tháng kể từ ngày khai diễn, soạn giả có quyền đưa tuồng trình diễn nơi sân khấu khác khỏi phải báo trước.

6 — Các Đài Phát Thanh và Vô Tuyến Truyền Hình mỗi lần truyền thanh hoặc truyền hình tuồng phải trả tiền bản quyền cho soạn giả theo quy chế do Ban Đại Diện các Soạn giả và Đại Diện Đài Phát Thanh hoặc Vô Tuyến Truyền Hình ấn định.

7—a) Thành lập Ban Đại Diện các Soạn giả (do Đại Hội bầu).

b) Ban Đại Diện thi hành quyết nghị nầy.

Làm tại Saigon, ngày 30-4 năm 1966.

Đồng ký tên

Hoàng Khâm, Nguyễn Phương, Nhị Kiều, Nguyễn Liêu, Hà Triều, Hoa Phượng Ngọc Điệp, Thiếu Linh, Trần Hà, Yên Hà, Vũ minh Quang, Lâm Tồn, Anh Thế, Mộc Tùng, Giang Nam, Minh Bằng, Duy Linh, Yến Thanh Trang Thiên Tuấn, Ngọc Văn, Vạn Lý, Vân An, Yên Lang, Nguyên Thảo, Viễn Khánh. Thu An, Phan Hương, Lê Trí, Mộc Linh, Tuấn Khanh, Thế Hà Vân, Vân Sơn, Hoa Bút, Xuyên Vân Tử, Hương Tử, Dạ Thảo, Thái Thi, Hoài Lệ Thanh, Hoàng Lan, Nhật Thanh Thiên, Kiên Giang, Thiên Lý, Nam Sơn, Điệp Tử Lang.

ĐÊM VĂN NGHỆ TRANH ĐẤU DO SINH VIÊN Y KHOA TỔ CHỨC

Tối thứ bảy 14-5-66, Sinh viên Y khoa sẽ tổ chức một đêm văn nghệ trình diễn những bài thơ, nhạc có tính cách đấu tranh. Đêm văn nghệ sẽ được tổ chức trong không khí lửa trại, những tác phẩm thi nhạc phải có nội dung nói lên sự chiến đấu của dân tộc được rút ra từ các nhạc bản thi phẩm có từ thời tiền chiến đến cận đại, và dường như khán giả có thể đóng góp vào chương trình tự do miễn không đi ngoài chủ đề ấy.

PHIM ĐẠI DIỆN TÂY ĐỨC TẠI ĐẠI HỘI ĐIỆN ẢNH CANNES ĐƯỢC TÁN THƯỞNG NHIỆT LIỆT

Một cuốn phim Tây Đức trình bày về con người đối đầu với bạo lực đã được tán thưởng nồng nhiệt tại Đại hội điện ảnh Cannes.

Cuốn phim «The Confusion of the Student Toerless» đã được khán giả vỗ tay tán thưởng từng chập và hết lời khen ngợi lúc buổi chiếu chấm dứt.

Cuốn phim dựa theo tiểu thuyết của Robert Musil, do đạo diễn Volker Schloendorff đưa lên màn ảnh, đã chê bai sự thụ động của một sinh viên trước sự áp đảo của một vài bạn đồng học.

Trước đó, đại hội đã cho chiếu cuốn phim «Alfie» dựa theo một hài kịch Anh quốc, do Michael Caine hủ vai chính.

Caine đóng vai một chàng «họ Sở» Anh quốc đã gặp điều không may trong phần kết phim

kết quả của đại hội Điện Ảnh Á Châu lần thứ 13 tại Hán Thành

Đại hội điện ảnh Á Châu thường niên lần thứ 13 tại Hán Thành đã bế mạc hồi đêm 10-5 bằng buổi lễ trao giải thưởng.

XUÂN DUNG, NỮ DIỄN VIÊN THỨ YẾU XUẤT SẮC NHẤT

Một tin vui và một vinh dự cho điện ảnh Việ Nam: nữ tài tử điện ảnh và diễn viên sân khấu Xuân Dung đã gây được tiếng tăm vang lừng ở Đại hội điện ảnh Á châu 1966 tổ chức tại thủ đô Đại Hàn. Qua vai trò người tình nhân cũ bị bỏ rơi trong phim Đôi mắt người xưa của hãng Liêm Film, như tin loan báo cạnh, Xuân Dung đã được tuyên dương như nữ tài tử đóng vai thứ yếu xuất sắc nhứt Á Châu.

Nữ tài tử Hương Cảng Lee Siong Chun đoạt giải «The Golden Harwest» về nữ tài tử xuất sắc nhất trong năm. nhờ phim «The Blue and the Black», cũng được coi la cuốn phim tình cảm xuất sắc nhất.

Giải «Nam tài tử xuất sắc nhất» về tay Park No Shik (Đại Hàn).

Đạo diễn Nhật Bản Satsuo Yucuato đoạt giải thưởng «đạo diễn xuất sắc nhất» với cuốn phim «The Burglar Story» xuất phẩm đen trắng của Công ty điện ảnh «Toei».

Nhật Bản cũng đoạt hai giải thưởng về «Ấn bản phim rõ ràng nhất» và «Nam tài tử phụ xuất sắc nhất», (Ichiro Atishima), cùng với cuốn phim «The Burglar Story».

Giải «Nữ tài tử phụ xuất sắc nhất» đã về tay nữ tài tử Xuân Dung của Việt Nam Cộng Hòa, trong cuốn phim «Đôi Mắt người xưa» («Reminiscence»).

Ngoài ra, «Giải thưởng đặc biệt về Tự do» được trao cho Bộ Thông Tin Việt Nam Cộng Hòa.

Nên nhắc lại là Việt Nam Cộng Hòa đã gởi 4 cuốn phim để tham dự Đại hội điện ảnh Á Châu kỳ này:

— «Người Đại Hàn ở Việt Nam» — «Con đường sáng» — «Chúng tôi muốn sống» — «Đôi mắt người xưa».

Sau đây là các giải thưởng khác của Đại hội:

— «Chuyện phim xuất sắc nhất»:

«The Silent Wife» (Trung Hoa Quốc Gia)

— «Thâu thanh hoàn hảo nhất»: Về tay Wang Yung Hua trong phim:

«Golden Buddha» (Phi Luật Tân)

— «Âm nhạc xuất sắc nhất»: về tay nhạc sĩ Lee Lin trong phim:

«Orchids and My Wife» (Trung Hoa Quốc Gia)

«Giải thưởng đặc biệt về phim thời sự»: Cuốn «Việt Nam Story» của Đại Hàn.

— «Nữ tài tử tí hon xuất sắc nhất»: Sheh Lin Lin trong phim:

«Orchids and My Love» (Trung Hoa Quốc Gia)

Ngoài ra nữ tài tử quá cố Lâm Đại cũng được trao một giải thưởng tưởng niệm đặc biệt vì «sự đóng góp lớn lao của nữ tài tử này cho nền điện ảnh Á Châu».

BAN TAM CA MSH HOA KỲ TRÌNH DIỄN DÂN CA VIỆT MỸ TẠI VN.

Trong chiếc robe hoa màu xanh bó sát người, đầu tóc vàng cắt ngắn như một đứa con trai nghịch ngợm, với nụ cười luôn nở trên môi đó là cô Barbara Stracke, hợp cùng hai người bạn trai một già, một trẻ của cô tên là William M. Mallay và Malcolm Hall bắt đầu bằng bản hợp ca «gặt hoa trên đồng bằng Mississip», một bản hát khá phổ biến ở miền Nam nước Mỹ. (xem tiếp t.6)

Nghệ Thuật đóng tập

Thể theo lời bạn đọc. Nghệ Thuật đã cho đóng tập từ số 1 tới số 15. gáy simili bìa cứng mạ chữ vàng. Số đóng rất có hạn. Bạn nào muốn có Nghệ Thuật đóng tập hoặc tới tòa soạn, hoặc cho biết địa chỉ chúng tôi sẽ giao tận nhà; giá 200 đồng mỗi tập cho các bạn đọc ở đô thành.

— 200 thêm 30 đồng cước phí gửi bảo đảm cho các bạn ở các tỉnh.

ban tam ca

● tiếp theo trang 5

Malloy - Stracke and Hall sang Việt Nam từ nhiều tháng nay, trong chương trình trao đổi văn hóa Mỹ Việt do bộ ngoại giao Hoa Kỳ đài thọ, họ đã đi gần hết mọi nơi trên lãnh thổ nầy để trình diễn những bản nhạc «dân tình ca» của Mỹ. Cuộc hành trình của họ còn dài, và đêm thứ bảy 7.5 66 vừa qua, họ đã ghé lại trụ sở ủy ban quốc qua tương trợ Đại học quốc tế V.N. (WUS, VN) số 11 đường Hồng thập tự Saigon để tiếp tục trình diễn thể theo lời mời của tổ chức nay. Với ngón đàn khá điêu luyện, nhạc cụ gồm 1 cây guitar một Manro và chiếc Marima (tam thập lục) MSH đã lấy được cảm tình của trên dưới vài trăm khán giả, phần đông là sinh viên bằng những bản tâm ca, tình ca cổ điển và tân thời của xứ họ. Âm thanh của chiếc Marimba do Malloy điều khiển rót những âm điệu lạ tai vào khán giả. MSH cũng được hoan nghênh nhiệt liệt khi họ trình bày tiếng được tiếng mất những bản «trèo lên quán dốc ngồi gốc cây đa hoặc đèn nào cao cho bằng đèn Châu đốc, gió nào độc cho bằng gió...của Phạm Duy.»

thế giới truyện ngắn

DÀNH một số đặc biệt làm nổi bật vai trò và vị trí của truyện ngắn Việt Nam trong sáng tác hiện nay, trước hết chủ ý chúng tôi là—bằng một số truyện ngắn của nhiều tác giả quen biết.—tạo thêm một ý niệm nghệ thuật cho những người viết mới, thường bắt đầu bằng một truyện ngắn. Cùng với hai truyện ngắn mới nhất của một nhà văn trẻ. Nhã Ca, và một nhà văn đứng tuổi, Bình nguyên Lộc, những ý kiến riêng về truyện ngắn của Mặc Đỗ, Mặc Thu, Sơn Nam, Mai Thảo, Dương Nghiễm Mậu, Lý Hoàng Phong, Võ Phiến, trong số này chúng tôi hy vọng trình bầy được cùng bạn đọc một phần nào về những đặc thù nhiều mặt giữa những sáng tác và những quan niệm của nhiều tác giả về thể truyện ngắn, kỹ thuật truyện ngắn, sự khác biệt giữa truyện ngắn và các thể loại khác của văn suôi.

Truyện ngắn vắng mặt và xa lạ trong văn chương Việt Nam cổ điển, đã được đánh dấu bằng những đánh dấu rực rỡ trong hiện đại, kể từ văn suôi và tiểu thuyết tiền chiến. Những nhà văn tiền chiến thành công nhất ở thể truyện dài cũng đã có được những truyện ngắn rất giá trị. Như Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam trong nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Nói đến những nhà văn tiền chiến khác có khuynh hướng xã hội hơn như Nam Cao, Bùi Hiền, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn công Hoan vv... là phải nói đến những truyện ngắn của những nhà văn ấy. Trái ngược với các thể văn khác không phát triển và thông dụng như bút ký, phóng sự, tùy bút, chính là bằng truyện ngắn mà văn suôi tiền chiến đã cống hiến được cho văn học nghệ thuật những sáng tác tiêu biểu, đặc sắc và điển hình nhất. Từ tiền chiến tới bây giờ cũng vậy. Ngôn ngữ, bút pháp những nét độc đáo nhất của từng nhà văn Việt Nam, phần lớn được biểu hiện rõ và đầy nhất ở những truyện ngắn. Thế giới truyện ngắn Việt Nam là một thế giới vừa được khám phá, và sẽ còn được khám phá tìm kiếm không ngừng. Thế giới đó phong phú, muôn hình nghìnvẻ. Trên thực thế sáng tác hiện nay, chúng ta đang chứng kiến những bước chân mới củacác tác giả Việt Nam kể chuyện cuộc đời, miêu tả con người, chụp hình và sáng tạo đời sống bằng phương tiện và hình thức truyện ngắn. Hiệu lực của truyện ngắn Việt Nam hiện nay là hiệu lực của một giòng chảy đương mùa, giòng chảy này đang dẫn đưa chúng ta về rất nhiều chân trời làm chúng ta bỡ ngỡ, cùng là rất nhiều đất đai và bến bờ làm người đọc ngạc nhiên.

Nói chung, mỗi truyện ngắn là mỗi tình yêu nhỏ của từng người viết. Cái thế giới của nó tươi sáng, và linh động, không nghiêm trang không đạo mạo như thường gặp trong cái thế giới bố cục hoàn tất của truyện dài. Vậy thì nói đến một kỹ thuật, một hình thức truyện ngắn chưa đủ. Phải nói thêm. Phải nói đến đặc thù, định mệnh, và tư tưởng của truyện ngắn nữa. Viết truyện ngắn theo ý chúng tôi, ở mỗi nhà văn còn là một hành động sáng tác biểu tỏ đậm thắm sự có mặt, sự gia nhập của mình vào hiện tại và trong đời sống xã hội thường nhật. Người ta có thể chấp nhận hay chối từ cái toàn thể, bằng viết ra hay không những truyện dài. Vì truyện dài là một hành động thứ nhất dẫn tới một khẳng định cuối cùng. Truyện ngắn khác. Nó đơn thuần là đời sống. Và người viết chỉ khám phá nó mà không đổi thay. Y đóng cái vai trò nhẫn nhận của một trung gian. Viết truyện ngắn qua một thứ tình yêu hơn là bằng một thái độ là vì thế.

Diễn đàn này hy vọng còn được trình bày và giới thiệu nhiều hơn nữa những đặc thù của truyện ngắn để chúng ta nhận thức được đầy đủ hơn nữa về vai trò và sự hình thành đặc biệt của truyện ngắn trong văn chương Việt Nam hiện đại.

NGHỆ THUẬT

ba truyện ngắn của Franz Kafka

THẠCH CHƯƠNG dịch

nhìn lơ đãng qua cửa sổ buổi chiều

NHỮNG ngày mùa xuân đang tới mau, chúng ta biết làm gì được với những ngày ấy bây giờ? Sáng sớm hôm nay bầu trời xám, nhưng nếu anh ra đứng cửa sổ bây giờ anh sẽ ngạc nhiên, và anh sẽ áp má anh vào khung cửa kính.

Mặt trời đã xuống, nhưng dưới đường kia anh còn thấy ánh nắng soi sáng khuôn mặt một đứa gái nhỏ đang đi dạo mắt nhìn quanh quẩn, và đồng thời anh thấy có một bóng người đàn ông che rợp đứa con gái.

Và rồi người đan ông đi qua, và rồi khuôn mặt đứa gái nhỏ lại bật sáng lên.

những kẻ đi qua

BAN đêm khi anh đi bộ ngược lên một con phố, và có một người đàn ông, trông rõ từ đằng xa — bởi con phố lên dốc và mặt trăng tròn vạnh đã hiện ra — đang chạy tới phía anh, thì anh không giữ kẻ ấy lại, cho dù hắn là một tên yếu mọn và áo quần rách rưới, cho dù có một người nào đang đuổi đằng sau gót hắn, nhưng anh cứ để mặc cho hắn chạy đi.

Bởi vì nếu trời đang đêm, bởi vì nếu con phố lên dốc trước mặt anh trong ánh trăng thì anh cũng không thể làm gì hơn được, và vả lại, có lẽ con đường và mặt trăng đã bắt đầu tự bao giờ một cuộc chạy đuổi, hoặc có lẽ cả hai đang chạy đuổi một kẻ thứ ba, có lẽ kẻ thứ nhất là một người vô tội và kẻ thứ hai đang muốn giết hắn, và có thể anh sẽ bị là một tòng phạm, có thể cả hai người không biết gì về nhau và chỉ đang chạy mỗi người một ngả riêng về nhà đi ngủ, có thể họ là những con chim đêm, có thể người thứ nhất có võ khí trong người.

Nhưng dù sao, thì anh đã chẳng có quyền nhọc mệt rồi sao, anh đã chẳng uống rất nhiều rượu rồi sao? Anh phải thầm cảm ơn rằng kẻ thù thứ hai giờ đã mất hút.

Một giấc mơ

JOSEPH K. đang nằm mơ. Hôm đó là một buổi đẹp trời và K. cảm thấy cần đi dạo. Nhưng đi chưa được vài bước, chàng đã ra tới một nghĩa trang. Ở đây có những con đường nhỏ quanh co, làm rất tài tình và lại khó đi, nhưng chàng lướt trên đường ấy như lướt trên một giòng suối chảy mau, chân đứng rất thăng bằng. Cách đó một khoảng xa mắt chàng bắt gặp một nấm mồ mới đắp, và chàng muốn tới dừng chân cạnh đó. Hầu như nấm mồ có một sức quyến rũ mãnh liệt với chàng, và chàng cảm thấy mình tiến đến không lấy gì làm nhanh cho lắm. Nhưng chàng luôn luôn mất hút nấm mồ, bởi có những lá cờ phe phất đập vào nhau rất mạnh chặn tầm nhìn của chàng lại; người ta không nhìn thấy những người mang cờ đâu nhưng hình như có một đám hội vui lắm.

Trong lúc còn đang ngó ra mãi tít đằng xa, bỗng dưng chàng thấy nấm mồ hiện ra xát con đường chàng đi, và sự thực tí nữa chàng đi quá nấm mộ. Nhưng bởi vì con đường chảy xiết dưới chân chàng tuồn tuột nên chàng trượt chân và ngã quỳ ngay xuống đằng trước nấm mồ. Có hai người đàn ông đang đứng đằng sau mả và đang mỗi người một tay giơ tấm bia mộ lên trời. K. chưa kịp đến nơi, họ đã vội ném tấm bia xuống đất và tấm bia gắn phập xuống như dính vào xi măng. Bỗng nhiên từ một bụi cây nào đó có một người đàn ông thứ ba đi tới, và K. nhận ra ngay đó là một chàng nghệ sĩ. Hắn vận quần và áo sơ mi cài khuy rất cẩu thả; trên đầu có một chiếc mũ bằng nhung; trong tay hắn cầm một chiếc bút chì thường và vừa đi tới gần hắn đã vừa vẽ ngoằng lên trời hình gì không biết.

Tay cầm bút chì hắn hướng tới đầu tấm bia; tấm bia rất cao nên hắn không phải cúi mình xuống, tuy vậy hắn vẫn phải nghiêng về phía trước, bởi vì nấm mồ mà hắn không dám đặt chân lên lại ở đúng ngay giữa hắn và tấm bia. Vì thế hắn kiễng chân lên và tay trái hắn tỳ lên mặt phẳng của tấm bia để giữ thăng bằng. Với một tài ba làm ta kinh ngạc, hắn cầm chiếc bút chì thường ấy mà viết được thành những chữ vàng hắn viết: «NƠI ĐÂY AN NGHỈ». Nét chữ nào cũng rõ ràng và viết bay bướm, khắc vào rất xâu và tô bằng một thứ vàng nguyên chất nhất. Viết xong bốn chữ ấy hắn ngoảnh lại nhìn K.; lúc bấy giờ vì đang mải muốn biết làm cách nào mà có thể viết được như thế nên K. không để ý gì đến hắn, mà chỉ đăm đăm nhìn tấm bia. Quả nhiên hắn lại quay lại tiếp tục viết, nhưng hắn không thể viết tiếp được nữa như có điều gì đang làm hắn thắc mắc, hắn bỏ thõng tay bút chì và lại ngoảnh nhìn về phía K. Lần này thì K. nhìn trả lại và nhận thấy hắn vô cùng lúng túng mà không thể nào cắt nghĩa được. Mọi vẻ nhanh nhẹn lúc trước đã biến mất hết. Điều này khiến K. cũng thảm thấy bối rối, hai người nhìn nhau ngượng ngập; hình như hai người có một sự hiểu lầm đau đớn lắm mà cả hai đều không thể giải quyết. Lúc ấy bỗng có một tiếng chuông nhỏ reo lên từ 1 tháp ở nghĩa địa, nhưng chàng nghệ sĩ giơ tay lên làm một dấu hiệu và tiếng chuông im bặt ngay. Được một lúc tiếng chuông lại nổi lên; lần này không đợi nó cũng im bặt rất êm nhẹ có vẻ như nó muốn thử xem tiếng mình ra sao. K. cảm thấy đau khổ cho tình cảnh của chàng nghệ sĩ, chàng bắt đầu khóc và úp mặt vào hai tay nức nở. Chàng nghệ sĩ đợi cho K. nguôi đi, và bởi cũng không biết dỗ thế nào, hắn quyết định tiếp tục viết nốt. Nét thứ nhất hắn viết làm cho K. hơi nguôi một chút, nhưng chàng cảm thấy như cố gắng lắm hắn mới viết được như thế; rồi đến những nét sau thì không còn vẻ bay bướm nào nữa, nhất là hình như lại có vẻ thiếu ánh vàng, nét nhạt và ngập ngừng kéo xuống thành một chữ rất lớn. Đó là chữ J; viết gần hết chữ ấy

■ xem tiếp trang 30

Ý KIẾN 7 TÁC GIẢ VỀ

Những ý kiến về truyện ngắn Việt Nam dưới đây được phát biểu bởi những tác giả đã từng hoàn thành nhiều tác phẩm, nhất là nhiều truyện ngắn. Bạn sẽ đọc thấy ý kiến của nhà văn Mặc Đỗ, tác giả tập truyện ngắn «Tân Truyện», nhà văn Mặc Thu tác giả tập truyện ngắn «Bão Biển», nhà văn Sơn Nam, tác giả «Hương Rừng Cà Mau», nhà văn Mai Thảo, «Bản Chúc Thư Trên Ngọn Đỉnh Trời» nhà văn Dương Nghiễm Mậu «Cũng Đành» và nhà văn Lý Hoàng Phong «Sau Cơn Mưa»

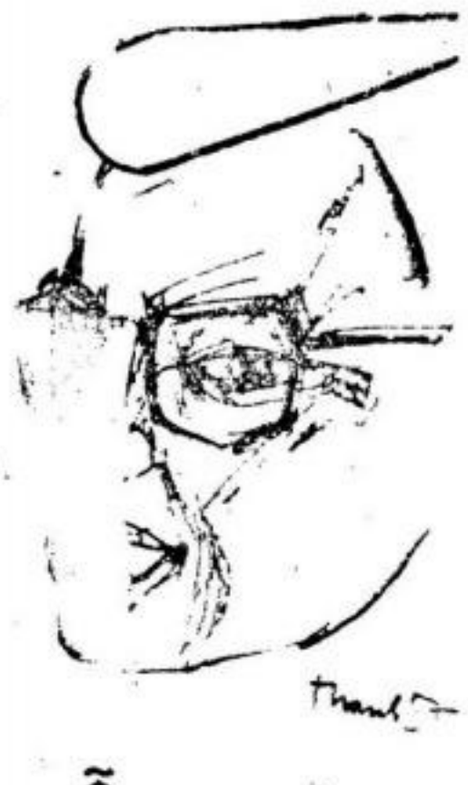

MẶC ĐỖ
TÁC GIẢ TẬP
TRUYỆN NGẮN
TÂN TRUYỆN

MẶC ĐỖ :

KỸ THUẬT LÀ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG

Hồi mới tập viết văn tôi được khuyên nên bắt đầu tập viết truyện ngắn vì truyện ngắn đòi hỏi công phu gạn lọc rất lợi cho sự tập tành.

Sau này đã tập tành nhiều tôi nhận thấy lời khuyên đó đúng giống như những người con khi đã trở thành cha mẹ hiểu tâm trạng của cha mẹ mình khi ngày xưa mắng con «rát cổ bỏng họng».

Bây giờ tôi nghĩ thêm rằng khởi sự tập viết truyện ngắn, tới khi viết nhiều, quen với thể truyện dài, thường quay về tập tành lại với truyện ngắn có cái thú ghê lắm. Truyện ngắn viết theo lối bây giờ lại càng khó hơn nữa, khó vì thoạt nhìn tưởng rằng dễ.

Nói chung về chuyện viết, lúc nào tôi cũng nghĩ rằng kỹ thuật là vấn đề quan trọng. Không có tư tưởng hay không muốn gởi gấm một tư tưởng gì tất nhiên không có sự cần thiết phải viết, vậy vấn đề này không phải bàn tới. Nhưng đã viết sự phô diễn là cả một chuyện người viết phải thấy rất mệt mới thú.

MẶC THU
TÁC GIẢ TẬP
TRUYỆN NGẮN
BÃO BIỂN

MẶC THU :

KỸ THUẬT ĐẾN TRONG KHI VIẾT

Một mảnh đời, một phần cuộc sống, một sự vật, một sự kiện động hay bất động được soi khắp các khía cạnh, đặc biệt khía cạnh tâm linh, bởi một con người văn, nói lên được những gì người khác không nói được, không cảm thấy được, với tôi đó là truyện ngắn. Tưởng không cần đề cập tới những truyện ngắn có chuyện và truyện ngắn không có chuyện. Đạt tới một bút pháp nào đó thì truyện ngắn sẽ được công nhận. Điều cần. Sự công nhận của quần chúng thưởng thức.

Tôi viết truyện ngắn theo tiêu chuẩn: đợi cho tới khi cảm xúc ứa đọng, đầy ắp... mới bắt tay vào viết. Kỹ thuật đến trong khi viết và kỹ thuật được hướng dẫn bằng cảm xúc chớ không lý trí.

SƠN NAM :

TRUYỆN NGẮN MUỐN CÓ TÁC DỤNG PHẢI CHỨA ĐỰNG MỘT TRIẾT LÝ : TRIẾT LÝ TO HAY TRIẾT LÝ VỤN

Viết truyện ngắn là một sự thú vị. Đang nằm, chợt nhớ điều gì, ta có thể viết ra truyện ngắn. Đang ăn uống, chợt thấy điều gì, lại cũng là truyện ngắn

Nhưng viết là điều khó. Độc giả ít khi nào chịu theo dõi một truyện ngắn mà năm mười hàng đầu không có gì hấp dẫn Truyện ngắn muốn có tác dụng phải chứa đựng một triết lý, triết lý to hay triết lý vụn. Có chút ít triết lý, độc giả mới nhớ tới truyện ngắn. Nhưng không khéo lại trở thành cái bịnh triết lý ba xu.

Nhập đề truyện ngắn đã khó, kết luận lại càng khó hơn vì tác giả chỉ kết thúc truyện ngắn với đôi ba hàng chữ, hoặc không có hàng chữ nào cả

Viết truyện ngắn để kiếm nhuận bút là điều quá khó. Mỗi truyện ngắn đòi hỏi một ý, một cốt truyện. Ý hoặc cốt truyện dầu tuyệt diệu đến thế mấy cũng chỉ bán được 700 hoặc 1000 đồng là nhiều. Xuất bản thành tập thì truyện ngắn không được săn đón nồng nhiệt bằng tiểu thuyết. Bình dân không đọc tuyển tập truyện ngắn. Tuyển tập truyện ngắn là món ăn tinh thần giành riêng cho giới sành điệu nào đó.

MAI THẢO :

TRUYỆN NGẮN HAY NHƯ MỘT NGẠC NHIÊN

Những sáng tác đầu tiên của tôi là những truyện ngắn sau này được in thành hai tập Tháng Giêng cỏ non và Đêm giã từ Hà Nội, Chúng đánh dấu cho «nhìn thấy» và «rung động» tôi những năm 1954 1955, tôi mới chân ướt chân ráo vào Nam, đời sống mới này là cái vừa bắt gặp bàng hoàng và mới lạ. Sáng tác chưa phải là kết quả một lắng đọng tiềm tàng, một suy tưởng chín vững. Viết là một ghi nhận nóng hổi và tức khắc. Về những cái chợt hiện hình trước mắt, đang diễn ở chung quanh. Thể truyện ngắn thích hợp nhất cho sự thực đó của sáng tác. Truyện dài là một công trình sửa soạn trầm tĩnh, người ta lùi lại và tách ra để nhìn ngắm được bao quát và toàn thể hơn. Tôi đứng ở ngoài những truyện dài mình. Nhưng trong mỗi truyện ngắn là mỗi phần tôi bé nhỏ hòa mình trong đó. Truyện dài là ý thức của sáng tác Truyện ngắn là tình cảm của sáng tác Không đúng hẳn Nhưng gần như thế. Bằng trường hợp riêng của mình suy nghĩ ra, tôi tìm thấy tại sao truyện ngắn là thể thịnh hành nhất sáng tác chúng ta hiện nay, ở từng người nó đã là thành hình toàn vẹn, trong khi ở truyện dài những người đã đi được xa nhất như Thanh Tâm Tuyền, Mặc Đỗ, Võ Phiến vẫn đang tìm kiếm. Đó là truyện

TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM

DƯƠNG NGHIỄM MẬU
TÁC GIẢ TẬP
TRUYỆN NGẮN
CŨNG ĐÀNH

DƯƠNG NGHIỄM MẬU:

SỐ TRUYỆN NGẮN THỜI TRƯỚC CŨNG NHƯ BÂY GIỜ RẤT NHIỀU, NHƯNG CHẲNG CÓ MẤY TRUYỆN ĐÁNG NHỚ

Ý kiến về truyện ngắn. Tôi thấy tôi cũng chẳng có ý kiến gì lạ. Hồi 1963, trên tờ Văn Nghệ, cùng với một số những người viết khác tôi cũng đã nói về truyện ngắn, đọc lại thấy những điều nói hồi đó cũng không khác nay bao nhiêu vậy xin nhắc lại và nói thêm : Các tác giả phần nhiều trải qua một giai đoạn viết truyện ngắn trước khi viết truyện dài. Tôi bây giờ cũng ngại viết truyện ngắn. Bởi nhiều lẽ như : Viết khó hay, tốn công, gò bó. Tôi nghĩ : một truyện ngắn được gọi là truyện ngắn là một chi tiết đủ nghĩa hơn hết của một đề tài thu hẹp. Một truyện dài thành công không thể tách ra khỏi nó một đoạn nào mà là truyện ngắn được. Số truyện ngắn thời trước cũng như bây giờ rất nhiều nhưng truyện còn lại để nhớ không có là bao.

Tôi nghĩ : truyện ngắn với khuôn khổ chật hẹp khó khăn, đòi hỏi công phu rất nhiều mới có thể thành công được. Cho nên thường có nhiều truyện ngắn xuất hiện nhưng thực các tác giả cũng ít khi hài lòng với những truyện ngắn đã viết. Sự có nhiều một phần vì các tác giả muốn nói ngay một điều gì đấy, hoặc do các tạp chí, tuần báo đòi hỏi mà viết.

Tôi đã viết một số khá khá truyện ngắn, nhưng đến nay thì tôi thấy cũng chỉ còn lại với tôi một, hai truyện được được mà thôi. Tôi thích viết truyện khoảng 100 trang, chẳng phải ngắn mà cũng chẳng phải dài. Nhưng tôi vẫn còn viết truyện ngắn, chắc thế.

LÝ HOÀNG PHONG :

NHỮNG SẮC THÁI TRUYỆN NGẮN VIỆT NAM

Trong mấy năm nay tôi không đọc được nhiều, nhưng đại để có vài sắc thái truyện ngắn — nhìn qua các tác giả-thấy rõ ràng lắm. Về Dương nghiễm Mậu, đó là tâm trạng của một thế hệ thanh niên trả nợ, theo như danh từ anh hay dùng : thế hệ trả nợ. Nhân vật của anh là nhân vật tượng trưng, rất tượng trưng : một lão già thật thế, một trí thức quá thời, một thanh niên sáng suốt bơ vơ. Về Võ Phiến sự vật thu vào cái thế tĩnh, bình thản. Về Thanh tâm Tuyền, có vài truyện tôi để ý. Tôi cho rằng các nhân vật của ông chịu một nỗi ám ảnh chung thoát ra, tuy nhiên, về kỹ thuật, tôi không đồng ý với truyện Buổi Sáng Ngoài Bãi Biển. Nó không đúng là một truyện ngắn. Trong «Khuôn Mặt», kỹ thuật xây dựng là lối độc thoại — Suốt từ đầu đến cuối — từ nhân vật này đến nhân vật khác. Cái sắc thái đáng kể nhất trong truyện ông là cái không khí, Một không khí u tối bão lốc. (Lời người ghi : tôi dẫn ý Lý Hoàng Phong, có nhiều lời có thể ông đã nói khác Viên Linh)

Nói thật ra thì truyện ngắn khó viết lắm, khó hơn tất cả mọi thứ truyện.

Cũng như phần nhiều người viết hiện nay, tôi muốn tìm một lối viết truyện ngắn thật tự do. Nhưng viết truyện ngắn cũng như làm một bài thơ, càng muốn tự do càng thấy khó khăn. Ngày nay truyện ngắn cũng như truyện dài cũng như thơ, kỹ thuật lối thực hiện, cả nghệ thuật viết truyện ngắn, có nhiều điều thay đổi. Nhiều người viết truyện ngắn không còn kể lại một chuyện nào đó mà chuyện chỉ còn là một cái cớ để họ suy nghĩ gì về một chủ đề nào. Về kỹ thuật họ thường dùng lối độc thoại nội tâm. Có nhà phê bình như ông Nguyễn văn Trung cho đó là thứ truyện *«như một ý thức»* truyện triết lý. Nói tóm truyện ngắn bây giờ diễn tả nội tâm, tiềm thức nhiều hơn xưa. Tiền chiến, Thạch Lam cũng đã viết một vài truyện ngắn phá thể. Ngày nay, nhiều cây bút trẻ gần như phá bỏ hết những lề lối cũ, nhiều truyện của Nguyễn nghiệp Nhượng, Viên Linh viết rất phóng túng, lối viết này nếu không bố cục tinh vi và chặt chẽ sẽ khó lòng bảo đảm được sự vững chắc của đề tài. Những tác giả khác như Mai Thảo, Duy Thanh, Tô th. Yên, Lê h. Oanh, Vĩnh Lộc, Kiêm Minh, Trần d Từ, Ng. đức Sơn viết theo 1 lề lối chừng mực hơn. Ngày nay người viết truyện ngắn không cần có một truyện phải kể nhưng tôi không nghĩ rằng như thế có nghĩa là người ta có thể viết một truyện ngắn không có chủ đề. Nói đúng hơn thì truyện vẫn phải có nhưng tính chất truyện thay đổi, lối diễn tả thay đổi.

VÕ PHIẾN

TRUYỆN NGẮN DỄ LỘ RA CÁI VẺ TRAU CHUỐT CỦA TÁC GIẢ

Từ trước tới giờ tôi chưa viết được truyện dài nào lẽ vì tôi nên thích truyện ngắn là loại tôi đã quen dùng. Thế nhưng tôi không thích.

Có người nói chuyện ngắn khuôn khổ chật hẹp, khó xoay trở, lại dễ lộ những tì vết nhỏ nhặt, thành ra người viết phải mất nhiều công phu ý tứ. Nhưng mỗi loại có những đòi hỏi riêng về kỹ thuật, đã xử dụng nó thì hãy chịu khó thỏa mãn, hơi đâu than van.

Điều đáng phàn nàn là cho dù toàn hảo đi nữa, một truyện ngắn cũng cứ có vẻ xinh xắn, nhỏ nhắn, có vẻ «các phẩm mỹ thuật» quá ; nó để lộ bàn tay trau chuốt, và nhất là thường để lộ cái dụng ý của người sáng tác. Trong khi ấy thì cuộc sống lại mênh mông, lại hỗn tạp, không sắp đặt, cuộc sống lại không hề có dụng ý. Tôi vẫn ao ước có thể sử dụng được một thể tác phẩm gần gũi với những tính cách như thế của cuộc sống hơn là thể truyện ngắn.

NHỮNG NGƯỜI NĂM CŨ

cuộc đời á nam trần tuấn khải

bài của HOÀNG VIỄN NGU

Kể từ Nghệ Thuật số trước, bạn Hoàng Viễn Ngư đã cùng các bạn tìm về cuộc sống của nhà văn Lê văn Trương, trong một mục mới : những người năm cũ. *Mục này kể từ nay sẽ được tiếp tục thường xuyên trong đó, như một con đường tìm trở lại thế giới đã xa những quá khứ, những vang bóng, những một thời vang động, dẫn bạn vào cuộc sống ôm ấp riêng tư của những nhà văn nhà thơ mà tác phẩm đã được công nhận từ nhiều năm qua, mà hiện nay tác giả hoặc đã không còn, hoặc đã ở lại miền Bắc, hoặc đã ở lại trong một góc đời riêng của mình. Hôm nay Hoàng Viễn Ngư nói tới cuộc đời Á Nam Trần tuấn Khải, tác giả bài* Anh Khóa, *một điển hình của văn chương Việt Nam.*

TRONG một truyện gần đây của Doãn Quốc Sỹ đăng trên tạp chí Văn, có đôi câu :

«Cho tôi sinh vào năm chấm dứt giai đoạn Văn thân Cần vương, nghĩa là vào năm 1895 (...) ;người không trực tiếp hoạt động chánh trị nữa, người chuyển sang hoạt động văn chương, người làm những bài thơ cảnh tỉnh quốc dân, những bài ca trù, những bài hát sẩm ái quốc tiêu cực, giọng điệu lâm ly thấm thía khiến người dân Việt thời đó nếu không thể vùng lên được vì thời cơ chưa thuận tiện thì cũng không thể quên được cái nhục vong quốc.»

Anh chị em cầm bút trên bốn mươi, mười người hết chín, đều nghĩ thầm : «Còn ai vô đây khác hơn là cụ Á Nam Trần Tuấn Khải.»

Tôi cũng thuộc lớp người này, nhưng để chắc hơn, lật tập hồ sơ «Gia đình Văn Nghệ», thấy quả là đúng, vì năm sanh ghi trong truyện, 1895, thì ở mục tiểu sử «Anh Khóa», rõ ràng : sanh ngày 18 tháng 9 năm Ất Vị, nhằm ngày 4 tháng 11 năm 1895 tại làng Quang Xán, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định (Bắc Việt).

Ấy mới biết, trải qua mấy mươi năm dâu bể, trong đó có cả hai mươi năm mưa gió cường toan xối xả trên mảnh đất cong cong hình chữ S này, mà những vần thơ yêu nước thương nòi, những lời văn khẳng khái lay tỉnh quốc hồn,khơi tình đoàn kết vẫn còn nằm tận đáy lòng những ai với nước non, nếu chẳng nặng một lời nguyền, cũng chẳng thờ ơ lạnh nhạt.

Tên thật là Trần Tuấn Khải. Biệt hiệu là Á Nam, Tiểu tự là Đông Ninh và Đông A Thị. Bút hiệu là Tiêu Hoa Nhàn, Lâm Tuyền cư sĩ và Giang Hồ Khách.

Vốn dòng nho học, thụ huấn với phụ thân vốn làm huấn đạo từ năm lên sáu, người lớn lên lúc nước nhà đang sục sôi vì trận chiến tranh Nga — Nhật, vì phong trào Đông Du và Đông Kinh nghĩa thục.

Tư chất vốn thông minh, nền gia huấn khá nghiêm, nên mười hai tuổi đã đọc được kinh truyện và bắt đầu làm đủ các loại văn.

Mười tám tuổi, đã có thơ văn đăng ở *Đông Dương tạp chí* (1913). Và thay vì cầm súng chống kẻ thù «mũi lõ mắt xanh» hay mắt dương sang Tàu sang Nhật học làm cách mạng, người trai họ Trần này chọn nghề «nâng bút» để phụng sự cho dân tộc.

Thép kiếm xưa làm thép bút nay
Hai thép bên nào hơn đắm say ?

Và từ đó. ngọn bút sắt của người, ngoài cái việc như ai : «nôm na... kiếm ăn xoàng» còn có sứ mệnh : khích động lòng người tham gia đại nghĩa.

Báo chí khắp ba kỳ,cụ đều cộng tác,như: *NamPhong tạp chí,HữuThanh tạp chí, Khai Hóa nhật báo, Đông Pháp thời báo, Thực Nghiệp dân báo, Hà Thành ngọ báo, Đông Tây tuần báo, Đông Tây tiểu thuyết, Vệ nông, Văn học tạp chí, Nhân loại, Pháp Việt tạp chí...* ở Bắc, *Tiếng dân, Phụ nữ tuần san...* ở Trung, *Đuốc nhà Nam, Việt Nam...* ở Nam.

Sách viết và dịch cũng khá nhiều.

Tác phẩm đầu tay ra đời năm 1921, là *Duyên nợ phù sinh,* tập I, còn có tên là *Kim sinh lụy,* thứ nhất.

Năm 1923, tiếp đến *Duyên nợ phù sinh,* tập II và tiểu thuyết *Gương bể dâu,* quyển thứ nhất. Cũng năm 1923, quyển *Tam*

● xem tiếp trang 30

ALAIN Bosquet khôn phải là một gương mặt mới của văn chương Pháp. Với sáu quyển tiểu thuyết, bốn thi tập và sáu tác phẩm biên khảo, ông đã có mặt. Sự có mặt ấy đã được xác nhận bởi những giải thưởng Sainte-Beuve (1957) và Femina Vacaresco (1961). Những kẻ trao giải Interallié năm rồi chỉ làm công việc tô đắp thêm cho một thân cây đã đâm trái. Ở đây không còn ý hướng khám phá, không còn ý hướng giới thiệu. Đây là một công việc khẳng định. Thật vậy, sau những giải Goucourt (Jacques Borel với « L'Adoration») giải Renaudot (George Pérec với «Les Choses») giải Médicis (René Victor Pilphes với «La Rhubarbe» và giải Fémina (Robert Pinget với (Quelqu'un ») nhằm đưa ra khỏi bóng tối những cây bút mới, hội đồng giải thưởng Interallié 1965 đã quyết định, với sáu phiếu thuận và năm phiếu chống. trao giải nầy cho quyển «La Confession Mexicaine» của Alain Bosquet. Vơi quyển tiểu thuyết thứ bảy nay nhà ván Alain Bosquet đã thực sự là một nhà tiểu thuyết có hạng..

NGƯỜI THI SĨ VIẾT TIỂU THUYẾT

Thế nhưng, những tác phẩm :« Quel royaume oublié», « Le premier testament», «Le deuxième testament», «Le maitre objet» thì sao? Nhà tiểu thuyết A. Bosquet lại đồng thời là một nhà thơ, hay nói đúng hơn, Alain Bosquet trước hết là một nhà thơ. 1 nhàthơ viết tiểu thuyết. Chính con người thisĩ ấy đã chối bỏ con người viết tiểu tuhyết ngay lúc tiểu thuyết của nó được tấn phong : «Tôi muốn được lưu danh bằng ba bài thơ, dù cho rất ngắn, còn hơn bằng một quyển tiểu thuyết» Alain Bosquet đã tuyên bố với báo chí như thế, ngay sau khi nhận giải Interallié.

Phải chăng Alain Bosquet cũng đã diễn tả cùng một ý nghĩ như Faulkner khi Faulkner nói rằng mình viết tiểu thuyết chỉ vì đã không làm thơ và viết truyện ngắn được ? Ta hãy nghe Alain Bosquet cắt nghĩa với Jacques Ricaumont trong một bài phỏng vấn « Tiểu thuyết là kiến trúc, giả tạo và trau chuốt ; nó tự sửa đổi và tự giản lược ; nó không được làm thành bởi những đòi hỏi mà lại được cấu tạo bởi những hòa giải và sau hết, nó dễ dãi vì nó được viết nên gần như cách người ta viết một bài báo. Chỉ trong những tập hồi ký, những câu cách ngôn và những bài thơ người ta mới có thể đạt đến một sự thật chủ quan và ngẫu phát. Khi dựng nên một quyển tiểu thuyết, nhà văn đã hiểu trước những gì hắn viết vì hắn viết cho những người khác, trái lại trong trường hợp một bài thơ, thi sĩ chỉ hiểu được nó khi đọc lại — hay là hắn chả hiểu gì cả. Tôi đã từng đọc lại những bài thơ của tôi, trong lúc

chưa hề đọc lại năm trang tiểu thuyết do tôi sáng tác trừ phi do nhiệm vụ nghề nghiệp, và trong trường hợp đó tôi cảm thấy hổ thẹn vì công việc ấy. (1).

Thật vậy, với Alain Bosquet, thơ là một đòi hỏi tuyệt đối gần như thiêng liêng, một nhu cầu mà cách diễn tả bằng ngôn từ vẫn mãi mãi là một huyền nhiệm đối với thi sĩ. Câu thơ: «Tôi chỉ là một bộ xương được bao phủ bởi thi ca» (Je ne suis qu'uu squelette habillé de poèmes) trong «Premier tes'ament» đã làm sáng rực lên ý nghĩ đó, ý tưởng về một sự gắn bó trọn vẹn giữa hữu thể và ngôn từ.

Hãy đọc bài thơ mới nhất của Alain Bosquet :

«Những thần linh đa nghi».
«Không, không», những thần linh đã nói thế
«Nếu cần một ánh mắt,
Ánh mắt ấy phải thuộc về núi»
«Không, không», những thần linh đã nói thế
«Nếu cần một tiếng cười
Thì trao cho trùng dương để đánh thức nó dậy
Lời nói cho gà tây,
Cho cây xương rồng, cho giòng suối !
Và tư tưởng
Thì sỏi đá hãy chiếm lấy đi
Để tự mình hiểu mình thêm nữa»
«Không, không», những thần linh đã nói thế
Chúng ta hãy tránh xa đi
Lỗi lầm nhân loại».

TIỂU THUYẾT LÀ MỘT BỘ MÔN DỄ DÃI

Tuy thế, người thi sĩ ấy vẫn tiếp tục viết tiểu thuyết, vì tiểu thuyết là gì nếu không phải là một nỗ lực tìm kiếm, nỗ lực phá vỡ những chân trời tù hãm, để ngôn từ bay vút lên. Vì thế đừng lạ khi thấy Alain Bosquet biện hộ cho trường phái tiểu thuyết mới, mặc dù những tác phẩm tiểu thuyết của ông chẳng mang một dấu tích nào của phong trào rầm rộ đó. Ở Alain Bosquet là sự bình dị, một sự bình dị trong lối nhìn và trong phương thế diễn tả. Nhận định về tiểu thuyết mới, Alain Bosquet nói : « Tôi biết ơn trường phái của cái nhìn (L'école de l'oei!) vì đã từ chối những câu chuyển tiếp, những thay đổi của các thì động từ, những thay đổi ngôi thứ của chủ từ, cũng như tôi biết ơn sự gạt bỏ tâm lý thông thường ra khỏi tiểu thuyết. Nhưng ngược lại tôi không thể nào chấp nhận cái mà trường phái ấy cho là thắng lợi chính yếu của nó : sự lấn áp của đồ vật và của bối cảnh trên nhân vật « Với nhà nhân bản ấy thì mưu toan đày ải con người ra khỏi vũ trụ là một điều phi lý. Với ông con người và vũ trụ luôn luôn gắn bó nhau một cách thân thiết, vũ trụ là vũ trụ của người, cho người. Ý niệm về một vũ trụ vắng bóng con người, hay nói đúng hơn một vũ trụ chưa có bóng dáng con người là một ý niệm điên rồ. Văn chương phải là một cố gắng tìm hiểu vũ trụ và vượt lên thân phận con người. Qua rồi những thời kỳ thái bình, những quãng đ rừng thẳng tắp. Người viết văn hôm nay không thể nào an nghỉ trong một vũ trụ đã được an bài một cách trật tự, hợp lý. Vũ trụ đã không còn mang một kích thước hẹp hòi cũng như nó đã không còn mang bộ mặt quen thuộc. Và vì thế nó xuất hiện trước mặt con người như thể một đối nghịch chứ không phải tách rời, xa lạ vì đối nghịch bao hàm ý nghĩa tương quan : phải gần gũi mới đối nghịch trong lúc xa lạ là ngoảnh mặt đi, xây lưng lại, bất cần. A'ain Bosquet không bằng lòng làm một gốc đá bền vững trong một cơn thác lũ ; Bosquet muốn lao mình vào đó để được cuốn trôi đi. Tất cả mọi chúng ta như Pascal đã nói đều đã bước xuống thuyền. (Nous sommes embarqués) bước xuống và mặc tình giông bão. Điều khác biệt là ý thức về hành động bước xuống đó, ý thức về sự trôi nổi lênh bềnh đó. Ý thức đó chính là điểm sáng chói của toàn bộ tác phẩm Bosquet, nó làm thành sự đồng nhất của một sự nghiệp văn chương đã bắt đầu trở thành to lớn. Được hỏi về những đề tài chính của mình, Bosquet trả lời. « Tình cảm về sự mong manh của con người, nỗi ngạc nhiên vì còn được sống sót sau tội lỗi tổ tông thứ nhì là sự nổ bùng của bom (nguyên tử) và nhu cầu tìm kiếm ở mọi nền văn minh khác một bóng dáng người tương đương với bóng dáng mà nền văn minh Cổ La Hy đã phác họa. Về điểm cuối cùng thì Mễ Tây Cơ — quốc gia mà tôi được viếng thăm lần đầu vào năm 1943, giải đất mà năm rồi tôi đã đi khắp suốt trong hai tháng trời — là cả một điều mặc khải. Tôi, đứa con của La Mã và Nhã Điển, đã khám phá ra một nền văn minh chẳng chịu mảy may ảnh hưởng của nền văn minh ta, và ngược lại nền văn minh của ta cũng chẳng vay mượn ở đó một tí gì ; một tôn giáo, tôn giáo độc nhất đã dám tiên đoán về sự hủy diệt của mình. Các anh cũng đã biết rằng một thế kỷ của người Mayas chỉ có năm mươi hai năm, hết 52 năm đó, những thần linh sẽ tự quyền quyết định để cho đời sống được phép tồn tại hay không. Một ý niệm thường trực về tận cùng của thế giới thật thích hợp với nỗi xao xuyến của con người hiện đại ».

Ý thức thường trực về sự hủy diệt toàn diện đó cũng chính là nốt nhạc sau cùng của bản hợp tấu «La Confession mexicaine». Và không phải do tình cờ mà cuốn sách của Bosquet lại chấm dứt bằng chữ: «Hiroshima», dù cho đó chỉ là một cái tên mà nhân vật muốn đặt cho con cá thia tàu trước khi tan biến đi, trong một tai nạn phi cơ.

Một tiểu thuyết gia tự phủ nhận, một nhà phê bình có cảm tình với tiểu thuyết mới, nhưng những đề tài sáng tác lại mang những âm vang của nỗi khắc khoải giống hệt nỗi khắc khoải của thế hệ hậu chiến (la génération d'après guerre) và những nhà văn hiện sinn, Alain Bosquet rồi đây chắc hẳn là một bài toán nan giải cho những nhà phê bình Pnáp có thói quen sắp xếp những nhà văn theo từng trường phái văn học. ■

---

(1) Bài này viết theo tài liệu của báo « Les Nouvelles littéraires » số ra ngày 16 tháng 12 năm 1965.

CHÂN DUNG MỘT TÁC GIẢ

ALAIN BOSQUET VÀ QUAN NIỆM VỀ TIỂU THUYẾT

LE TEMPS EST UN ENFANT QUI JOUE, EN DÉPLAÇANT DES PIONS ; LA ROYAUTÉ D'UN ENFANT—HÉRACLITE

PHẦN THỨ NHẤT

2

GIÓ khuất im, cánh cửa tự động khép. Hơi ẩm nhạt nhẽo của gian phòng kín, toàn bằng gỗ, rộng, thấp, đèn dấu trong các góc ngách dâm tối. Dàn trống xua dồn từ một chân trời bít bùng như sấm đang lan, đuổi theo nỗi hiu quạnh chạy quanh trên sàn nhảy, qua các bàn ghế trống không người màu đỏ tái, tận cùng bằng 1 tiếng phèng rung trơ trẽn.

Hai vũ nữ nhảy với nhau một điệu Mambo, một người áo dài, một người áo chẽn váy bó. Khuôn mặt lặng thinh, một ngước nhìn đâu đó trên mái ; dăng ngang qua các cột những sợi dây hoa trùng buông, một chăm chú vào ngực bạn lui tới. Hai cánh tay buông xuôi ép dính vào sườn bàn tay xoè vềnh, hai cánh tay khác co ngang tầm ngực bàn tay nắm đấm đưa đẩy. Ban nhạc say sưa buồn bã, tiếng la hét nhịp nhàng rút sạch bi phẫn. Người đánh trống vặn người,gục đầu. Miệng kèn đồng loe chổng ngược lên không trung thả âm thanh rớt xuống thân nhạc công xiêu đổ về sau.

Một bồn cá vàng, những con cá lượn lờ. Bồn kính màu dầy và những rong rêu được nuôi thả.

— Thưa ông dùng gì ?

Anh bồi quần áo trắng, trên tay vắt một chiếc khăn lau, người nghiêng cúi Anh ta nhận lệnh đi về phía quầy đặt bên góc đối diện, người ngồi ở sau chỉ là một bóng mờ. Cửa ra vào đẩy mở lâu, hơi lạnh lùa tỏa phòng. Một bọn khách mới ; hai người đàn ông, hai người đàn bà không nhìn rõ mặt đi khuất sau những cây cột, đến ngồi một bàn phía bên kia sàn nhảy, sát tường lẫn vào trong tối.

— Dạ. Trên này vắng. Mùa này không có du khách. Thường những người Nhật làm trên đập nước về chơi. Dạ. Thứ bảy, chủ nhật thì đông. Ông có mời một cô nào... Ông ở Sàigòn lên ? Các cô ở đây tất nhiên không thể bằng Sài gòn. Thỉnh thoảng cũng có cô ở Sàigòn lên ít lâu.

Người vũ nữ mặc áo dài đã bỏ sàn nhảy, lên bục nhạc đứnghát. 1 bài tình ái phổ thông khắp hang cùng ngõ hẻm. Một giọng run rẩy cũn cỡn...

...Như tương lai, những giây phút sẽ tới. Xúc động bồi hồi mỏi mệt của loài trâu nằm trong chuồng nhai lại cọng cỏ khô nát ngướu.

Tên say nói : Tôi muốn nhìn rõ, nhìn rõ mọi sự. Nhìn rõ trước hết cái bản mặt đáng ghét của chính tôi Tên say khóc. Một vai hề. Kịch Hy Lạp không có hề. Vai hề buồn trong không khí như của Tchékov.

Xúc động mòn mỏi như xã hội mòn mỏi, lịm tắt.

Đời sống không mộng ước, ngụp lặn trong kỷ niệm.

Không ai đánh cắp được mộng ước cả. Điều cô tưởng là mộng ước, sự thực chỉ là ngụy tạo để tự bào chữa. Mộng ước chính là mình, chính là mình trong những ngày sẽ tới. Tên say nói. Hắn là ai ?

Hắn nhìn mọi người, sự vật ở mặt trái. Với men rượu phủ quanh mặt suốt ngày.

Người đàn bà tóc uốn ngắn, thân hình đẫy, ăn mặc kiểu Tây Phương trẻ trung, quần áo bó sát, đang nhảy boléro cùng người đàn ông dong dỏng đỏm đáng. Mặt ngước bầu bĩnh, môi mấp máy cười tủm tỉm. Mặt người đàn ông hơi cúi xuống, lưng vẫn thẳng, bộ ria mép đen nhánh.

Nụ cười không thể lầm được dù cách ăn mặc, con người đã thay đổi hẳn. Nhìn phía sau đong đưa, đó là một người khác.

Trên sàn nhảy vẫn chỉ một cặp ấy lượn vòng, lúc xa lúc gần. Hai người đi cùng vẫn ngồi khuất trong bàn không xuất hiện. Ban nhạc nghỉ một thoáng đổi nhịp. Người đàn ông buông tay khẽ thầm thì, người đàn bà đứng tại chỗ thong thả vuốt tóc.

Rượu bốc ngà ngà. Nhìn xuống hai cặp chân quấn quít rồi rít theo nhịp valse, chóng mặt. Quanh mép sàn nhảy lót kính, bên trong đặt những ngọn đèn xanh đục.

Tội nghiệp cho mày có một trí nhớ, trí nhớ dài hết đời, mới nguyên như một đứa trẻ. Chính mày, mày là một trí nhớ chạy trốn quẩn quanh. Người chết người sống đều quên và mày thu nhặt những điều nhớ vào mày.

Mừng cho anh đã chết. Mừng anh...

— Thưa ông. Bà ở bàn bên kia xin lỗi ông có phải...

Có phải ? Ban nhạc im, sàn nhảy trơn chuếnh choáng, rộng và dài như một con đường hun hút đi mãi không hết. Các nhạc công nghỉ giải lao. Người đánh trống uống nước nhấm nháp, người đánh đàn dương cầm đi vào phía sau nắp đầy mở, hai người thổi kèn hút thuốc uống rượu, rút

khăn tay lau mồ hôi trán, nhạc khí cặp bên nách, người chơi đàn đại hồ cầm vươn vai ngáp. Giơ cao cốc rượu như cầm đèn soi lối, bước đến bên bục nhạc. Người thổi kèn đồng khom lưng, nghiêng mặt che tay vào lỗ tai làm ống nghe.

— Ông hát cho tôi một bài. Mừng một người đã chết.

Hai người thổi kèn che miệng cười với nhau, mấy người khác hỏi : Cái gì? Chuyện gì ? Tiếng đế giày nghiến trên gỗ đánh bóng, sau lưng một vài nốt đương cầm vu vơ. Cái áo khoác trĩ nặng trên vai như khoảng tối nổi hiện bốn hình người cùng quay mặt nhìn đợi, cái áo cũ như dĩ vãng.

Thật là Phương đấy ư ? Phương.

— Anh Nguyên. Đây nhà tôi, anh... Cháu Quỳnh Anh nhận được ra cháu không ? Mời anh ngồi chơi. Quỳnh còn nhớ chú Nguyên không ? Chú Nguyên hay đến nhà mình ngoài Hà nội ấy.

Anh làm việc trên này hay lên đồi không khí. Anh ở đâu ?

— Anh dùng gì ? Rất hân hạnh được quen anh là bạn cũ của nhà tôi.

— Anh lấy vợ chưa ? Vẫn độc thân. Chịu các ông nhà văn thật.

— Anh viết văn ? Nghề của anh thích đấy chứ. Nhưng ở Việt Nam chắc cũng mệt. Ở Âu châu nhất là Pháp nhà văn là quý lắm.

— Chúng tôi vào ở đây luôn từ ngày ấy. Nhà tôi ở Pháp về, cũng thích cái khí hậu này.Cháu Quỳnh đi học cũng tiện Chúng tôi sợ Saigon. Cháu Quỳnh sang năm phải xuống dưới đi học rồi.

— Mời anh hôm nào dùng cơm với chúng tôi. Nếu anh không ưa ở khách sạn mời anh lại ở luôn đằng tôi cho vui. Có phòng riêng cho anh làm việc. Anh Lộc đây cũng ở Saigon lên chơi. Anh cùng ở Pháp về một lượt với tôi. Hiện anh cũng ở đằng chúng tôi. Trên này mà không có bạn, buồn lắm. Em nghĩ thế nào ? Em mời anh Nguyên đi.

— Các ông nhà văn là khó tính lắm. Dễ mấy chốc mà mời được.

■ Còn nữa

---

truyện dài

thanh tâm tuyền

DOÃN VĂN

nguyễn ái lữ

SÓNG ĐANG LÊN

NHƯ những ngọn gió mát phả vào bãi sa mạc, như những đợt sóng đang vươn dậy giữa đại dương, lớp người đang đi tới mà số đông là những tâm hồn trẻ đã cố gắng mang đến cho cuộc sống chúng ta một ý thức mới.

Giữa sự già nua của các xã hội với quá nhiều khuôn mẫu và lý thuyết, con người trong đợt sóng mới đã bắt đầu một cuộc hành trình tìm kiếm, khám phá, có nhiều hứa hẹn tương lai. Không phải họ chỉ biết đập phá những cái mà họ không ưa thích ở trước mặt, sau lưng và xung quanh họ, không phải họ nổi loạn vì thân phận, không phải họ say mê chạy theo chủ nghĩa hiện sinh mà Foulquié cho là một triết thuyết thiếu ánh sáng, nhưng thực tế trong các hành động của họ đã nổi bật một ý thức muốn sống, muốn làm trẻ lại cuộc sống và xây dựng con người trong thời đại chúng ta.

Con người chủ yếu vẫn sáng chói trong cuộc sống, không thể bị coi là cái bóng mờ của tập thể và những viên sỏi của guồng máy cai trị. Các trào lưu văn hóa tìm về nhân tính và khôi phục tự do trong nghệ thuật đang vươn mạnh. Những giá trị tinh thần cũ không còn đủ hấp dẫn con người của thời đại mới. Thế hệ chúng ta chịu nhiều đau đớn và phẫu phúc phát sinh từ những tính xấu của con người nấp sau những danh từ đẹp đẽ và màu hồng giả tạo.

Thảm trạng văn bám sát đời sống và nghệ thuật không thể tách rời thực tại !

Từ những hình ảnh nhọc nhằn của lớp người trong các nhà máy, trên bến tầu, từ tiếng cười nói rũ rượi của những cô gái cho thuê xác thịt trong các ngõ tối, đến những cái chết thật phi thường, kiêu hãnh của lớp người trẻ ngoài trận địa đã toát lên một sự thèm muốn đời sống có ý nghĩa.

Đời sống của chúng ta vốn thiếu ý nghĩa. Nhưng bằng những hành động hy sinh cho con người, chúng ta có thể làm cho cuộc sống này đáng sống và bớt buồn chán.

Những đợt sóng đã lên và đang lên !

Tiếng gào thét đòi hỏi, hành động hy sinh và cái nhìn bám sát thực tế của lớp người đang đi tới đã là một sự thức tỉnh sau cơn ác mộng và trước những viễn ảnh đen tối đe dọa con người.

Nghệ thuật là một sáng tạo không ngừng để chuyên chở đời sống vào tâm hồn chúng ta. Ta có thể tìm thấy trong nghệ thuật tính chất giải trí, tính chất sáng tạo và tính chất người. Sự giải trí trong nghệ thuật là một yếu tố quan hệ, khôngthể coi như kém giá trị.

Somerset Maugham, nhà đại văn hào Anh quá cố trong khi phê bình mổ xẻ những cuốn tiểu thuyết lừng danh nhứt thế giới như «Chiến tranh và hòa bình» của Tolstoi, «Anh em nhà Karamazov » của Dostoevsky, «Đỏ và Đen» của Stendhal, «Trên cao gió lộng» của Emily Bronte đã nhìn nhận tính chất giải trí trong tác phẩm rất cần thiết để lôi cuốn người đọc vào thế giới của tiểu thuyết.

Theo Maugham, không ai muốn đọc tiểu thuyết như đọc tập sách giáo huấn. Ta cũng đừng đòi hỏi tiểu thuyết phải viết như thế này hay thế khác, và cũng đừng đòi hỏi tiểu thuyết phải mang lại những điều gì lạ lùng ghê gớm. Tiểu thuyết trình bày những nhân vật trong một thời đại nào đó có những đặc tính và hành động đáng chú ý. Tiểu thuyết gắn liền với đời sống thực tế.

Tất cả những đau đớn của thân phận, những thất vọng và những cái chua xót đắng cay mà con người phải chịu đựng đã tạo cho nghệ thuật một nguồn rung cảm chân thật và một sức sống phong phú.

Chính bởi trong đời sống chúng ta có nhiều mâu thuẫn, nhiều khát vọng chứa chan, nhiều bi thảm mà nghệ thuật có đất sống và tồn tại mãi mãi với con người.

truyện ngắn bình nguyên lộc

CĂN GÁC HỒNG CỦA LÂM

Nếu văn chương là hình ảnh phản chiếu của người, nhà văn Bình Nguyên Lộc hiện lên, trong tấm gương văn thể của anh như một tâm hồn vĩnh viễn thanh niên. Đã bao nhiêu năm, anh vẫn đến với chúng ta như chủ nhân của một thế giới tình cảm óng ánh nhiều hạt sương màu hồng sáng láng, bởi một đài khí tượng vẫn chỉ báo tin vùng trời nghệ thuật Bình Nguyên Lộc vẫn rất đẹp trời, và cõi văn suôi anh thì chưa từng hằn lên một nét nhăn nhọc mỏi. Bút pháp Bình Nguyên Lộc là một. Như thế. Đã thành. Nhưng không phải vì thế mà mỗi truyện ngắn của anh không là một khám phá kỳ thú. Tôi muốn nghĩ đến Bình Nguyên Lộc như một lưỡi dao chưa cùn, còn sắc lắm. Sự bén nhọn này thể hiện rõ nhứt ở truyện ngắn của anh, như sáng tác mà Nghệ Thuật được giới thiệu trong số đặc biệt này về truyện ngắn Việt Nam.

MAI THẢO

THẬT ra thì căn gác của Lâm màu xám. Nóc tôn màu xám thì đã đành rồi, mà gỗ và ván màu trắng, màu vàng lợt, cũng xuống màu xám vì nắng tắp mưa tạt chầy ngày.

Nhưng bạn hữu chàng lại đặt tên gác ấy là « gác hồng » vì một lý do phải kể ra rất dài dòng, chớ không phải dịch hai chữ « Hồng lâu » ra đâu.

Lâm là một anh con trai vui tánh. Chắc anh ta cũng có bị những ray rứt hành hạ anh ta chớ chẳng không, ray rứt vì thế sự, vì vận nước, vì tình, hoặc vì một chuyện thấp lè tè là chén cơm hằng bữa. Nhưng bề ngoài trông cứ như là anh yêu đời luôn luôn.

Mà cái gì làm cho một anh con trai yêu đời ? Một người đẹp. Đó là lối suy luận của bạn hữu của Lâm.

Suy luận như vậy, lũ nó tò mò tìm xem người đẹp ấy là cô nào. Nhưng anh chàng Lâm cứ lủi thủi một thân trên đường đời.

Đi xi nê, đi dạo phố, đi ăn uống gì chàng ta cũng chỉ đi một mình, hoặc với bạn trai.

Thế nên rồi mấy thằng bạn « ưu thời, mẫn thế » của Lâm lại suy luận sâu thêm rằng, nếu nó cứ đi ra ngoài cu ky một mình mãi thì hẳn là nó giấu người đẹp trong nhà nó, vì một lẽ gì đó.

Vậy là lũ nó trổ tài thám tử, dò la mãi rồi tìm được cái tổ uyên ương bí mật của Lâm.

Đó là căn gác xép mà Lâm thuê mỗi tháng một ngàn đồng, chủ nhà ở dưới bao luôn đèn nước.

Căn gac, à không, cả căn nhà nầy, nằm trong một ngõ hẻm ngánh, nghĩa là một ngõ hẻm của một ngõ hẻm, ngõ hẻm chánh, rộng hơn ngõ ngánh một chút, là một con dơi, muốn xưng mình là chim hay chuột gì cũng được, vì nó nối liền hai con phố song hành rất gần, phố Phan Đình Phùng và phố Trần Quý Cáp, người trong hẻm có cho địa chỉ, khi thì đề Phan Đình Phùng, khi thì đề Trần Quý Cáp, người tìm phải rán mà thám hiểm vì số nhà vô trật tự ở khu đó đừng có tin nó mà khổ.

Lũ nó tìm được căn gác của Lâm, nhưng không có người đẹp nào trong đó hết. Ư, lũ nó cố lì, nằm vạ ở đó mấy hôm, mà ra vào chỉ thấy bộ mặt hề của Lâm thôi, còn bóng hồng thì tuyệt nhiên không thấy dạng.

Nàng về quê ngoại chăng ? Không, nhà không mang lấy một dấu vết cỏn con của một phụ nữ đẹp hay xấu.

Lũ bạn của Lâm đành chịu bí, vì không còn cách nào khác để truy nguyên bí quyết yêu đời của chàng.

Chiều hôm ấy chàng đi chơi, thằng bạn kiên tâm nhứt vẫn còn nằm vạ trên căn gác xép với hi vọng mong manh khám phá ra cái gì.

Và nó đã khám phá được cái đó.

Bên kia ngõ hẻm ngánh, trước căn gác xám của Lâm là một biệt thự đồ sộ, trổ mặt ra phố Trần Quy Cáp. Vách nhà bếp, day ra đây, sơn đen thui. Ba căn nhà bếp nầy đều có lầu và mỗi căn lầu đều có cửa sổ kiếng mờ, sau chấn song sắt.

Kiếng mờ nầy không phải là loại kiếng trắng đục, mà là kiếng trong, nhuộm màu lục, có gọt bông hoa trên ấy. Chấn song sắt và bông hoa làm cho những gì hiện lên sau đó, hư ảo ghê lắm chớ không phải có đường viền rõ rệt như là sau kiếng trắng đục vậy đâu.

Hồi bảy giờ tối, thằng bạn kiên tâm ấy đứng hóng mát dựa bao lơn gỗ nơi hàng hiên gác và thấy đèn sáng lên trong căn lầu nhà bếp giữa.

Liền sau đó, một bóng người hiện ra. Vì khả năng biến hình của loại kiếng, bóng người ấy giống như một bức chơn dung của phái « quy bít » gồm nhiều mảnh người vỡ ra và được ráp lại. Tuy nhiên nó cũng nhận ra được rằng đó là một cô gái.

Cô gái cởi áo ra, rồi mặc vào một chiếc áo khác.

Thằng kiên-tâm chết lặng đi trước một thứ thoát y vũ rất hấp dẫn nầy vì nó còn « san sẻ tiếp theo », gợi tò mò ghê lắm, chớ không trắng trợn như thoát y vũ trong các hộp đêm, xem vài pha là hết muốn xem nữa.

Tới đây thì The End, mặc dầu đèn bên ấy còn sáng. Cô gái tan nát trong các bông hoa gọt của lớp pha lê dầy màu lục, rồi biến mất.

Thế rồi ngày hôm sau huyền sử về « bí mật của chàng Lâm » được phổ biến sâu rộng ra, và bao nhiêu bạn hữu của Lâm đều đổ xô về căn gác của chàng, mỗi đầu hôm, để xem « vô tuyến truyền hình ».

Chính Lâm cũng chỉ mới biết có chuyện động trời nầy thôi, nhưng chàng nói sự thật lũ nó không chịu tin, còn trách chàng xấu bụng nữa là khác.

Mỗi đêm, có thêm một trò mới lạ ; người đẹp chải tóc, người đẹp lăm gì như là soi gương, luôn luôn có thay áo, còn thay cả y phục thì chỉ thỉnh thoảng mà thôi.

Tất cả những trò công xúc tu xỉ nầy, lũ bạn dịch vật của Lâm chỉ đoán thấy thôi chớ không thấy rõ, vì hình ảnh nát quá, và lũ nó rất giận sao chủ nhà không dùng loại kiếng trắng đục, có phải là hình ảnh mê ly hơn không. Qua kiếng trắng đục, họ cũng chẳng thấy gì rõ ràng được, tuy nhiên, đường nét viền quanh một thân thể vẫn nổi bật lên, đen thui.

Từ đây, hễ thằng nào chán đời, tới đây mua vé là được lạc quan. Ừ, thằng Lâm nó bán vé hẳn hòi, chỉ lấy tượng trưng năm đồng thôi mà nó nói là để trám miệng chủ nhà ở dưới, ông ấy phàn nàn họ làm ồn quá.

Căn gác xám được đặt tên là « Căn gác hồng » kể từ chiều hôm ấy, hồng vì nó giúp những thằng muốn quyên sinh thấy cuộc đời mang màu hồng, cố bám níu vào dương thế để được tiếp tục xem thoát y vũ rẻ tiền.

Nhưng lũ nầy là thi sĩ cả, chớ không phải là một bọn thấp lè tè đâu mà chỉ hài lòng mãi với bóng dáng người con gái cởi áo mỗi đầu hôm, bóng dáng ấy nó thô bỉ, không xứng với tâm hồn thơ của lũ nó.

Lũ nó vẽ vời ra : ông chủ nhà là một nhà thầu khoán, cô gái thoát y là con gái thứ tư của ông ấy. Hai người chị của cô ấy được mỗi người hai buồng ở trên kia, còn cô ấy vì còn đi học nên ở riêng sau nhà cho yên tịnh. Tuy là nhà bếp, nhưng thật ra nhà bếp ở dưới, đây là lầu độc lập, mà ba căn lầu nhà bếp là đã quá sang rồi.

Để xem cô ấy tên gì ? Lucie, Hélène, Bích Thu, Thúy Liễu ? Cái tên cuối cùng mà cậu nào cũng đồng ý là tên Phù Vân.

Nàng giống như một bóng mây nhẹ, mong manh, thoáng thấy rồi thì tan đi.

Và trời ơi, nàng đẹp không vẫn thơ nào mà tả cho đúng mức.

Nàng học ở đâu ? Đệ nhứt Trưng Vương, Đệ nhị Gia Long ? Không, như thế thì bé con lắm về tâm hồn. Nàng phải học đại học lận kia.

Mà đại học nào mới được chớ ? Nếu Y khoa, nàng hôi mùi ê-te lắm, còn Khoa học thì sợ nàng khô khan tấm lòng chăng ? Đúng là nàng học ở Văn khoa, và đó là một cây văn chương tao nhã, tâm hồn đẹp như thơ, mà thơ (hẳn nàng biết làm thơ) thì đẹp như mộng ngày xanh, còn riêng nàng thì đẹp như tất cả bao nhiêu thứ ấy nhập lại.

Bọn thi sĩ cố không xem thoát y vũ nữa mà chỉ đợi đèn tắt để nhìn cái cửa sổ không bao giờ mở ra ấy để mà mơ người đẹp.

Họ cao bơn thường nhơn một bực là chỉ « con người » một vài hôm thôi, rồi đâm ra ghê tởm thú tánh của mình, chỉ còn ham ngắm trong tưởng tượng một tâm hồn đẹp mà thôi.

Ừ, hễn là tâm hồn nàng phải đẹp và để cho xứng với vẻ đẹp tinh thần của nàng, họ tự ý bỏ một trò ngoạn mục vô song.

Lâm không được tiền thu vé nữa, nhưng chàng lại rất hài lòng. Chàng si ghê lắm và đâm ghen, muốn chiếm độc quyền người ngọc.

Giờ, không ai dòm mỹ nhơn cởi áo nữa, chàng vẫn chưa hết ghen bởi lũ nó vẫn còn mơ giai nữ của nàng, còn tưởng tượng về nàng lúc chúng nó nằm trên sạp ván hàng hiên, mà có lẽ mơ cả những lúc chúng nó đi ăn, đi chơi, về nhà ngủ nữa.

Con người vui tánh này đã ít nói cười, mặc dầu thật ra giờ đây chàng mới thật sự yêu đời. Chưa chắc gì là những anh hề lại yêu đời, và chưa chắc gì anh chàng có bộ mặt lầm lầm lì lì đang đi ngoài kia, mắt nhìn mặt đường nhựa như để tìm một đồng bạc đánh rơi, chưa chắc gì hẳn là kẻ có niềm riêng u uẩn gì đâu. Sự thật thường khi trái ngược lại nữa, mấy thằng hay cười, chỉ cười để che giấu tâm sự não nùng nào, còn mấy thằng có bản mặt buồn buồn lại rất vui bên trong, chúng nó cố mà buồn, sợ người ta biết rồi xin bớt niềm vui của chúng nó chăng ?

« Ôi là nàng đẹp ! Ôi là nàng thanh cao ! Mà hễ nàng thanh cao thì nàng biết trọng sự thanh bần, nàng phục lăn cái thằng ở một căn gác xép, biết làm thơ, cái thằng ấy là nhơn vật thơ mộng của các tiểu thuyết mà nàng thường đọc, và chắc chắn ngày kia, nàng sẽ can đảm thủ vai nhơn vật nữ trong loại tiểu thuyết ấy, nghĩa là từ bỏ sự giàu sang của một ông cha trọc phú, ông ấy cương quyết gả ép nàng cho một viên kỹ sư chỉ biết những con số, để ra đi xây tổ ấm với người lý tưởng của nàng là chàng

Phù Vân ! Em Phù Vân, em đẹp như một sợi mây trắng lững lờ trôi trên nền trời xanh ngắt tháng giêng ta của miền Nam. Có phải là em đang ngồi học bài đó chăng ? Và sau vầng trán của em hằn hình ảnh anh đang nổi lên ? »

Bao nhiêu thằng cô đơn, bao nhiêu thằng chán đời vì bị tình phụ trong đám bạn hữu của Lâm đều lành tâm bịnh cả, bởi cuộc đời đã mang màu hồng rồi dưới con mắt mới của họ, trong Căn Gác Hồng trước bức tường sơn đen và khung cửa sổ tối thui không bao giờ mở ra cả

Đời họ đã có ý nghĩa nào, một chỗ nhằm để cho họ khỏi vất vưởng như những cô hồn lạc lõng, một chỗ dựa tinh thần để lấy hứng mà làm việc

Cả bọn sống trong thứ hạnh phúc tưởng tượng ấy được chín tháng — thời hạn hoài thai và cưu mang của một bà mẹ — thì một hôm, một biến cố xảy đến cho riêng Lâm.

Một người bà con của chàng, trong tình cờ câu chuyện, cho chàng biết rằng một người quen của bác ấy có nuôi một con nhồng (yểng), loại chim nhại tiếng người giỏi nhứt, miễn là phải lột lớp da xù xì bọc ngoài lưỡi của nó. Ông ấy tìm mãi một người biết kỹ thuật lột lưỡi nhồng, nhưng tìm chưa ra.

Lâm biết kỹ thuật đó, không giỏi lắm, nhưng người Sàigòn không ai biết cả thì chàng rất có thể vô địch trong thành phố này và thà là giúp người ta một cách không toàn bích, còn hơn để vậy thì phí con nhồng của người ta lắm.

Thế nên chàng tình nguyện làm nhà chuyên môn, và được người bà con đưa tới nhà chủ của con nhồng, năm hôm sau đó,

Tới nơi, Lâm buồn cười hết sức vì cái nhà ấy không đâu lạ, đó là ngôi biệt thự án ngữ trước căn gác xép của chàng, cái lâu đài bí mật chứa chấp nàng tiểu thơ kiều diễm mà chàng mơ gần một năm rồi

Thật là không có sung sướng nào to hơn, trong đời của Lâm. Chàng không định mơ suông trọn đời, mà rất mong mỏi một cuộc gặp gỡ tình cờ, và cuộc gặp gỡ ít hi vọng ấy lại tới bất thình lình quá, thật là ly kỳ y như trong tiểu thuyết.

Chủ nhà tử tế không chỗ chê, ông ấy thành thật chớ không phải chỉ xã giao để lấy lòng một buổi, kẻ giúp ông ta đâu, vì chàng xong công việc rồi, ông ấy khẩn khoản mời chàng uống rượu, chàng không uống được rượu, ông ta nài nỉ chàng uống một chén trà ngon, rồi tha thiết khẩn cầu chàng trở lại, càng nhiều lần càng tốt, ông ấy buổi xế luôn luôn có mặt ở nhà.

Nếu không có Phù Vân, chắc Lâm không trở lại đây làm gì, mặc dầu chủ nhà có lòng bao nhiêu đi nữa, bởi một nhà thầu khoán với chàng, hai người xa nhau vạn dặm, không nói chuyện tiền của đâu, mà chỉ nói về cái điềm tâm hồn thôi.

Vậy chàng đã trở lại. Chủ nhà quả nhiên tử tế thật, vì bây giờ ông ấy không còn cần chàng nữa mà vẫn niềm nở tiếp đón chàng.

Ông phải cái tật lầm cầm, hay nói chuyện gia đạo và khoe nhà khoe cửa.

Ông ta đưa Lâm đi xem buồng tắm của ông trong ấy có đặt bồn tắm men hồng, giá hai trăm ngàn đồng, ông ta khoe cây cảnh ở sân sau, và khoe luôn cả kho hàng.

Vâng, kho hàng, vì ông ta không phải là thầu khoán mà là nhà xuất nhập cảng ?

Ông ta có hai người con trai, người trưởng nam làm kỹ sư cho hãng xăng Esso, người thứ nam đi quân dịch và ...kỳ lạ chưa, ông ta không còn người con nào nữa hết nghĩa là ông ta không có con gái.

Nhưng cũng chẳng sao. Người đẹp có thể là cháu của ông, hay cháu của bà. Rất có thể là như vậy, vì là cháu nên nàng mới chỉ được ở phía sau nhà thôi.

Kho hàng của ông xuất nhập cảng này là ...ba căn lầu của nhà bếp ! *Trời ơi !*

Khi Lâm được đưa lên đó, chàng nghe như quả địa cầu nổ tung ra vì một tai nạn nguyên tử nào khi thấy căn lầu giữa đầy nghẹt hàng hóa, chỉ chừa một chỗ đi nhỏ, trên lối đi ấy đặt một chiếc ghế bố (giường vải) tồi tàn, và cái ông chủ nhà lầm cầm này lại cho biết thêm một chi tiết rất là vô ích và rất là tai hại, đó là chỗ ngủ của... con sen.

Dưới nhà bếp, là bếp nấu ăn, là buồng tắm, buồng vệ sinh và chỗ ngủ của bà bếp với lại thằng nhỏ, con sen hết chỗ nằm, nên được cho lên đây.

Lâm vội xin phép ra về ngay để soát lại vị trí của ngôi biệt thự này và vị trí của căn gác của chàng. Quả nhà chàng nhìn thấy nhà kia, và cạnh ngôi biệt thự của ông xuất nhập cảng không còn ngôi biệt thự nào khác cả mà có thể bảo rằng chàng lầm lẫn. Hơn thế, cái cửa sổ luôn luôn đóng, chàng đã thấy bên trong. Nó được chắn song sắt, và được đóng thêm bằng một cửa kiếng làm bằng kiếng gọt bông hoa màu lục.

Ảo ảnh vừa tan biến và giấc mơ chín tháng của chàng chỉ là một giấc mơ.

Lâm đứng dựa lan can gỗ, nhắm mắt lại để sống giật lùi trong thời gian, sống lại những xúc động buổi đầu của chàng, những ước

mơ, những sung sướng của chàng sau buổi đầu ấy.

Những thứ ấy đều thật cả, và giữa chàng đã có hạnh phúc.

Chàng bùi ngùi nhớ một cô Phù Vân không còn nữa, nhưng sau mấy giờ đau tương tư, chàng chợt thấy rằng không cần có cô Phù Vân chàng mới sung sướng được. Một ảo ảnh là đủ lắm rồi.

Hơn thế, càng cần không nên có cô Phù Vân nào cả, vì nếu có khi nàng lên xe hoa, chàng sẽ ra sao, hoặc nếu may mắn khó mong, chàng được nàng, rồi chán nàng thì vẻ đẹp của mối tình bọng lông sẽ còn gì ?

Không, không nên có cô Phù Vân, mà cũng chẳng nên có cái gì tuốt hết.

Mãi đến giờ phút này, chàng mới hiểu được một đoạn văn của một người bạn của chàng « *Đi câu, đối với tôi, không phải là để được cá. Đi câu là những phút chờ mong con cá táp mồi, những giờ nhìn cái phao động đậy, những hồi hộp, những tức mình, thỉnh thoảng là những giây nhìn mây bay lơ lững nhưng kinh ngạc trước mấy cái « lông rong » nhanh như cắt của loại chim thằng chài...* »

Hỡi những anh con trai thất vọng ơi, cô Phù Vân không có, là may mắn, của các anh đó. Cô Phù Vân không có thì giấc mơ niên thiếu, giấc mơ thanh niên của các anh mới có được và mới thọ được cho tới ngày các anh đầu bạc răng long. Mà hình như là các anh cần những giấc mơ ấy hơn là cần một cô Phù Vân bằng xương bằng thịt.

Lâm giấu luôn sự thật với bạn hữu của chàng, không phải vì chàng ghen với chủ nó như mấy tháng trước nữa mà vì thương lũ nó. Nếu lũ nó không tìm thấy được cái triết lý về sự cần thiết của ảo ảnh, chúng nó sẽ đau đến đâu và sẽ chán đời đến đâu.

Cứ để cho lũ nó mơ cô Phù Vân không bao giờ có cho đẹp cuộc đời của lũ nó. Riêng chàng, chàng sẽ đi tìm một ảo ảnh khác, để mà mơ...

B. N. L.

---

(1) *Bình nguyên Lộc, tập truyện Tình Đất, 1943.*

truyện ngắn nhã ca

MỘT CHƯƠNG BUỒI TỐI

Nhã Ca viết bằng máy chữ, lào rào như mưa, cơn mưa đột ngột và dứt quãng rất nhanh, rồi lại đổ xuống rất gấp. Một hoặc hai buổi là một sáng tác được kết thúc. Sau đó tìm một cái tên viết vào, ký một chữ ngoèo ở dưới, thế là xong một truyện ngắn. Truyện ngắn Nhã Ca nóng bỏng, tàn nhẫn, trắng trợn, phảng phất cái không khí vô luân và khiêu dâm. Nhà văn trẻ của thế giới mới nhìn sự vật để đánh giá, nhưng nếu thơ Nhã Ca là chấp nhận thiệt thòi hay mang thái độ cho không thì văn Nhã Ca nói lên cái giá của những hành động ấy : cái giá làm nhức buốt những con người sống trong lối sống ảo tưởng hay nghĩ rằng lối sống ấy là cao đẹp

— Đứa nào ăn chè bột khoai ra đây mau. Mẹ chúng bạy khao cả nhà đây này.

— Ăn gấp. Ăn gấp. Ơ. Ai ăn đậu đen bột khoai nước dừa đường cát ơ.

— Gớm, bố con nhà mày, làm gì mà như chạy giặc vậy.

Tiếng ba tôi ngoài hiên. Rồi tiếng la của thằng Kim hỗn độn át cả dĩa nhạc mà chị Phượng đang nghe. Tôi chạy ra trước, chị Phượng lúi húi ra sau vì còn mắc phải tắt máy hát. Gánh chè đậu đen bột khoai đã sẵn sàng trong sân mở vung thơm ngát. Ba tôi đang đỡ một chén chè, nhìn trả lại cái nguýt dài của mẹ tôi, bảo bà bán chè :

— Chị hai múc sẵn cho tôi cả chục chén trước đi. Xáp nhỏ này chúng ngốn mau lắm.

Rồi ông quay sang chúng tôi

— Đứa nào có sức cứ ăn cho đã đi. Tiền trúng số năm bò của mẹ chúng mày hồi chiều đấy.

— Rõ hay cái ông này. Người ta trúng số tiền đã lĩnh về đâu nào.

Buổi chiều khi mẹ tôi nghe radio xổ số, Kim còn mải đi bát nên chưa biết tin kết quả. Bây giờ nghe vậy nó mừng quính :

— A. Thế ra mẹ trúng số. Chị Phượng, chị cho Kim mượn cái ca súc miệng bự của chị đi, để Kim lấy một ca cho vào phri-gi-đe khuya ăn.

Tuy miệng kêu chị Phượng, nhưng chưa kịp chờ ai trả lời, Kim đã ba chân bốn cẳng nhảy vào trong nhà kiếm lấy cái ca mà nó muốn. Mẹ tôi nhìn Kim, lắc đầu :

— Nó giống tính thằng Phan hồi nhỏ như hệt, tham ăn tham uống.

Nhắc tới anh Phan lại mỗi người một câu, Kim đã lấy đầy phần chè để dành của nó vào trong cái ca to tướng của chị Phượng, rồi đề nghị mua chè bột khoai bỏ trong bao ni lông gửi ra mặt trận cho anh Phan. Ơ quên, phải cho cả anh Nghĩa nữa chứ. Nó nheo mắt nhìn chị Phượng. Mẹ tôi gắt :

— Lũ quỉ này, đừng có nhắc quá mà chúng nó nhẩy mũi. Ba tôi vừa ăn sang chén chè thứ hai, vừa cười :

— Nãy giờ tôi cũng hắt hơi mấy cái liền. Chắc dì hai của xáp nhỏ nhắc rồi.

Dì hai là một nhân vật tưởng tượng do chúng tôi gán cho ba để trêu mẹ tôi. Tuy biết chắc là tưởng tượng, đôi khi nhắc đến, mẹ tôi vẫn thường nguýt ba tôi vài cái thật dữ dội. Nhưng lúc này thì bà chỉ cười phụ họa thêm với chúng tôi. Câu chuyện về anh Phan có lẽ đã làm bà quên mất những cái nguýt thường lệ. Tính mẹ tôi buồn cười thế đấy.

Tụi tôi kéo thêm mỗi đứa vài miếng sang chén chè thứ hai thì đã ngấy tới cổ. Buổi khao bột khoai của mẹ tôi chưa hết đến một phần mười cái vé số 500. Hàng bột khoai đi rồi, ba tôi đề nghị ngày mai lĩnh tiền về làm một bữa chả giò, còn bao nhiêu mua quà dành cho Phan. Đề nghị này được cả nhà hưởng ứng và chị Phượng được giao cho sứ mạng đi đổi vé số.

Trước khi lên gác, mẹ tôi hỏi :

— Có đứa nào biên thư cho thằng Phan chưa.

— Có, con viết những hai cái rồi lận. Tôi nói.

Chị Phượng cũng nói :

— Để lát nữa lên gác con viết.

— Còn con, sang năm tới con sẽ nhập ngũ và sẽ gặp anh ấy. Viết làm gì cho mệt.

Mẹ tôi thở dài :

— Tội nghiệp thằng Phan, giờ này chắc nó vất vả lắm.

Hai chị em rủ nhau lên gác. Tôi hỏi chị Phượng mượn cuốn chuyện kiếm chuyện coi nốt. Chị nói : Cứ bày đặt hoài. Học bài đi rồi vô ngủ cho sớm. Tôi cười, bảo chị là tôi phải coi nốt đoạn Đoàn Dự và Vương Ngọc Yến dắt nhau trốn khỏi Man Đà Sơn Trang để còn kể lại cho anh Phan nghe, và chị Phượng không cần nhầu gì nữa.

Quả đúng như anh Phan thường nói. Tôi bắt đầu mê xem kiếm hiệp từ ngày anh Phan đi lính. Dạo còn ở nhà, anh thường hay nói : Đứa nào chưa đọc Kim Dung là chưa biết hưởng đủ thú vị ở đời. Kiếm hiệp là cái quái gì mà thú vị ghê thế. Toàn chuyện âm ma ám khí rẻ tiền thôi chứ gì. Chúng tôi đã cãi lại thế. Và anh Phan đã nhún vai làm ra vẻ thương hại cho những kẻ bất hạnh. Tính anh Phan hay đùa cợt, làm tôi không hiểu nổi tình cảm thật của anh ra sao. Ngay cả Phương cũng thế. Phương là vị hôn thê của anh Phan, có vẻ thương anh lắm. Má tôi cũng rất chịu Phương và đương nhiên coi Phương sẽ là con dâu của bà. Nhưng Phương cũng từng nói với tôi là Phương không hiểu nổi anh Phan ra sao. Hình như anh mê kiếm hiệp hơn mê Phương thì phải.

Anh Phan vẫn cho là anh có đủ 10 thành công lực, nên khi sửa soạn vào Thủ Đức, anh tuyên bố : «Bọn bay ở nhà yên tâm coi tao. Tao lên đường đây và chỉ cần chín tháng nữa là tao sẽ đương nhiên trở thành một cao thủ võ lâm cho coi. Luyện một biết mười mà. Anh Phan đã làm cả nhà cười ngất. Rồi không hiểu bắt đầu ra sao mà sau đó cả ba mẹ tôi, chị Phượng và tôi, đều mê Kim Dung như điếu

đỗ. Chỉ có thằng Kim là nhất định không đọc, bởi nó cho tất cả cao thủ võ lâm đều không ăn thua nổi với mấy cao thủ rồn rảng gì đó của nó.

Cầm cuốn kiếm hiệp của chị Phượng vừa đưa, tôi lăn ra giường và đọc bằng đèn ngủ. Đúng như lời chị vừa nói, chị Phượng soạn giấy bút viết thư lên bàn. Rồi chị ngồi quay lưng lại phía tôi, không viết mà trầm ngâm. Chắc lại đọc lại thư của chàng chứ gì. Tôi cười thầm. Cách đây 4 tháng, anh Phan được nghỉ phép một tuần mang theo một người bạn về nhà. Và anh chị liền mê nhau ngay. Anh Nghĩa cũng người Bắc, nhưng gia đình anh làm ăn ở Đà Nẵng. Anh ra đời sớm hơn anh Phan, đi dạy được một năm rồi mới nhập ngũ. Có lẽ do đó tính anh trầm tĩnh hơn. Chuyện tình giữa anh Nghĩa và chị Phượng tôi cả nhà đều biết và đều có vẻ bằng lòng. Riêng tôi, tôi thầm nghĩ rằng họ đẹp đôi lắm và mừng. Bởi tôi quí chị Phượng của tôi lắm. Chị Phượng có khuôn mặt tròn như trăng, hai mắt bồ câu thật quyến rũ. Tính chị giống mẹ tôi như hệt. dịu dàng và chịu đựng. Tuy hai chị em xấp xỉ nhau nhưng chị thường nhường nhịn tôi đủ thứ. Chẳng hạn khi đi sắm hàng, chị nhường cho tôi xấp hàng đắt tiền hơn. Khi cuốn truyện kiếm hiệp mang về, chị nhường cho tôi đọc trước.

— Quyên này hồi chiều em đọc báo chưa nhỉ.

— Chưa. Có chuyện gì vậy chị.

— Không, chả có chuyện gì cả.

Tôi buông cuốn truyện, nhìn chị Phượng. Chị không viết thư mà lại sang bên bàn máy may, soạn lên bàn lăng đồ may của chị. Chắc lại thêu khăn cho chàng đấy chứ gì. Tôi định tiếp tục đọc, nhưng chị Phượng mở máy may, soạn hàng ra. Tôi đoán lầm, chị không làm khăn cho anh Nghĩa mà sửa lại cái sơ mi mòn cổ của ba tôi mới đưa hồi sáng Chị nói :

— Quyên xem, tiện lợi không. Anh Phan bỏ lại mấy cái sơ mi, chị tháo cổ của anh may sang cho ba vừa khít.

Tôi nói :

— Quái, lâu quá rồi sao không thấy thư anh Phan, chắc anh ấy đang uýnh giặc ghê lắm.

Chị Phượng thở ra :

— Chị mới nhận được thư anh Nghĩa hồi chiều. Đang có nhiều trận đánh lớn lắm.

— Ai chớ các anh ấy thì không lo đâu chị. Ông nào cũng có Giáng Long Thập Bát Chưởng cả mà.

Chị Phượng cũng cười :

— Ờ. Anh Phan thì mưu lược lắm. Chả thế mà hồi ở nhà anh ấy vẫn mỗi tháng lĩnh của me đến ba bốn lần tiền giặt ủi là gì.

Máy xong cổ áo cho ba tôi, chị Phượng mới đi viết thư. Tập chuyện kiếm hiệp đã hết ngang. Tôi nằm yên nghe thấy tiếng bút của chị Phượng sột soạt trên giấy. Rồi tôi nghĩ đến Hoàng. tôi cũng muốn viết một lá thư cho Hoàng. Nhưng chúng tôi gần gũi nhau quá.

Ngày mai đây, sau giờ triết là tôi trông thấy Hoàng rồi. Tôi đâu có gì để viết nhỉ. Nhưng rồi Hoàng, Hoàng đang học Luật và nếu chàng rớt năm nay, chàng cũng sẽ phải đi như anh Phan, anh Nghĩa. Nghĩ vẩn vơ một lát, tôi nghe loáng thoáng thấy chị Phượng hỏi một câu gì đó. Tôi nói: Hả, Chị Phượng cười nhỏ, lúc lắc cái đầu, rồi lại cắm cúi viết.

Một lát, có lẽ đã viết xong, chị khép bớt một cánh cửa sổ lại rồi tắt đèn. Vào giường. Ngoài trời có vẻ đang chuyển mưa. Hai chị em nằm cạnh nhau, Chị Phượng hỏi :

Quyên còn tem không, mai cho chị vay đỡ mấy con.

— Được, nhưng phải trả gấp đôi cơ.

— Rõ hay. Định chia cho anh Hoàng một nửa đấy hẳn.

Tôi đập vào vai chị. Chị cười :

— Nhớ hôm đầu dẫn xác lại ăn cơm, trông cứ như là cô dâu chú rể ấy.

— Còn anh Nghĩa của chị thì khá lắm đấy. Lính tráng gì thấy con gái là đỏ mặt. cứ như say rượu. Anh Nghĩa có nói bao giờ về phép không ?

— Không. Nhưng nếu về thì sẽ cùng về với anh Phan, em quên rồi à.

Rồi chị hạ giọng nhắc lại câu chị đã nói lúc nãy :

— Không hiểu sao dạo này tự nhiên đánh lớn quá.

Từ phía cửa sổ, một khoảng trời bỗng bật sáng. Nhưng không phải là chớp. Đó là những trái hỏa châu vừa được thả đâu đó mà tôi vẫn thường thấy. Rồi cùng thấy ánh sáng ngoài trời, có những tiếng nổ của đại bác vọng tới. Bên cạnh tôi, trong thứ ánh sáng mơ hồ chập chờn của hỏa châu, tôi thấy khuôn mặt chị nghiêng hẳn sang một bên gối, những sợi tóc mỏng manh rung động liên tiếp. Hai chị em đậu mặt vào nhau, tôi nói :

— Không hiểu sao dạo này đại bác nổ ghê quá. Nghe tiếng đại bác nổ, em thấy nao nức quá.

— Em nao nức những gì.

— Không biết. Nhưng em như là muốn khóc vậy chị.

Chị Phượng nói nhỏ, gần như thì thầm :

— Chị cũng vậy. Chị thấy đủ thứ.

Ánh hỏa châu ngoài trời vẫn tắt sáng, tắt sáng. Tiếng đại bác càng về khuya càng có vẻ gần hơn, và hình như có vẻ dồn dập hơn đêm hôm qua. Tôi bỗng cảm thấy tôi thương mến chị Phượng dào dạt. Anh Phan. Anh Nghĩa. Rồi Hoàng. Rồi Hương. Rồi những bộ đồ trận.

Mỗi tiếng nổ hình như lại làm cho một hình ảnh bật lên trong đầu tôi.

Nửa đêm trời bỗng thật oi bức. Chị Phượng cầm quạt quạt cho tôi. Còn tôi, tôi nhắm mắt lặng lẽ.

Tôi muốn đổi thay thế giới, vẽ lại hình người.
TÔ THÙY YÊN)

CÁI khó tôi đã gặp phải trước đây, khi dự định viết về thơ Thanh Tâm Tuyền, là thiếu một khoảng cách cần thiết cho cái nhìn hội đủ một phần nào chủ quan bình tĩnh, ngõ hầu nhận diện ra hậu ý của tác giả, nghĩa là cái lõi, cái cốt, hòn ngọc chìm, thứ hồn ẩn náu nơi đáy cùng của tác phẩm. Ý tôi muốn nói là, sống chung 1 thế hệ với Thanh Tâm Tuyền và những bạn văn khác, cùng họ vẫn xoay trong 1 cơn lốc lịch sử cuồng bạo, bi đát, kéo dài đã quá 25 năm, chia xót với họ khát vọng san bằng những chướng ngại vật chắn ngang đà phóng tới của cách mạng văn học, quyết tâm không nhượng bộ những manh tâm thoái hóa, thủ cựu, ngu xuẩn, tôi thú thật đã bị lôi cuốn bởi cao trào tự do do Thanh Tâm Tuyền chủ trương cho thi ca VietNam hiện đại. Thành thử mỗi khi nghe những kẻ thù đả phá thợ anh một cách ác ý, đê hèn, tôi đã không thể kìm hãm nỗi niềm căm phẫn, khinh nhờn đang sục sôi trong tôi, biến tôi thành một trạng thái bất ổn, choáng váng như lên cơn sốt. Vì lý do ấy tôi đã e rằng, nếu có viết về thơ Thanh Tâm Tuyền, tôi sẽ khó tránh được những luận điệu biện hộ thẳng thừng, hiếu thắng, không tương xứng với đường lối phê bình văn học vô tư, và với cả chân giá trị của thơ anh.

Cho đến nay, tập «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy» đã xuất bản được gần hai năm. Cộng với thi phẩm đầu tay «Tôi không còn cô độc», nó đương nhiên xác nhận tài ba ghê gớm của tác giả. Thanh Tâm Tuyền vừa hoàn tất xong một công trình ngôn ngữ đồ sộ, ý tôi muốn nói một thế giới thi ca, thế giới trữ tình kỳ lạ nhất của toànthể thi ca kim cổ VietNam. Sự kiện trên giúp tôi đổi chiều được cái nhìn, thay vì từ trong cơn lốc thơ Thanh Tâm Tuyền nhìn ra như trước kia, nay từ ngoài nhìn vào cơn lốc ấy đang lắng dịu, để lộ dần lên một hòn núi quặng đẹp trần trọc. Cái nhìn trở ngược này không chỉ thuần hồi niệm, mà còn mang đầy tính cách phản tỉnh. truy tầm dấu tích, nó rút tôi ra khỏi được vùng ảnh hưởng của khối nam châm Thanh Tâm Tuyền, để đặt tôi vào vị trí của một độc giả tỉnh táo, tự kiếm lấy cho mình một lối đi cách nhiệt vào tác phẩm. Nghĩa là bây giờ tôi đã đủ khoảng cách cần thiết nói trên để 1 bình tĩnh viết về thơ Thanh Tâm Tuyền. Nếu có gặp sau đây những nhận định nghiêng về thơ anh, xin nên coi đó như những cố gắng phê bình độc lập, chứ không bị thúc đẩy bởi bất cứ một tình cảm phe phái, đồng lõa, hay «tự ái» nào.

Trước khi «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy, xuất hiện, tôi vẫn đinh ninh thi phẩm đầu tay «Tôi không còn cô độc» củaThanh Tâm Tuyền mới chỉ là những bước khởi hành hứa hẹn dẫn đến khép đóng một giai đoạn của một văn nghiệp, và đồng thời cũng là dẫn đến hoàn tất một quan niệm tự do về thi ca Việt Nam. Tôi vẫn tin rằng cỡ Thanh Tâm Tuyền, thuộc dòng những thi sĩ lớn, làm thơ không chỉ để làm thơ, mà còn để phóng ra một trào lưu cảm nghĩ mới, một tập quán thưởng ngoạn xa lạ, một quan niệm cách mạng về ngôn ngữ. «Tôi không còn cô độc» mới chỉ là một cảm giác chưa trọn vẹn nơi độc giả ý thức, một cuộc tình duyên dang dở. Nó «tuyên ngôn» hơn là thiết lập một nội dung, một hiến chương ấn định những cơ cấu, lề thói sinh hoạt, và địa dư của một giang sơn biệt lập. Nó phải nhờ đến «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy», người chị của nó, thì mới hình thành được một thế giới với những phong tục, sắc thái và một vóc dáng riêng tư. Nó tác động như một biến cố, một tiếng tăm, hơn là như một giá trị nội tại sâu đậm. Nó cũng là một thái độ ương ngạnh, gây gỗ, phá công thức, lôi hút những kẻ ghét cũng như yêu nó vào trongtrung tâm cơn lốc của nó, khiến họ bị chóng mặt, mất thăng bằng để sáng suốt nhận định. Theo tôi, chính nhờ những động cơ này mà «Tôi không còn cô độc» đã làm nổ tung ra được một cuộc bút chiến sôi động. Nay ngồi đọc lại những bài viết về nó đăng trong một vài tuần báo văn nghệ 5, 6 năm trước đây, những tờ lá cải tự xưng là tiền phong hay chốn văn đàn chân chính, tôi nhận thấy đó là những trang viết bần thỉu, khốn nạn nhất của lịch sử phê bình văn học VietNam. Chúng nhằm vu khống, thóa mạ, chỉ điểm, ám hại hơn là giới thiệu, phê bình tác giả. Một bài đã không ngần ngại tố cáo Thanh tâm Tuyền và các bạn văn của anh là cộng sản, công khai yêu cầu chánh quyền đương thời can thiệp để bảo vệ những thứ đã được gọi là «chính sách tố cộng tích cực» hay «chủ trương phát huy thuần phong mỹ tục của dân tộc»

Như đã nói ở trên, «Tôi không còn cô độc» phải nhờ đến «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy» mới làm thành nổi một thế giới thi ca. Nhưng dù sao nó cũng là một biến cố văn học quan trọng, khơi mào sự sụp đổ của cả một quan niệm sáng tác và một tập quán thưởng ngoạn hẹp hòi, gò bó, thoái hóa. Tương đương trên bình diện văn học sử với một «Khối tình già», nhưng siêu đẳng, đồ sộ, quyết liệt, táo bạo hơn nhiều, nó rứt khoát với những liên lụy của thi ca tiền chiến, trong khi di sản trên của Phan Khôi mới chỉ như dò dẫm, rụt rè cố

THANH

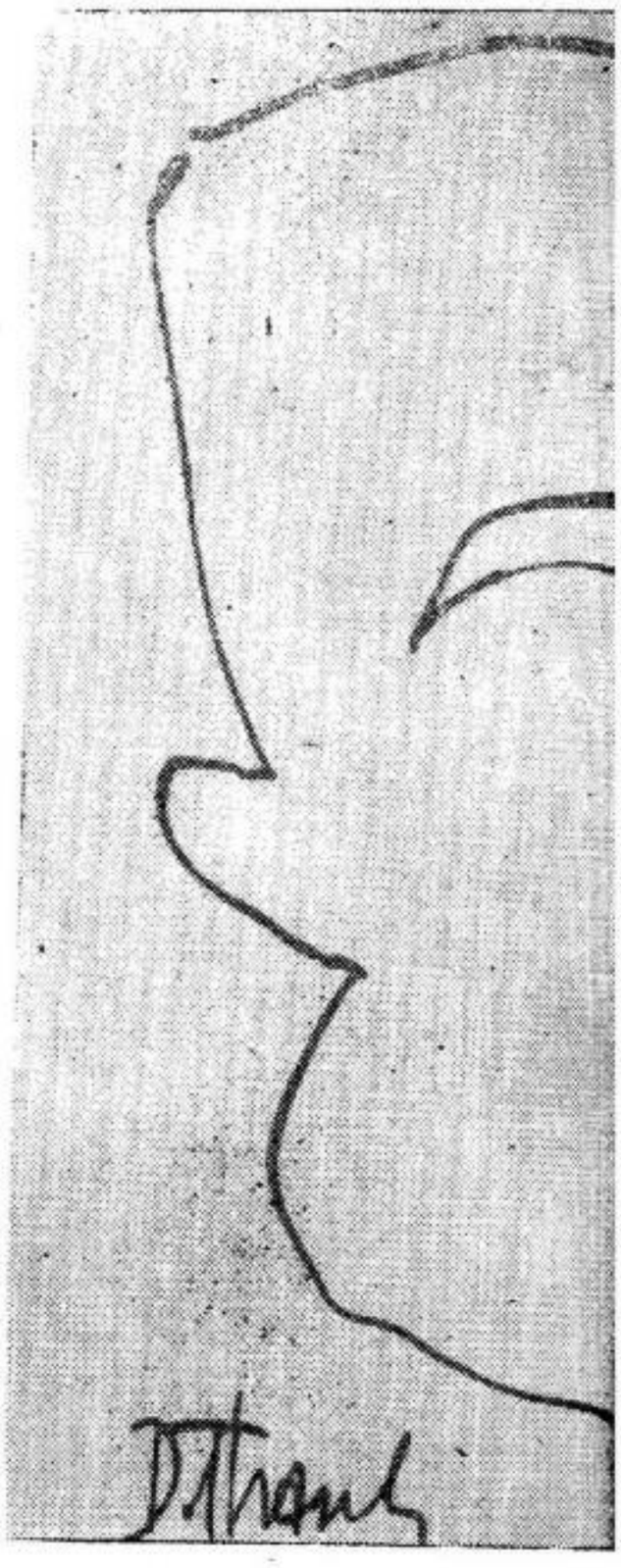

HUÔN
ẶT THƠ'

M TUYỀN

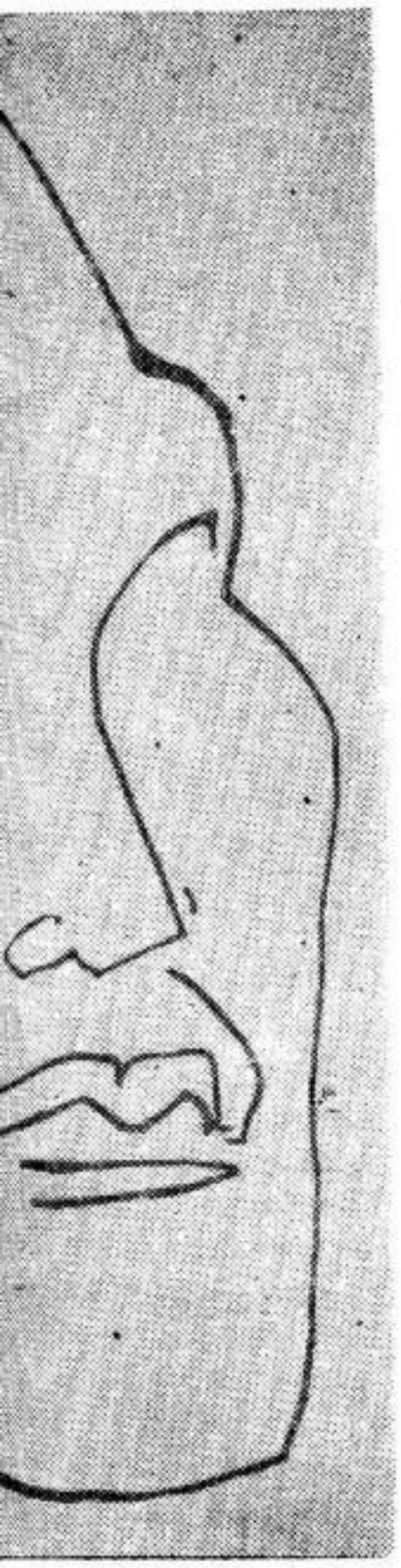

bài CUNG TRẦM TƯỞNG

BÀI THỨ BA TRONG LOẠT BÀI VIẾT VỀ 10 TÁC GIẢ VIỆT NAM

gắng canh tân thơ cũ. «Tôi không còn cô độc» là một công trình phá đất, phát giác một giòng suối ngầm đẹp. Từ đó vỡ ra một con sông lớn, tên là «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy».

Cũng vẫn trong khuôn khổ cuộc đối chiếu những biến cố văn học quan trọng, có thể bảo Phan Khôi là một Quách Tấn ngược chiều, thứ «bình mới rượu cũ» thay vì «bình cũ rượu mới». «Khối tình già» thực chất chính là một hiện tượng chuyển tiếp ôn hòa, một sự cải cách. Mà qua phát giác của những kinh nghiệm lịch sử văn học cũng như chính trị, một sự cải cách chính thực chỉ là một âm mưu thỏa hiệp láu lỉnh với chế độ cũ, hy vọng sớm muộn cải hóa được nó để đẻ ra một tân chế độ phản động, thống trị, bóc lột, lừa bịp một cách khoa học, khéo léo hơn. Người cải cách và kẻ bị cải cách đều cùng chung một giòng máu, khác biệt ý kiến nhưng tương đồng ý hướng và những nguyên tắc căn bản. Định nghĩa rõ thêm, cải cách thực chất là bảo thủ bằng buông lỏng, duy trì bằng nới rộng, là đổi vỏ. Với cải cách, cái lõi vẫn nguyên vẹn, nay được trùm lên một lớp bao mới. Với cải cách, con người lễ nghĩa trước mặc áo the, đội khăn xếp, đi giày ban Gia định, sau được lột truồng ra rồi phủ lên một bộ âu phục bốn khuy chéo, một cái mũ phớt Fléchet, và đôi giầy «tây».

Bởi tại văn chương nghệ thuật cũng là một vận hành biện chứng gắn liền hình thức với nội dung, thành thử quan niệm «bình mới rượu cũ», tức là quan niệm cải cách, chỉ có thể là | sự lố lăng Sau «Khối tình già», sự lố lăng nầy được đẩy lên tới tột đỉnh bằng một «Mẩu thời gian» của Đoàn Phú Tứ và «Sương rơi» của Nguyễn Vỹ.

Thứ lố lăng làm phì cười của một thái độ ngông, mặc áo the, đội mũ Fléchet, đi giầy «tây» mũi nhọn, và cầm thêm cái ba toong.

Ngược lại với cải cách, cách mạng khởi điểm từ khác biệt thực chất và giai cấp. Người làm cách mạng hoặc xuất thân từ giai cấp đối nghịch, hoặc đã ly khai với giai cấp cũ. Định nghĩa rõ thêm, cách mạng là đập vỡ cả vỏ lẫn lõi, rồi trồng lên một trái mới. Cách mạng không thỏa hiệp, ôn hòa, nó tiêu diệt và tàn bạo. Thanh tâm Tuyền không cải cách mà quyết tâm làm cách mạng thi ca. Nếu trước kia thi ca tiền chiến còn vay mượn ở thơ cũ một số từ ngữ, điển cố, hình ảnh, vần điệu, và cách thức xếp câu, thì nay thi ca Thanh tâm Tuyền dường như không mắc nợ gì với thi ca tiền chiến. Sự khác biệt là, thay vì như Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận đã hóa thân được thơ cũ lên một trình độ siêu đẳng gọi là thi ca tiền chiến, Thanh Tâm Tuyền nay nhằm hủy diệt thi ca tiền chiến để tạo ra một thế giới được anh đặt tên là một «tinh cầu biệt lập xa vời». Nơi đây độc giả sống trong một chế độ ngôn ngữ mới, giữa những cảm giác lạ lùng, những nhịp điệu chưa từng nghe, những nhịp điệu chưa từng thấy, tác giả gọi là những «nhịp điệu của hình ảnh» :

«Dù sao mai phòng triển lãm sẽ đóng cửa
(Rồi mở thêm lần nữa
Để làm gì)
Vứt mẩu thuốc cuối cùng xuống giòng sông
Mà lòng mình phơi trên kè đá
Con thuyền suôi
Chiều không xanh không tím không hồng
Những ống khói tàu mệt lả»

(Tập Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy — Bao giờ)

Có thể phân chia thơ Thanh tâm Tuyền ra hai giai đoạn. «Tôi không còn cô độc» là giai đoạn nổi dậy, lật đổ chế độ thi ca tiền chiến đang suy tàn, và phát huy một cao trào đấu tranh lan rộng. «Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy» là giai đoạn củng cố chế độ thơ tự do, cấu tạo cho chế độ này một giá trị vững chắc và một cá tính rõ ràng. Tập sau, khi xuất hiện, đã kéo theo cả một bóng tối đồ sọ, dọa nạt, khiến những thối thân què quặt của thi ca tiền chiến có tự ti mặc cảm, phải chạy lẩn vào những trang trong của một vài nhật báo hay tờ văn nghệ không tăm tiếng. Sự thiếu vắng phản ứng nơi đa số kẻ thù của thơ tự do chứng tỏ họ đã đuối lý, chán nản, hoặc bất lực, đành chấp nhận nó như một sự kiện đã rồi. Ngoại trừ mới đây, một kẻ vẫn ngoan cố gọi nó là «con đẻ của lý trí nhất thời... nếu nó còn tồn tại là nhờ nó được nuôi dưỡng ở lòng tự ái nhiều hơn».

Ở trên tôi đã đề cập đến cao trào tự do dấy lên bởi Thanh tâm Tuyền. Cao trào này mang thơ anh ra khỏi được phạm vi một tác phẩm nghệ thuật thuần túy để trở thành một biến cố văn học. Một biến cố có nhiều tiếng vang, gây ra những phản ứng mãnh liệt nơi độc giả cổ điển mà tôi sẽ nhận diện sau đây, dưới hình thức ba câu hỏi : Họ là những ai ? Đi vào văn chương nghệ thuật từ một quan niệm nhân bản nào ? Thái độ thưởng ngoạn ra sao ?

Bởi tại thơ Thanh tâm Tuyền còn là một biến cố, nghĩa là một giá trị nằm trong tiếng vọng từ ngoại giới, một giá trị ngoại tại, thành ra trả lời được ba câu hỏi trên cũng đồng thời định nghĩa được một phần nào thực chất thơ ấy.

Giải đáp của hai câu sau cũng là của câu trước.

● xem tiếp trang 28

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

29

vạch một chân trời

LÃO thầy rắn ngồi trên xuồng, ngưng tay không thèm bơi nữa. Lão gác cây dầm, hát nghêu ngao. Hai bên bờ sông lá dừa nước mọc dày bịt như bức tường thành. Thỉnh thoảng có tiếng chó sủa từ phía trên xa, vang xuống. Bãi bùn quá dài và rộng. Nước ròng phơi bãi, lão muốn tìm một gian nhà nào đó để tá túc.

Trước mặt lão, bên trái, một dòng nước chảy róc rách từ trên rừng, đổ xuyên qua bãi bùn trước khi hòa vào lòng sông. Lão thầy rắn mừng quýnq Khoảng dừa nước bị cắt làm đôi nước chảy siết trên bãi như giữa thung lũng. Lão đứng dậy, ngóng thử. Quả thật trên bờ có vài căn chòi, khi nước lớn dâng lên ngập bãi thì người trên chòi mới xuống xuồng, bơi ra sông. Gặp lúc nước ròng như thế nầy, tuyệt nhiên không còn cách nào lên bờ được!

Nhưng bụng thấy đói là thân phải liều! Lão đẩy xuồng lên bãi rồi bỏ xuồng, lội xuống bùn, đến con đường mòn cập theo bờ sông. Đó là xóm người Huê Kiều cuốc rẫy. Họ đã sống lâu đời ở Việt Nam nên ăn nói rành rẽ:

– Ông già?

Một ông lão ngồi cú rũ ngoài sân, trùm cái mền tận cổ, trông thật buồn cười như người mặc áo tơi, ngồi ngoài sân giữa trưa nắng.

Lão thầy rắn mừng rỡ vì ông lão nọ tỏ ra hiếu khách. Lão hỏi:

— Làm gì mà ngồi ngoài sân?

— Đi đâu vậy? Người... An Nam hả?

Lão thầy rắn hơi sửng sốt vì thái độ kỳ thị ấy:

– Có gì lạ không? Tôi muốn lên đây mua khoai lang.

Lão già nọ liền quăng cái mền xuống đất rồi chỉ chỏ khắp bốn phía:

– Đi đi! Đừng ở đây!

— Nhưng tại sao ông ở đây? Làm gì mà ngồi ngoài nắng?

– Người ta chạy hết rồi, tôi già yếu mang bịnh nên ở lại giữ nhà. Đâu có đủ sức lực mà chạy. Tụi nó bắt mấy người Tàu, người An Nam.

– Ai?

— Tụi nó ở gần vàm sông Cái Lớn, vô tới năm sáu chiếc tàu, gặp ai giết nấy. Mấy bữa đầu, tụi nó để cho dân sống yên. Mới ngày hôm qua, tụi nó chặt đầu hơn mười người dân trong xóm, tới lúc nửa đêm...

Giọng nói thành khẩn của ông lão khiến lão thầy rắn tin là chuyện thật. Lão tìm cách điều tra cho biết rõ sự thật. Vì quá thương nhớ con Nhung, vì muốn trả thù Hai Tam, vì không còn nơi dung thân, lão bơi xuồng lần hồi đến sông Cái Lớn. Đã có lần lão thầy rắn nghe lóm rằng Hai Tam làm ăn ở U Minh. Đến ven rừng U Minh, nơi đất rộng người thưa, lão hơi mừng. Vùng rừng chàm U Minh là nơi tụ tập bao nhiêu rắn độc. Tới đó, lão tha hồ trổ tài trị bịnh. Tuy không biết cách bắt rắn Mãng Xà Vương – vì Mãng Xa Vương không bao giờ có nhưng lão biết vài toa thuốc gia truyền, có thể cứu người bị rắn độc cắn, nếu đừng để qua trễ nãi.

Dè đâu khi tới vùng đất để làm ăn nầy lão lại gặp chuyện lạ lùng, bất ngờ.

— Ai chặt đầu ai? Làm gì mà gây thù oán?

Lão già nói khẽ:

— Biết Tau Ô không? Giặc tàu Ô. Tụi nó kiếm mấy người dọ thám của Triều đình! Chạy cho mau! Kìa!

Sáu bảy tên hải tặc mang mã tấu bước chậm rãi, từ phía đầu đường đi lại. Lão thầy rắn chưa biết ứng phó thế nào! Trổ xuống xuồng thì làm sao đủ thời giờ! Chỉ còn một cách là chạyx nhưng chạy đi đâu, chạy để chết đói hoặc lọt vào ổ mai phục của bọn tàu Ô chăng?

Ông lão nọ bèn lấy cái mền quấn chung quanh ngực, nói khàn khàn:

– Trễ rồi! Đừng chạy, chạy không kịp đâu.

Bọn hải tặc lù khù bước tới, dường như chúng không chú ý đến hai lão già ốm yếu đang ngồi nói chuyện trước sân. Lão thầy rắn hỏi:

– Làm sao? Để tôi vô nhà ông, tôi trốn.

Lão già đáp:

– Không được. Nó vô lục xét, nếu gặp là nó chém.

Lão thầy rắn run lẩy bẩy khi nghe bọn hải tặc thét vang. Lão không hiểu chúng nó nói điều gì nhưng chắc, là hiệu lịnh tiến quân.

– Tôi vô nhà ông, tôi trốn!

– Không được.

— Tôi xuống mé lá dừa nước để trốn!

– Không được! Nó tới rồi kìa!

Lão thầy rắn co chân, chạy dài ra phía sau rẫy. Bọn hải tặc hò hét vang rân phía trước sân.

Liệu bề không xong, lão chạy dọc theo mé sông lần lượt đến năm sáu gian nhà bên cạnh, mỗi nhà cách xa nhau hàng đôi công đất. Đáng sợ thật, Nhà cửa đều trống boang Vậy thì chỉ còn cách chạy mãi.

Đột nhiên lão nghe tiếng đờn cò, tiếng sáo thổi vang rân. Lão thầy rắn đứng lại, nép mình vào gian nhà bỏ hoang. Trước nhà, có bà lão mù lòa ngồi đan rổ. Nếu còn phép tá túc thì chưa ắt bà lão chấp thuận. Trong một thoáng, lão thầy rắn muốn chạy ra sau vườn, nhưng đã trễ rồi. Và ba tên hải tặc đi bọc sau vườn, ca hát như phụ họa với bọn người đờn cò thổi sáo trên đường gần bãi sông.

Nhanh như chớp, lão thầy rắn chui vào cửa sau. Nhà tối om, chuột chạy sột soạt. Lão thầy rắn càng sốt ruột khi nghe bà lão mù lòa trước thềm quát to.

– Chuột! Mèo đâu mà chuột chạy vậy kìa!

Bọn hải tặc bước rầm rập ngoài đường rồi dừng lại, đứng ngay căn nhà mà lão thầy rắn đang ẩn núp. Lão điếng hồn, nghe rõ ràng một giọng... hơi quen thuộc, giọng con gái:

– Bà ơi! Vô nhà đi

Bà lão nói:

— Tôi già cả mù lòa. Tôi đâu có tội tình gì...

– Coi chừng nó giết oan. Tụi nầy tàn nhẫn lắm, tôi là con cháu bà, tôi nói sạt làm gì!

Hai tay lão thầy rắn từ từ vạch vào vách lá, như có sức lực vô hình nào

thúc đẩy. Đó là giọng... con Nhung. Trong lúc còn nghi ngờ, lão nghiêng đầu, bất chấp nguy hiểm. Tấm vách buồng khá dày, đứng ngoài sân, khó thấy người núp bên trong nhưng đôi mắt lão đã dán sát vào kẽ vách.

Những bắp chân đen đúa đi qua đi lại trước thềm nhà. Bọn hải tặc, đúng rồi. Nhưng kìa ! Lão nín thở, cố gắng lắm mới nén được tiếng kêu ngạc nhiên. Con Nhung đang nghiêng mình, sát bà lão Đôi mắt nó đen lánh, sâu hoắm. Vóc dáng nó vẫn đẹp như ngày nào, hồi ở rạch Ông Rầy. Dường như nó hơi gầy đi một chút. Nó nói :

— Bà ơi ! Tôi...

Bà lão quát to :

— Mầy là con gái.., An Nam hả ?

Con Nhung đáp :

— Dạ, con bị tụi nó bắt...

— Mầy dẫn đường cho tụi nó đốt nhà hả ? Đồ bất nhơn, Coi chừng kiếp sau đầu thai con trùng, con dế, nghe chưa ?

Con Nhung lấy tay lau nước mắt :

— Tụi giặc tàu Ô này không biết tiếng An Nam, nó bắt con đi theo để nói chuyện ! Khổ lắm ! Con không biết nói tiếng Hải Nam như tụi nó.

Bà lão quát to :

— Đồ ăn nói xấc xược ! Vậy chớ mầy theo tụi nó để làm gì ?

— Nó biểu con đi... dọ thám, gặp người nào đáng nghi ngờ là nó giết. Hễ con gật đầu là nó giết.

— Té ra mầy giết mấy cuộc người trong xóm nầy rồi !

Con Nhung kêu la :

— Đừng cãi nữa, bà ơi. Gặp ai ưa cãi lẫy là nó giết. Bà đi nơi khác đi. Tụi nó muốn đốt cái nhà nầy !

Bà lão vẫn to tiếng :

— Hễ đốt nhà thì tao ở trong nhà luôn, thà là bị chết cháy cho... mầy mát dạ.

Chưa dứt lời, bọn hải tặc quát tháo chạy lăng xăng trong khi bọn đờn cò thổi sáo vẫn tiếp tục... tiêu dao thế sự. Bà lão kêu rú !

— Đồ tàn nhẫn ! Nó đốt nhà tao kìa ! Nó giết tao...

Một nhát mã tấu chém xuống, thân bà lão gãy lại, như gấp làm đôi Ngọn lửa nổi lên, từ phía trước thềm. Lão thầy rắn im lặng, cố bò ra phía cửa sau. Chờ khi ngọn lửa đến gần, lão quan sát tình thế ; khói bốc lên mù mịt, bọn hải tặc chẳng tai nào thấy tăm dạng lão. Lão chạy nhanh ra phía rẫy khoai. Bọn hải tặc quát to chẳng hiểu chúng nói gì. Chờ khi chạy xa được một đỗi, lão ngồi xuống để thở :

— Trời ! Nhung ơi !

Con Nhung cũng chạy trốn như lão. Rất tiếc là nó chạy về hướng khác, lão không dám gọi to lần thứ nhì. Bọn hải tặc rượt theo nhưng quá trễ. Khói bay cuồn cuộn, khuất lấp người và cảnh vật. Lão bước lững thững về phía ven rừng, thỉnh thoảng nhìn lại sau lưng. Lửa bốc cuồn cuộn. Lần lượt năm bảy gian nhà đều cháy rụi. Lão hơi mừng, khấn vái Trời Phật :

— Cầu xin cho con Nhung được sống sót.

Chiều hôm ấy bọn giặc tàu Ô đã rút lui. Người trong xóm lần lượt trở về, chửi rủa vang trời. Lão thầy rắn quyết định : Ngu dại gì mà ở ngoài rừng ngoài bụi. Biết đâu về xóm mình gặp con Nhung. Vái trời cho nó mạnh khỏe.

Dường như không ai chú ý đến sự có mặt của lão. Lão bước lần thần như người mất hồn. Vài người bơi xuồng, cập vào bến, nói to :

— Tụi nó về tàu rồi ! Gặp ai tụi nó cũng chém. Mất một người con gái.

Người khác đưa ý kiến :

— Coi vậy chớ tụi nó sợ không dám ở lâu.

Thấy thiên hạ đi xuống, lão thầy rắn sực nhớ đến chiếc xuồng của mình. Nó đậu dưới bãi, ngay căn nhà của ông lão trùm mền dưới nắng.

Vừa thấy dạng ông lão trùm mền, lão thầy rắn nói :

— Ông ơi ! Nhớ tôi không ?

Ông lão nọ đáp :

— Nhớ chớ. Mô Phật. Tụi nó quên đốt nhà tôi. Bây giờ tới phiên tôi mời ông anh vô nhà chơi. Hồi trưa tôi xua đuổi ông anh, ông anh buồn không ?

Lần đầu tiên trong đời, lão thầy rắn cảm thấy lâng lâng sung sướng, sung sướng vì lão biết xấu hổ trước tấm lòng chân thật của đồng loại, trong cơn hoạn nạn. Hồi đến rạch Ông Rầy, lão được đón tiếp nồng hậu. Đáp lại sự nồng hậu ấy, lão dùng toàn thủ đoạn hòng lợi dụng lòng tốt của kẻ khác.

Lão thầy rắn nói :

— Cám ơn. Tôi đâu dám buồn. Nhờ ông anh đuổi mà tôi được sống. Xin lỗi.

— Mời ông anh vô nhà. Ông anh tên gì ?

— Tôi thứ hai, làm nghề.. thầy rắn. Còn ông anh.

— Tôi là ông Chòi Mui.

— Tại sao Chòi Mui ? Tên nghe lạ quá !

— Thỉnh thoảng tôi nói sự tích cho ông anh nghe. À ! anh hai... thầy rắn làm gì mà đứng lóng nhóng chưa vô nhà. Hay là anh hai chê nhà tôi chật hẹp.

Lão thầy rắn cười hồn nhiên :

— Tôi muốn thăm...

— Thăm bà con ?

— Dạ... thăm chiếc xuồng. Xuồng đậu dưới bãi hồi nước ròng.

— Thôi ! vô nhà cho vui. Ở xứ nầy hễ nước ròng là lòi bãi bùn, xa hàng công đất. Một chút sau là nước lớn. Chiếc xuồng chắc trôi rồi ! Vô nhà uống rượu chơi.

Lão thầy rắn hơi tiếc của, đứng ngóng ra bờ sông. Nắng chiều gần tắt. Con Nhung đã biệt tích. Chiếc xuồng mất dạng nhưng lão thấy trong lòng rộn lên một niềm hy vọng khó tả.

Đêm ấy, lão thức nói chuyện với lão Chòi Mui. Lão Chòi Mui là người sống lâu đời tại U Minh Thượng, từ đời cha.

Sực nhớ tới Hai Tam, lão thầy rắn hỏi :

— U Minh... gần hay xa ? Rộng cỡ nào ? Có chừng bao nhiêu xóm ?

Lão Chòi Mui đáp :

— Ôi thôi ! Biết bao nhiêu ngàn triệu mẫu đất quan trên còn chưa hiểu rõ huống hồ là tôi. Tôi như con cá lội ngoài biển ! Hỏi chi vậy ?

Lão thầy rắn ướm thử :

— Tôi có người bà con tôi là Hai Tam, xuống đây... tìm vàng rồi mất dạng luôn.

● còn nữa

Phát hành trong tháng này

CẢNH TƯỢNG

ĐÊM NAY

TẬP TRUYỆN NGẮN ĐẦU TAY CỦA

VIÊN LINH

Thời Mới xuất bản

GIÁNG PHÚC

nguyên tác : SCOTT FITZGERALD ☐ bản dịch : HƯƠNG LÂM

— Em có nói gì đâu, nàng trả lời hơi thẹn thùng, em nhớ lại một câu chuyện vu vơ, trong lúc nói chuyện với một người đàn ông tên là Freddy Kebble.

— Có phải là anh của Maury Kebble không?

— Chính ông ấy, nàng không hiểu sao anh nàng lại biết Manry Kebble nhưng thật ra chẳng có gì đáng ngạc nhiên.

« Cách đây độ vài tuần nhật, em và ông ta bàn về hai chữ « cao thượng » em không nhớ rõ hết, em có nói cho ông ấy nghe chuyện một người bạn trai của em tên là Howard, em khen anh ta cao thượng, ông ta không đồng ý, thế rồi chúng em cãi nhau mãi về vấn đề trên. Ông ta lập đi lập lại mãi là em đã lầm lẫn với tánh hiền lành dịu dàng, em biết là không đúng nhưng không thể mô tả ra bằng lời. Bây giờ thì em hiểu rằng lúc đó em đã nói ngược lại. Theo em thì muốn cao thượng thật sự phải nghiêm khắc và cương nghị.

Kieth gật đầu :

— Anh hiểu em muốn nói gì rồi, anh đã từng gặp các linh mục già có đức tánh cao thượng ấy.

— Em có ý ám chỉ những người còn trẻ kia, nàng bướng bỉnh trả lời để trêu thêm.

— Thật thế à.

Đến trước sân thể thao lúc vắng người, Kieth chỉ chiếc ghế dài cho nàng và nằm dài xuống cỏ.

— Các chàng thanh niên có thích thú sống ở đây không anh ?

— Em có nhận thấy thế không Lois.

— Em thí dụ là họ có vẻ vui thích nhưng mà hai người chúng ta vừa gặp, họ đã... họ đã... ?

— Em muốn biết họ đã ký tờ cam kết dứt khoát chưa phải không? người anh vừa cười vừa nói — Chưa đâu, tháng sau kia họ mới làm việc ấy.

— Thế là họ phải ở đây trọn đời sao ?

— Đúng thế, trừ phi họ không thể giữ nổi về phần linh hồn hay về phần thể xác. Em không lạ gì với kỷ luật sắt đá hàng ngày, tự nhiên nhiều người phải tự mình xin rút lui.

— Mà có phải các chàng trai kia khi vào đây đã không màng đến tương lai đầy hứa hẹn của họ như trường hợp của anh, phải thế không anh ?

Người anh lắc đầu :

— Đúng đối với một số nào đó mà thôi.

— Em tưởng họ không quan niệm được họ đang làm gì và họ cũng không rõ là họ đang bỏ mất những gì.

— Không đâu, không phải thế đâu.

— Họ đã nghĩ sai, lúc đầu họ tưởng ra ngoài đời phải gặp nhiều khó khăn. Tất cả lúc vào đây đều còn nhỏ tuổi phải không anh?

— Không hẳn thế, một số đã lăn lộn ngoài đời, đã có một cuộc sống phong trần, như Regan chẳng hạn.

— Thà như vậy, tốt hơn, những người đã trải qua mùi đời, nàng nói có vẻ suy tưởng.

— Anh không đồng ý, Kieth nói một cách quả quyết, anh không chắc là những thứ kinh nghiệm của một người sống cuộc đời bảy nổi ba chìm có thể hữu ích cho kẻ khác. Anh biết nhiều người xuất chúng đã luôn luôn tự xử với mình rất nghiêm khắc. Trái lại những kẻ phóng đãng dầu hoán cải vẫn chủ trương thuyết không bao dung, em có nghĩ thế không Lois ?

Nàng gật đầu biểu đồng tình nhưng vẫn ngẫm nghĩ.

Người anh nói tiếp :

— Theo anh, khi một người yếu đuối tìm đến một kẻ khác không phải là để nhờ người ấy giúp đỡ đâu mà họ đi tìm đồng lõa trong tội lỗi, em Lois ạ. Anh nhớ sau khi sanh được em rồi, mỗi lần me nổi cơn giận dữ lên, mẹ thường qua nhà một bà tên là Comstock để mà khóc. Trời ơi, anh thấy mà ớn. Mẹ nói làm như thế để tìm nguồn an ủi, tội nghiệp thay. Anh không tin là muốn giúp kẻ khác, mình cần phải tập tành trước đã. Thiết tưởng chỉ những kẻ mạnh hơn ta, làm cho ta kính nể mới có thể giúp ta thật sự. Và thiện cảm của những người ấy càng siêu nhân bao nhiêu thì càng cao cả bấy nhiêu.

— Nhưng con người lại thích thứ thiện cảm của thế nhân kia, nàng phản đối lại. Họ muốn thấy kẻ khác cũng dễ bị cám dỗ như mình vậy,

Họ muốn trong thâm tâm, cảm thấy kẻ khác trải qua bước đường sa ngã, do đó họgọi là thiện cảm thế nhân đấy Lois ạ.

— Ngay trong tu viện cổ kính này, anh nàng nói tiếp, lúc đầu người ta ráng huấn luyện cho mình bỏ hẳn lòng thương xót bản thân mình và tánh kiêu ngạo. Để thử thách, người ta buộc phải cọ sàn nhà và làm những việc khác nữa. Đó là ý niệm làm mất sự sống đi để cứu vãn lấy nó. Em thấy chưa. Ở đây chúng ta nghĩ rằng con người mà thể xác càng bị chà đạp bao nhiêu, càng dễ trở thành hữu ích bấy nhiêu cho nhân loại (con người đúng theo quan niệm của em). Chúng ta theo lý thuyết nầy cho đến cùng. Nếu một người trong dòng chết đi, gia đình cũng không có quyền lấy xác về, người ta chôn cất ngay ở đây dưới một thập giá bằng cây bên cạnh hàng vạn thập giá khác.

Bỗng nhiên người anh đổi giọng chăm chú nhìn nàng :

— Nhưng thật ra ở tận đáy lòng con người còn có những gì thầm kín nữa ràng buộc chặt chẽ mà một trong những mối trắc ẩn là nguyên do chính làm cho anh đắm say em gái của anh.

Vì xúc động tự nhiên, nàng quỳ xuống bãi cỏ bên cạnh anh và nghiêng mình ôm trán anh hôn.

— Anh Kieth của em quá nghiêm khắc, anh thật là cao thượng, em mến anh vì chỗ đó.

III

Trở về phòng khách nàng có dịp làm quen thêm 5,6 người bạn của Kieth, toàn là bạn thân. Trong đám, có một thanh niên xanh xao, yếu đuối tên là Jarvis, có lẽ là cháu ruột của bà Jarvis, vẻ người trái hẳn với hai người chú của y chỉ biết ưa một đời sống náo nhiệt.

Có cả Regan nữa, người mặt đầy sẹo có cặp mắt tinh nhanh và sâu sắc theo dõi nàng từ xa và đôi khi nhìn vào Kieth với vẻ mến phục lắm. Bây giờ nàng hiểu anh nàng đã tả đúng con người mà ta «muốn có bên cạnh trong một cuộc đấu tranh»

Nàng tự nghĩ : «Đây là người giáo sĩ chính cống, ta thử tưởng tượng

người đó đi truyền giáo ở Trung Hoa chẳng hạn hay có sứ mạng nào như thế».

Một người thanh niên trong đám toét miệng cười :

— Tôi muốn em gái của Kieth biểu diễn cho xem vũ điệu Shimmy.

Lois vừa cười vừa trả lời :

— Ấy chết ! Cha Bề trên sẽ đuổi em ra ngay, mà thật tình em cũng không sành lắm.

— Tôi chắc rằng dầu sao làm thế cũng sẽ có bại cho linh hồn Jimmy đấy. Kieth nói về nghiêm nghị. Chú ấy sẽ khổ sở vì phải suy nghĩ nhiều về cái đề tài như vũ điệu Shimmy. Tôi còn nhớ trước hết người ta bắt đầu nhảy điệu maxie phải không Jimmy? Lúc đó chú ấy mới vào tập sự, mà cả năm đầu tiên cứ bị ám ảnh theo điệu ấy, ta bắt gặp những lúc đang gọt vỏ khoai, tay chú ấy choàng quanh thùng nước chân nhịp lia lịa làm mất hết vẻ tôn nghiêm của chốn tu hành !

Tất cả mọi người bật cười lên, Lois cũng cười theo.

Jarvis nói nho nhỏ qua tiếng cười dòn : «Kem này của một bà già đến xem lễ ở đây mang lại cho Kieth đó, vì bà ta biết cô sắp ghé lại ; sao kem ngon chứ?

Lois cảm động, mắt lóng lánh muốn rơi lệ.

IV

Thế rồi nửa giờ sau. trong nhà thờ mọi việc không còn như ý muốn nữa. Đã lâu lắm Lois không đi dự lễ ban phép lành ; hôm ấy nàng rất hoan hỷ nhìn thấy những thứ trang trí vàng rực rỡ xung quanh bàn thờ trắng tinh, ngửi mùi hương đậm đà trong lúc đó ánh nắng dọi vào kính màu có hình thánh François-Xavier tỏa ra những tia sáng đỏ trên áo lễ của người đứng ngay trước mắt nàng Nhưng ngay lúc lễ nhạc cử hành bản «O Salntaris Hostia» nàng cảm thấy tâm hồn nặng trĩu. Kieth ở bên phải nàng và chàng thanh niên Jarvis ở phía trái, liên tiếp nàng nhìn họ, vẻ lo ngại.

«Sao thế nầy?» sốt ruột nàng tự hỏi mình rồi rồi nhìn hai bên. Nàng cảm thấy khuôn mặt lạnh lùng của hai người, mà trước kia nàng không chú ý đến, xung quanh miệng họ nước da xanh xao, nhưng mắt họ lộ vẻ cương quyết lạ thường. Nàng hơi rùng mình, tưởng mình ở giữa hai xác chết.

Nàng có cảm giác là tâm hồn nàng bỗng nhiên không còn bận bịu đến Kieth nữa

Người ấy là anh nàng thật, một người kỳ dị. Nàng ráng giữ sự bình tĩnh, hé môi cười. « Nhưng mà tôi làm sao thế này ? » Nàng đặt tay lên mắt, sức nặng càng tăng gia thêm. Nàng không chịu nổi mùi hương và giọng hát lệch lạc của một tu sĩ, muốn xé màng tai của nàng ra như tiếng cục phấn ken két trên tấm bảng đen. Nàng để tay lên mái tóc, thấy trán ướt đẫm. «Ở đây nóng quá, nóng bức quá chừng». Lần nữa nàng cố nén cười nhưng chỉ trong giây lát sự nặng nề kia làm cho nàng hoảng sợ lạ lùng... Cây nến trên bàn thờ sao ngốn ngang vậy... Không ai thấy sao ? Có vật gì ở trong ấy, hiện ra thành hình ngay ở trên này.

Nàng muốn chống lại sự hốt hoảng cho rằng hiện tượng đó là do ngọn đèn mà ra. Phải bấc đèn cong queo, mấy cây nến kia làm sao ấy — quả không phải thế ! Nhanh như chớp một sức mạnh vùng lên, sức mạnh hãi hùng, kinh khủng từ tứ phía đến, từ mỗi phần tử của tâm não tràn ra, trỗi dậy, càng lên cao càng làm cho nàng buồn nản lạ thường. Kinh hoàng nàng khép hai cánh tay lại với nhau để khỏi gần Kieth và Jarvis.

Vẫn có vật gì trong cây nến kia, nàng nghiêng mình về phía trước, có cảm giác sẽ đi đến gần nó. Không ai hay hiết gì cả sao ? Chả có người nào?

— Ôi chao !

Nàng cảm thấy trống rỗng hai bên rồi thoáng biết Jarvis giật mình bỗng nhiên ngồi xuống. Đoạn nàng quỳ gối, trong lúc Thầy Cả thong thả mang bình thánh bóng loáng khỏi bàn thờ, nàng nghe tiếng ồn ào, tiếng chuông đổ như tiếng búa... và trong một giây đối với nàng tựa hồ một thời gian vô tận, tim nàng muốn vỡ ra như thác nước ... nàng nghe tiếng gọi, tiếng sóng vỗ dập dồn.

,..Nàng kêu lên, nghe gọi tên của Kieth, môi nàng lập cập không nói nên lời..,

— Kieth ! Chúa ôi ! Kieth đâu !

Bỗng nhiên nàng nhận ra trước mặt một ngoại vật biểu lộ bằng một luồng ánh sáng màu đỏ. Nàng nhận được mấy tấm kính màu có hình thánh François Xavier.

Trí óc nàng hoàn hồn theo sự vật ấy nàng vẫn nghe gọi liên tiếp và vô hiệu quả... Kieth ! Kieth !

Trong sự im lặng, người ta nghe vang lên tiếng :

— Tạ ơn Chúa.

Tiếp đó tiếng lập lại dần dần lan khắp cả nhà thờ :

— Tạ ơn Chúa.

Những tiếng ấy dội lại trong tim nàng.

Mùi hương tỏa khắp không trung dịu dàng khác thường và yên tĩnh. Trên bàn thờ những ngọn nến đã tắt.

— Vinh danh thiên chúa

— Vinh danh thiên chúa.

Tất cả đều nhộn nhịp, ngả nghiêng xung quanh nàng. Người ta nghe có tiếng nhe nửa la nửa nức nở lúc đó nàng té xỉu bất tỉnh trên cánh tay Kieth chàng đã đưa ra thình lình để đón lấy nàng

V

— Em cứ ngồi yên, anh nàng nói.

Nàng nhắm mắt lại, Người ta đã đem nàng ra ngoài bãi cỏ, đầu gối lên cánh tay của Kieth, Regan lấy khăn ướt thấm nước lên trán nàng.

— Em đã thấy đỡ nhiều, nàng nói khe khẽ.

— Anh biết, em cần ngồi yên một lát nữa.

■ *CÒN MỘT KỲ*

sắc đẹp bảo vệ

HẠNH PHÚC TƯƠNG LAI

Ngày tân hôn, chàng là một thanh niên tuấn-tú, nàng là một thiếu nữ diễm kiều.

Họ sánh vai nhau như đôi Loan, Phượng.

Thế mà sau 5 năm hương lửa, trải qua vài lần sanh nở, xuân sắc của nàng đã đứng chựng để bắt đầu đi lùi vào sự tàn phai.

Bây giờ, khi vai sánh vai, người ta không còn thấy ở chàng và nàng sự xứng đôi vừa lứa nữa.

Sự già nua này đe dọa hạnh-phúc tương lai của nàng 1 cách khủng khiếp...

Thế nên, người phụ nữ muốn nắm giữ hạnh-phúc tương lai của mình, ngoài yếu tố hạnh kiểm thì sự bảo vệ sắc đẹp vẫn là yếu tố vô cùng quan trọng.

Muốn bảo vệ sắc đẹp lâu dài thì ngay từ thanh xuân đến khi nên không vợ, lúc nào : về sức khoẻ thì căng tập thể dục, về sắc đẹp thì nuôi nưỡng làn da luôn luôn tươi mịn, dhông tàn nhang, vết nám ; không mụn sần, quầng đỏ, không khô khan, nhăn, nhờn v.v... với GRÈM THORAKAO

GRÈM THORAKAO lại có sẵn phấn để thường ngày trang điểm đẹp đẽ dản-dị, đồng thời cũng chống được nắng

anh meaulnes

29

MEAULNES đọc thư, gần như quáng cả mắt vì tiếc hận và giận dữ, nét mặt phẳng lặng, nhưng tái xanh, hai mắt chớp chớp. Valentine lo ngại thấy anh như vậy, đưa mắt dõi theo anh, tự hỏi tại sao anh lại nổi giận như vậy.

Nàng giải thích :

– Đó là một món nữ trang anh ấy cho em và bắt em thề phải giữ mãi. Đó là một trong số những sáng kiến điên rồ của anh ấy.

Nhưng nàng chỉ làm cho Meaulnes thêm cáu tiết.

Anh bỏ mấy bức thư trong túi và nói :

— Điên rồ ! Tại sao em cứ nhắc lại mãi tiếng đó ? Tại sao em không biết tin nơi lời nói của anh ta ? Anh có biết hắn, thật là một chàng trai lạ lùng nhất đời !

Nàng sửng sốt vô cùng, hỏi !

– Anh biết anh ấy ư, anh quen Frantz de Galais sao ?

— Đó là người bạn thân nhất, người anh em trong mọi cuộc phiêu lưu, thế mà ta lại cướp mất của y người vợ chưa cưới !

Anh thịnh nộ tiếp :

– Chà, cô đã làm hại chúng tôi bao nhiêu, cô chẳng tin tưởng gì hết. Cô là đầu mối cho mọi chuyện. Chính cô đã để mất hết, mất hết !...

Nàng muốn nói với anh, muốn cầm lấy tay anh, nhưng anh tàn nhẫn đẩy nàng ra :

— Cô cút đi. Để mặc tôi.

Nàng đỏ mặt như lửa đốt, ấp úng muốn khóc, đáp :

– Nếu sự tình như vậy, em cần phải đi. Em sẽ trở về nhà ở Bourges với chị em. Anh ạ, nếu anh không trở lại đón em nữa, cha em nghèo quá không nuôi nổi em, em sẽ đi Paris, sẽ lang thang ngoài phố như hồi nào, và sẽ trở thành một cô gái hư vì em chẳng có nghề gì khác nữa.

Rồi nàng về nhà trọ lấy hành lý ra ga xe lửa. Meaulnes chẳng thèm ngó lại, cứ tiếp tục lang thang bước lên.

Tập nhật ký lại ngưng lưng một lần nữa.

Tiếp theo lại có những bản ráp những bức thư của một người lạc lõng, không định kiến. Trở về La Ferté-d'Angillon, Meaulnes viết thư cho Valentine, bề ngoài để nói cho biết sự quyết tâm của anh không gặp lại cô ta nữa, nói rõ hết những lý do rõ rệt, nhưng sự thật là có ý muốn để cho cô gái phúc đáp. Trong một thư, anh còn hỏi cả cô gái điều mà trong lúc lúng túng anh chưa hề nghĩ tới để hỏi : cô ta có biết nơi trang viện anh nhọc công tìm kiếm ở vào vùng nào chăng ?... Trong thư khác anh van nài cô ta nên nối lại với Frantz de Galais. Chính anh sẽ lãnh công việc đi tìm. Hầu hết những thư mà tôi tìm thấy bản ráp dường như đều không được gửi đi. Nhưng chắc hẳn anh có viết hai ba lần nhưng

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

không được hồi âm. Đó là một thời kỳ tranh đấu ghê gớm, thảm hại, trong khi anh trơ trọi một mình. Hi vọng gặp lại Yvonne de Galais đã hoàn toàn tan biến, anh tất phải thấy sự quyết tâm của mình ngày một sút kém đi. Và theo như những trang tiếp theo – những trang cuối cùng trong tập nhật ký — tôi đoán rằng anh phải có một buổi sáng đầu mùa hè mướn xe đạp đi Bourges thăm nhà thờ.

Anh đi từ sớm, trên con đường thẳng ở giữa rừng, dọc đường anh lo bày ra cả ngàn cớ để tới trước mặt cô gái mà trước kia anh đã đuổi đi, cho dù không hòa thuận lại.

Bốn trang cuối cùng mà tôi thu thập lại được kể chuyện đi này và tội lỗi cuối cùng của anh...

CHƯƠNG THỨ MƯỜI SÁU

25 tháng tám.— Ở bên kia thành phố Bourges, nơi tận cùng khu ngoại thành, sau khi tìm kiếm rất lâu, anh khám phá ra nhà Valentine Blondeau. Một người đàn bà — mẹ của Valentine — đứng ở bực cửa, tưởng như chờ đợi anh. Bà ta có khuôn mặt đầy đặn của một người nội trợ, nặng nề, nhăn nhúm, nhưng còn đẹp. Bà ta tò mò đứng ngó anh đi tới và khi anh hỏi : « các cô Blondeau có nhà không ? », bà ta nhẹ nhàng có hảo ý nói cho anh biết rằng chị hai đều trở về Paris từ bữa 15 tháng tám.

Bà ta nói tiếp : « Chúng nó dặn tôi không cho ai hay rằng hai chị em ở đâu nhưng cứ viết thư tới địa chỉ cũ ở đó họ sẽ gửi tiếp đi giúp ».

Khi quay ra, tay dắt xe, chân bước trên mảnh vườn nhỏ trước nhà, anh nghĩ :

– Nàng đi rồi... Mọi sự thế là hết, đúng như ý muốn của ta.. Chính ta đã buộc nàng như vậy. Nàng có nói : « Em chắc chắn sẽ thành một cô gái hư ». Thì ra chính ta đã đẩy nàng tới chỗ đó. Chính ta đã làm hỏng người vợ chưa cưới của Frantz.

Anh như điên lên, nói một mình : « Càng hay ! Càng hay ! » nhưng tin chắc rằng trái lại chính anh muốn nói « Tiếc thay » và anh sắp sửa, trước khi ra khỏi vườn, ngay trước mắt người đàn bà đó, sẽ ngã quỵ xuống đất.

Anh chẳng buồn nghĩ tới ăn bữa trưa ; ghé vào một quán cà-phê để viết một bức thư rất dài cho Valentine, viết để mà la lên, giải cho thoát được nông nỗi thất vọng đang làm cho anh tức nghẹn. Trong thư anh nhắc đi nhắc lại : « Liệu em có thể... Liệu em có thể... Liệu em có thể cam chịu như vậy sao ? Liệu em có thể tự làm hỏng cuộc đời như vậy sao ? »

Gần anh có một đám quân nhân đang uống rượu. Một người trong bọn đang to tiếng kể lại một chuyện đàn bà anh chỉ nghe được từng đoạn : « Tôi đã bảo nó... cô chắc chắn phải biết rõ tôi... Tối nào tôi cũng đánh bài với chồng cô ! ». Những người khác cả cười, và quay mặt đi, nhổ bọt ra phía sau ghế. Tiều tụy và bụi bám đầy người, Meaulnes ngồi ngó họ khác nào một kẻ ăn mày. Anh tưởng tượng bọn họ đang bồng Valentine trên đùi.

Trong giờ lâu, ngồi trên xe anh đi quanh nhà thờ, thầm nghĩ : « Tóm lại, ta tới đây chỉ vì ngôi nhà thờ này ! » Ở khắp các phố, trên công

viên vắng người, đều thấy nhà thờ vươn cao, đồ sộ, thản nhiên. Những phố đó đều hẹp và bẩn như những ngõ nhỏ bao quanh các nhà thờ ở thôn quê. Thỉnh thoảng lại thấy tấm biển một nhà điếm với ngọn đèn đỏ Meaulnes cảm thấy nỗi đau của mình thêm nặng trong khu phố bẩn thỉu, tội lỗi, hẻo lánh cũng như thời xưa dưới những cây cột ở ngoài cửa giáo đường. Anh cảm thấy một niềm lo sợ đặc biệt nông dân, một sự ghê tởm đối với ngôi giáo đường thành phố, nơi mà bao nhiêu những tội lỗi đều được lén ghi dấu tích, xây cất giữa một khu vực tội lỗi và vô phương cứu gỡ đối với những đau khổ thuần khiết nhất của tình yêu.

Hai con điếm đi ngang đó, ôm ngang lưng nhau, đưa mắt lơ láo ngó anh. Vì ghê tởm hay muốn thử thách, để trả thù mối tình của mình hay để cho nó đắm chìm thêm nữa, Meaulnes chậm đạp xe theo hai đứa, một đứa trong bọn, một con bé đáng tội nghiệp, mấy sợi tóc vàng lơ thơ kéo ra phía sau búi lại thành một cục tóc giả, hẹn anh 6 giờ chiều tới vườn tòa Tổng Giám Mục, nơi vườn mà Frantz, trong một bức thư của hắn đã hẹn với Valentine đáng thương.

Anh không trả lời không, biết chắc rằng giờ đó anh đã dời khỏi thành phố nầy từ lâu. Đứng trong một khung cửa sổ thấp, tại con đường dốc, con bé còn lơ đãng ra dấu cho anh mãi.

Anh vội vàng quay về.

Trước khi ra về anh không thể cưỡng lại với ý muốn đi ngang một lần nữa trước nhà Valentine. Anh mở to mắt để ngó và thâu nhận bao nhiêu buồn thảm vào trong lòng. Đó là một trong những ngôi nhà cuối cùng ở khu ngoại thành, từ sau khu này đường phố trở thành con đường lộ... Phía trước là một bãi hoang làm thành một công viên nhỏ. Không có một ai ở các cửa sổ, hay ở trong sân, hay bất kỳ chỗ nào khác. Dọc theo một mảnh tường, có độc nhất một người đàn bà mặt dồi phấn đang lôi theo sau hai đứa trẻ rách rưới.

Thời tuổi nhỏ của Valentine kéo dài ở đó, chính ở đó nàng bắt đầu nhìn đời bằng đôi mắt tin cậy và ngoan ngoãn. Nàng đã phải làm việc, may vá, bên sau những cửa sổ kia. Và Frantz đã tới đây để gặp nàng, mỉm cười với nàng, trong khu phố vùng ngoại ô này. Nhưng bây giờ không còn chi nữa... không còn chi nữa... Buổi chiều buồn kéo dài, Meaulnes chỉ biết rằng ở nơi nào xa xôi, cũng buổi chiều này Valentine thấy qua đi trong ký ức, kỷ niệm của nơi công viên buồn nản này mà không bao giờ nàng sẽ trở lại.

Đoạn đường dài mà anh còn phải đi trên đường về là phương thuốc độc nhất chống với nỗi đau của anh, một dịp bắt buộc lãng quên trước khi anh sẽ chìm ngập trong đau thương.

Anh ra về. Ngay sát đường, trong thung lũng, có những ngôi nhà nông trại rất dễ thương, dựng giữa lùm cây, bên bờ sông, đưa ra những đầu hồi nhọn có những giây nho màu lục. Có lẽ, nơi xa kia trên bãi cỏ xanh có những cô gái đang ngồi nói chuyện yêu đương. Ta tưởng tượng ở xa đó có những tấm lòng, những tâm hồn cao đẹp.

Mấy hàng vội vã trong tập nhật ký cho tôi biết rằng anh còn nuôi ý định thế nào cũng sẽ đi kiếm Valentine trong khi còn kịp thời. Một ngày để nơi góc trang cho tôi hiểu rằng có lẽ đó là ngày mà bà Meaulnes đang sửa soạn hành trang cho anh đi một chuyến xa thì tôi tới La Ferté-d'Agillon làm xáo trộn hết mọi chuyện. Trong căn phòng trước dùng làm tòa thị sảnh, một buổi sáng đẹp trời vào cuối tháng tám, Meaulnes đang ngồi ghi những kỷ niệm và những dự định thì tôi bỗng đẩy cửa vào đem tới cho anh cái tin mừng mà anh không chờ đợi nữa. Anh đang bó tay bị cuộc phiêu lưu trước xâm chiếm nhưng không dám làm một việc gì hay thú thật sự bó tay của mình. Từ đó bắt đầu có những hối hận, luyến tiếc và nỗi đau đớn, lúc thì bị nén xuống, lúc lại trỗi lên, cho tới ngày đám cưới mà tiếng kêu của anh chàng bô-hê-miêng trong rừng thông đã long trọng nhắc anh lời thề đầu tiên thời tuổi trẻ.

Cũng trên cuốn tập «những bài làm hàng tháng,» anh còn ghi vội vài ba câu nữa, lúc buổi sáng, trước khi, dù được phép nhưng không hẹn ngày trở lại, anh từ biệt Yvonne de Galais, người vợ mới cưới ngày hôm trước:

«Tôi ra đi. Tôi cần phải tìm lại được hai người bô hê miêng bữa qua tới trong rừng thông và đã bỏ đi về hướng đông bằng xe đạp. Tôi sẽ chỉ quay về với Yvonne khi nào tôi đưa được về và đem tới ở tại «nhà của Frantz» hai người: Frantz và Valentine sau khi họ đã làm lễ cưới.

«Tập thủ bút này, tôi bắt đầu như một tập nhật ký riêng nay đã trở thành những lời thú tội của tôi, nếu tôi không trở về, tập thủ bút này sẽ thành vật sở hữu của anh bạn tôi tên François Seurel».

Chắc hẳn anh đã vội vàng giấu tập sách xuống dưới những sách vở khác khóa kỹ chiếc rương nhỏ thời học trò và biến mất.

Thời gian trôi qua. Tôi mất hết hi vọng chẳng bao giờ gặp lại anh bạn tôi. Những ngày buồn nản trôi qua trong căn trường sở nơi thôn quê. Những ngày buồn nản trôi qua trong căn nhà quạnh vắng. Frantz không tới hẹn như tôi đã định trước, và bà mợ Moinel của tôi cũng chẳng biết từ lâu nay Valentine ở đâu nữa.

Về sau nguồn vui độc nhất ở Les Sabonnières là cô gái nhỏ đã được cứu sống. Tới cuối tháng chín, con bé coi bộ mạnh khoẻ và sinh tươi hẳn lên. Cháu sắp đầy tuổi tôi. Vịn vào thành ghế cháu một mình đầy chiếc ghế chạy đi, hoặc tự mình tập đi không sợ ngã, cháu làm cho trong căn nhà bỏ hoang nổi lên những tiếng ầm ỹ vang động gợi lên rất lâu những dư âm. Mỗi khi tôi bồng cháu trên tay không bao giờ nó chịu cho

>

Nhà trang trí và đồ gỗ

BEAUBOIS

Sẵn lòng góp ý kiến về trưng bầy căn phòng quý bạn tới một đẹp mắt và một vừa ý lý tưởng

tôi hôn. Cháu có một lối vừa giữ tợn vừa dễ thương dẫy dụa đồng thời lấy bàn tay xoè ra đẩy mặt tôi ra và cười to tiếng. Nhờ sự vui vẻ và lối dữ tợn trẻ con của cháu, ta có thể nghĩ rằng nó sẽ xua đuổi được sự buồn rầu đè nặng lên cả nhà từ ngày nó ra đời. Thỉnh thoảng tôi tự nhủ : «Không chừng mặc dầu tính khó của nó, cháu có thể cũng như là con tôi. «Nhưng một lần nữa ông Trời đã định đoạt khác hẳn.

Một buổi sáng chủ nhật vào cuối tháng chín, tôi dậy rất sớm, dậy trước cả người đàn bà nông dân chuyên trông nom cháu. Tôi định đi ra sông Cher câu cá với hai người ở Saint Benoist và Jasmin Delouche. Thường thường như vậy, có người ở quanh vùng vẫn cùng tôi tổ chức những vụ săn bắn lén như vậy : đi bắt cả ban đêm, hay đi đơm cá, là những lối bị cấm chỉ.., Suốt mùa hè, gặp ngày nghỉ chúng tôi ra đi từ sáng tinh sương và mãi tới trưa mới về. Đó là nghề kiếm ăn của hầu hết những người đó. Về phần tôi, đó là món giải trí độc nhất-thứ phiêu lưu đặc biệt nó nhắc nhở những vụ đi chơi ngày xưa. Lâu dần tôi thấy thú những vụ ra đi như vậy, hàng giờ lẩu đi dọc theo bờ sông hay lội xuống đám lau sậy ở đầm.

Sáng hôm đó từ năm giờ ruỡi tôi đã ra trước cửa đứng dưới mái hiên nhỏ sát bức tường ngăn khu vườn kiểu Anh của ấp Les Sablonnières với khu vườn rau của nông trại. Tôi đang mải gỡ những tấm lưới thứ năm trước về tôi để đó một đống.

Lúc đó trời chưa sáng hẳn : đó là lúc rạng đông của một ngày tháng chín đẹp trời ; chỗ mái hiên tôi đang ngồi gỡ lưới chìm trong bóng tối.

Tôi đang lặng lẽ, mải miết, chợt nghe thấy tiếng cánh cổng sắt mở ra và tiếng bước chân lạo sạo trên sỏi. Tôi tự nhủ :

— Ô, mọi người tới sớm hơn mình tưởng. Thế mà mình vẫn chưa sửa soạn xong.

Nhưng người đi vào trong sân tôi không quen biết. Tôi cố nhận ra thì thấy đó là một anh chàng cao lớn có râu, ăn bận như một tay thợ săn. Đáng lẽ tới kiếm tôi ở chỗ mà những người kia đã biết là bao giờ tôi cũng đợi ở đó vào giờ hẹn, người đó lại đi thẳng tới chỗ cửa ra vào. Tôi nghĩ :

— Thôi được, chắc bận một người bạn nào mà họ mời nhưng không cho mình biết, người này được cử đi trước để dò đường.

Người đó nhẹ nhàng mở then cửa. Nhưng cửa tôi đã khóa sau khi ra. Người đó cũng mở cả cửa vào nhà bếp. Rồi, ngập ngừng một lát, người đó quay mặt lại phía tôi, khuôn mặt lo lắng lộ ra trong chỗ tranh tối tranh sáng. Lúc đó tôi mới nhận ra là anh Meaulnes.

Tôi đứng đó một lúc lâu, hoảng hốt, thất vọng, đột nhiên bị xâm chiếm bởi trọn vẹn nỗi đau khổ mà sự trở về của anh bỗng khơi dậy. Anh biến mất về phía sau nhà, đi một vòng, rồi quay lại rất do dự.

Lúc đó tôi tiến ra trước mặt anh, và chẳng nói chi hết, tôi vừa khóc vừa hôn anh. Lập tức anh hiểu. Anh nói cộc lốc :

— Cô ấy mất rồi, phải không ?

Và anh đứng sững tại đó, lặng lẽ, dữ tợn, không nghe gì nữa. Tôi nhẹ nhàng nắm tay anh, dìu anh vào trong nhà. Bây giờ trời đã sáng. Lập tức, để cho mối xúc động mạnh nhất bùng ra cho xong, tôi kéo anh lên thang đưa tới phòng người đã chết. Liền sau khi bước vào anh quỳ xuống bên giường và anh gục đầu trong hai cánh tay một lúc lâu.

Sau anh đứng lên, mắt ngơ ngác bước đi lảo đảo, chẳng còn biết anh đang ở đâu. Vẫn dắt tay anh, tôi mở cánh cửa thông sang phòng con bé cháu. Cháu tự mình đã thức dậy — trong khi đó chị vú còn ở nhà dưới — và nhanh nhẹn ngồi dậy ở trong nôi. Ta chỉ trông thấy có cái đầu ngơ ngác, quay về phía chúng tôi.

Tôi nói :

— Con gái của anh đó

Anh giựt mình, ngó tôi.

Rồi anh bế con bé trong tay. Anh không nhìn rõ mặt nó vì anh đang khóc. Rồi, để làm làm loãng bớt sự xúc cảm mạnh và những dòng nước mắt, vẫn ôm chặt con bé trong tay, để con bé ngồi trên cánh tay, anh quay cái đầu ủ rũ lại phía tôi và nói :

— Tôi đã đem hai người kia về .. Anh sẽ tới gặp ở ngay nhà của họ.

Thật vậy, sáng ra, khi tôi vừa gần như sung sướng vừa lo nghĩ lung, đi về phía nhà của Frantz mà Yvonne de Galais trước kia đã đưa tôi tới xem trong cảnh hoang vắng, từ xa tôi trông thấy có người ra vẻ một cô gái nội trợ, bận áo có cổ ngoài, đang quét trước thềm nhà, khiến cho mấy chú bé chăn bò ăn bận quần áo đẹp đi xem lễ lấy làm tò mò và hoan hỉ..

Trong khi đó con bé cháu bắt đầu thấy không thích bị ôm chặt như vậy, và khi Augustin quay sang bên để che giấu và ngăn những giọt lệ tuôn rơi cứ tiếp tục không ngó mặt nó, con bé lấy bàn tay xinh xinh đập mạnh một cái vào cái miệng râu xồm và ướt lệ.

Lần này người cha giơ cao đứa con lên, nhìn nó mà cười mếu máo. Thích thú, con bé vỗ tay...

Tôi lùi lại một chút để ngắm cho kỹ hai người Tuy thất vọng đôi chút nhưng rất lấy làm kỳ thú, tôi hiểu ra rằng con bé đã tìm được người bạn mà nó vẫn âm thầm mong đợi. Nỗi vui duy nhất mà anh Meaulnes còn lưu lại nơi tôi, tôi cảm thấy rõ rệt rằng nay anh đã trở về để lấy lại. Và tôi đã tưởng tượng thấy anh, đêm đêm, quấn con bé trong chiếc áo ngự hàn, cùng với nó ra đi tìm những cuộc phiêu lưu mới.

HẾT

Anh Văn dễ học

dễ nói lưu loát

Nhưng : kết quả sẽ không bao giờ đến khi :

— HỌC GẤP

— HỌC LẸ

— HỌC ĐỐT GIAI ĐOẠN

— HỌC CHO MAU hết sách vì : Đó chỉ là Danh Từ và những Danh Từ... Nhưng với thiện chí và kiên nhẫn học tuần tự từ lớp vỡ lòng (khóa 2 tháng).

Do giáo sư Hoàng-Xuân-Chung Tốt nghiệp văn bằng **E. E.** và **P. E. : The Regent London.**

Đích thân dẫn giảng : **39** đường **Yersin** Saigon.

Rồi đây bạn có thể VIẾT, ĐẶT CÂU đúng VĂN PHẠM

Đó là yếu tố tiên khởi dẫn bạn đến sự nói **đúng cách và chính xác.** Khi xuất ngoại, khi dự những kỳ thi vấn đáp cũng như tiếp xúc thường đàm. Có dạy cá nhân. Phiên dịch và những sách mới nhất hiện nay của Gilivray Wright (chỉ nhận 10 người). Nơi học lịch sự như ở Âu châu.

NGUYỄN TẤN VĂN
cho cuộc tình lỡ dở

Cho cuộc tình lỡ dở tôi một đóa hồng. Cho cuộc tình lỡ dở tôi một đóa lan. Những bông hồng chẳng hỏi vì sao. Và hương lan về đâu vô định.
Cái chết người thi sĩ
vu-vơ.

Một sớm mai anh trở dậy với ánh nắng ngái ngủ bờ tường. Người góa phụ già chưng những bông hồng mới cho một ngày. Gọi tên em, gọi tên đời sống, gọi địa đàng ước mơ.

Một sớm mai anh trở dậy, những giọt sương lóng lánh đôi mắt em, những bông lan hàm tiếu những bông lan nở đầy, cuộc đời nồng đượm như tên em, một giọng hát ấm một bài hát trầm. Lan.

Gọi tên em suốt những vì sao suốt những buổi sáng. Gọi tên em làm thế nào được, lỡ vì anh cô đơn dưới ánh trăng này, lỡ vì tâm hồn anh tan loãng lỡ vì tầm hồn anh điếng tê dưới những tầng mây mùa thu. Gọi tên em, gọi tên em không ngớt. Gọi tên em nhưng em chẳng trở về, em ở bên kia mùa thu ở bên kia mùa đông xa rất xa cõi chết.

Anh hú rền loài sói nhớ quê hương. Anh phải kêu lên suốt đời anh, anh sẽ kêu lên suốt những buổi đêm hồn ma vất vưởng. Gọi Em về gọi Em về giữa cõi trời xanh.

TRẦN UYÊN TỪ
dự định

■ *Bây giờ anh đang ngồi trong thành phố đêm đen*
mang thông hành của người vượt ngục
nên xin em đừng hỏi tại sao anh lại khóc
và tại sao anh ca hát một mình
trong khu vườn không có người canh giữ.

■ *ngày mai nếu có mặt trời*
anh sẽ đi về phía giòng sông
anh sẽ đi về phía núi rừng cao ngất
và chờ em ở đó
để nói rằng anh vẫn giữ thơm quê mẹ Việt Nam

■ *ngày mai nếu có chuyến xe bus chạy dọc theo quốc lộ số 1.*
rồi rẽ về những con đường tối đen
anh sẽ đi trên đó và nói bất cứ với ai
rằng ở đây ngày đêm có rất nhiều napal tàn phá
hãy bình yên không được cúi đầu đong tay,

■ *ngày mai nếu có những hầm hố cá nhân*
anh sẽ đứng ở nơi này
để nhìn khói lửa bốc cao ngùn ngụt
để nhìn những bằng hữu chết oan
rồi nằm im trên chiếc gối thật cứng
chiếc gối là cái radiô để đợi nghe tin giờ chót

■ *ngày mai nếu có một tờ nhật báo*
rất dầy đủ tin tức chiến sự
anh sẽ bỏ ăn ngồi đọc suốt ngày
và nếu có tin đã thật sự hòa bình
anh sẽ tìm đến em rồi mãi mãi sống chung.

■ *bây giờ anh đang ngồi trong thành phố đêm đen*
với dự định là như thế đó,
em ơi em. ■

khuôn mặt thơ thanh tâm tuyền

● tiếp theo trang 19

Giới độc giả cổ điển gồm 1 số người tiểu tư sản thị thành ham chuộng văn chương, và được nuôi dưỡng trong tinh thần triết học nhân bản cổ điển. Triết học này quan niệm con người không như một toàn thể, mà như một hợp thể ráp bằng một số phụ tùng gọi là lý trí, tình cảm, bản năng, trí thức... Đã bao nhiêu lần rồi, người ta thích nhắc đi nhắc lại câu.. «Trái tim có những lý lẽ mà lý trí không biết được» như một phương châm mầu nhiệm, nhằm xác nhận tính cách mà người ta cho là tất nhiên của sự đối nghịch giữa đời sống tình cảm và đời sống lý trí. Thành thử, thay vì đích thực là một liên hưởng phức tạp của những thói quen, kinh nghiệm, những dáng dấp, bộ điệu, hành động, con người lại bị mô tả như một giảm trừ giữa những yếu tố tâm lý cấu tạo ra nó. Xuất phát từ một quan niệm nhân bản đơn sơ như vậy, văn chương cổ điển (1) tất nhiên phải là một thứ văn chương đối nguyên. Nghĩa là, trong cố gắng đi khai thác một số định nghĩa về con người, do triết học đề ra, rồi ngăn nắp xếp loại như những văn kiện lập quy trong những hộc tủ, văn chương cổ điển tựu chung chỉ là thứ xảo thuật đối chiếu những ý tình tiền chế, giữa thiện và ác, lý và tình, yêu và ghét, mê và tỉnh v. v... Được dung dưỡng, trả tiền thù lao, ban chức tước bởi những chế độ chuyên chế nắm chắc trong tay thần quyền, vương quyền, hay sĩ quyền, nghĩa là những thống trị quyền, văn chương cổ điển không thể không thỏa hiệp ít nhiều với những chế độ đo. Nếu đối kháng thì là thứ đối kháng dưới hình thức những luận điệu ám chỉ thích thú hay những tai tiếng bêu riếu, rút cục cũng chỉ để làm phong phú thêm những đòi hỏi tinh thần của chính giới trả tiền. Văn chương cổ điển đặt vấn đề nhưng đã tìm sẵn giải đáp cho độc giả. Vì vậy, nó là một phủ nhận tự do của kẻ khác. Kỹ thuật tinh xảo của nó là dẫn dắt những nhân vật ra vào, đụng chạm nhau trong những liên hệ nhất định, đã từng xảy ra ngoài xã hội, giữa ông vua và viên cận thần, chàng hoàng tử và cô công chúa, bà dì ghẻ và đứa con chồng, người cha khả kính và thằng con phóng đãng ..v..,v.. Mỗi một nhân vật phải là một con người điển hình, nghĩa là tiêu biểu cho một hay nhiều tính tình đã được định nghĩa ở ngoài văn chương Thành thử, độc giả chỉ được gặp ở văn chương cổ điển những nhân vật na ná giống nhau, chạy vòng quanh như những hình thù trên một chiếc đèn kéo quân. Thêm vào đó, cuộc đối chiếu những ý tình tiền chế nói trên còn được khéo léo hướng dẫn xuyên qua một bầu không khí đầy những tâm trạng tranh chấp, giằng xé, xung khắc, bất ổn, để đi đến một kết thúc khuôn mẫu Kết thúc này có thể là một khẳng định như thiện thắng ác, lý thua tình, hay ngược lại (trường hợp này hiếm xảy ra lắm), hoặc một thỏa hiệp như không yêu không ghét, nửa mê nửa tỉnh. Dù lựa chọn giải đáp nào đi nữa, và dù đã được tác giả bầy đặt thêm những biến cố, tô vẽ thêm những khung cảnh, văn chương cổ điển vì xuất phát từ một triết học đặt nặng phần tâm lý của con người, nên không thể khác gì hơn một thứ văn chương tâm lý Nhưng đây là loại tâm lý học chỉ biết đến một mẫu số chung gọi là bản chất con người, và tin tưởng ở giá trị muôn nơi, muôn thuở của bản chất ấy, thành ra văn chương cổ điển còn là một ước vọng thiết lập sự thuần nhất tư tưởng và một trật tự xử thế. Nghĩa là nó còn là một thứ văn chương luân lý hay đượm ít nhiều mầu sắc tín ngưỡng. Sau này, bản chất con người muôn nơi, muôn thuở không được triết học cận đại công nhận là yếu tố quyết định trong cố gắng tìm hiểu nhân bản. Ngược lại, bản chất ấy thực ra chỉ là một trừu tượng, một cái bóng phát sinh ra những ảo ảnh, những ngộ nhận về con người. Thêm vào sự kiện này, lịch sử văn minh còn cho biết không sao thiết lập được sự thuần nhất tư tưởng và trật tự xử thế nói trên Thành thử, văn chương cổ điển rút cục lại là một thứ văn chương trừu tượng và ảo tưởng.

Là khách hàng trung thành của thứ văn chương vừa mới được định nghĩa xong, thứ văn chương ngoảnh mặt làm lơ trước sự hiện diện xừng xững của con người cụ thể, nhầy nhụa sử tính, và bị giàng buộc bởi hoàn cảnh, giới độc giả cổ điển tất nhiên phải có một thái độ thường ngoạn chống cách mạng, lười biếng, e ngại lựa chọn, khiếp sợ tự do. Ở Việt Nam, họ là những đầu óc keo đặc trưởng giả, mà một trong những mục đích chính sống ở đời là hưởng thụ trong khuôn khổ những giá trị đã được ổn định trước và ngoài họ. Nên họ có quan niệm duy ích là khi đã bỏ tiền ra mua một tác phẩm văn chương hay nghệ thuật thì phải có quyền đặt điều kiện với tác giả, đòi hỏi tác phẩm phải cung cấp cho họ những nhu cầu tinh thần thích ứng. Những nhu cầu này có thể là hoặc những xáo trộn tình cảm thích thú, vô hại, nặng phần giải trí, hoặc những yêu sách tâm lý rạy rứt, thử đối kháng trừu tượng, sợ rứt khoát với những liên lụy cũ, nếu có dẫn đến thoát ly thì cũng chỉ là thứ thoát ly đầy nhớ tiếc của một thanh niên bỏ làng, bỏ nước ra đi, không ngớt nhìn về hình bóng thướt tha của người yêu lãng mạn, và về một nếp sống nho nhã; thành quả của một nghệ thuật pha trộn bốn ngàn năm văn hiến dân tộc với gần một trăm năm duy lý tây phương.

Với thói quen thường ngoạn duy ích, giới độc giả cổ điển thích vì một tác phẩm văn chương hay nghệ thuật như một «món ăn tinh thần» Họ tìm cách tiến đến đánh ngã cái thế đứng khách thể của nó để quơ nó về làm một đồ vật sở hữu. Thoạt đầu, có thể vì thiên ý hay hiếu kỳ. họ đã cố gắng tìm đến thơ Thanh Tâm Tuyền hy vọng nghe lại được ở đó một ít vang vọng nào của thi ca tiền chiến. thứ thi ca với một lề lối cảm nghĩ và một kỹ thuật tinh xảo đã tạo được cho họ những thói quen thưởng ngoạn cố định. Nhưng ngược lại hy vọng đó, thơ Thanh Tâm Tuyền hiện ra ngỗ ngược, xù xì, kín đặc, không một kẽ hở để họ có thể lách vào lượm lặt một vài hình ảnh đã từng thấy, ghi nhận một vài âm điệu đã từng nghe. Thơ Thanh Tâm Tuyền đã đập vào trán họ như một cánh rừng U Minh, một chiến khu Bời Lời, nghĩa là một tụ tập xin xít, đặc xẫm, hoang vu, một giang sơn chắn ngang xừng xững, hiểm trở, đe dọa, trong đó những từ ngữ, những hình ảnh, những nhịp điệu, những cảm xúc, những tư tưởng chen nhau thành một rì rào thù nghịch triền miên. Đối với họ, thơ Thanh Tâm Tuyền không hề là cái mà chính tác giả đã tự định nghĩa diêm dúa như một «tinh cầu biệt lập xa vời» hoặc đẹp quái đản như hình thù một «thiên tài không tinh yêu giống như con lợn lòi» (Beethoven ?). Đối với họ, thơ Thanh Tâm Tuyền cũng không phải là một nỗi loạn điên rồ, bởi những phản ứng câu nệ mất thăng bằng của họ mặc nhiên chứng tỏ thơ anh, trước mắt họ, chính là một thái độ khiêu khích tỉnh táo, có ý thức. Và nó cũng không đơn thuần là một nỗi cô đơn như chính tác giả đã tự gọi là những «Chuyến xe vẫn chỉ thuộc một mình hay «Như kẻ say rót rượu lấy mà uống».

Không, đối với họ, thơ Thanh Tâm Tuyền tác động như một hòn quặng đầy sức kháng với giọng điệu cổ điển Một nội tâm «hũ nút», và cũng đồng thời là một thái độ hỗn xược, xấu tính bêu riếu, một lừa bịp bằng ngôn ngữ.

bài của

cung trầm tưởng

Một khúc xương nằm ngang cổ họng, gây cảm giác bực bội, khó ở, xô đẩy lý trí vào một trạng thái bất lực thường xuyên. Theo tôi, có lẽ vì những lý do nêu trên nhà họ, giới độc giả cổ điển, đã thù ghét thơ Thanh tâm Tuyền cùng những hình thức tự do khác của văn học nghệ thuật. Thứ thù ghét quyết liệt của một kẻ thấy luân lý mình đang thờ bị xúc phạm. Thứ thù ghét thể hiện ra thể xác, dưới hình thức những cảm giác ghê tởm, như của một văn sĩ bảo thủ Pháp đã không ngần ngại so sánh văn chương hiện sinh với một thức ăn làm ông « buồn nôn ». Thứ thù ghét thúc đẩy đến những hành động khả ố, nhằm duy trì, củng cố những giá trị văn chương nghệ thuật lỗi thời, mang cái tên kỳ quặc là những giá trị « dân tộc tính » « vượt không, thời gian ».

Bị lú lấp bởi tự ái, lớn tuổi mà vẫn tị hiềm, không trưởng thành, giới độc giả và tác giả cổ điển họp nhau lập hội, ban giải thưởng cho một kiểu cách thi ca hoàn toàn vụ hình thức, thật ra chỉ là thứ thi ca tiền chiến bị vắt hết sữa. Một thứ thi ca thuốc phiện, sáng tác bởi một số người hút và không hút thuốc phiện, tránh xa những khát vọng thời đại, sợ thay đổi như sợ nước lạnh, gầy còm, xanh xao, ốm yếu, ưa phiêu du trên những khoảng biếc không tưởng, những không gian đầy khói mộng và những hình thù dị điệu.

•

Tôi đã đề cập đến thơ Thanh Tâm Tuyền như một biến cố văn học quan trọng, một giá trị ngoại tại, tìm thấy ở những phản ứng của độc giả, nhất là độc giả cổ điển. Thơ ấy còn giá trị ở chỗ nó cũng là một hiện tượng ngôn ngữ. Nghĩa là một sự xuất hiện cụ thể, kín đặc, lãnh hội được bằng cảm giác và trực tính. Đọc thơ Thanh Tâm Tuyền, đối với tôi, là mó vào ngôn ngữ, như mó vào một hòn đá quặng gồ ghề, ram ráp, cồm cộm sức kháng. Tập «Liên-Đêm — Mặt trời tìm thấy » có những đoản khúc mà mật độ từ ngữ và hình ảnh làm tôi cảm giác như đứng trước một thể đặc đẹp nguyên sơ :

Hồn thảo mộc giấc ngủ
Nằm mơ những ngôi sao mặt trăng
Lá dan mắt ngỗ
Hôn vào môi vào má vào răng
Những lời thơ rất cũ
Gõ cửa trái tim nàng »

(Tập Liên-Đêm-Mặt trời tìm thấy —Mai)

hay

Cả thiên nhiên thỏ lên man mọi
Với hết tự do còn ở ngón tay ngón chân tóc
Với hết hồn thơ nghiến chặt giữa răng giữa xương tủy
Như loài rễ cây độc
Anh chọn tình yêu không
Điên như đá »

(Tập Liên-Đêm—Mặt trời tìm thấy — Bài hát buồn)

Hiện tượng không chỉ đơn thuần là một biểu lộ, mà còn chính là lúc nào, chỗ nào của bản thể sự vật, nghĩa là chính bản thể sự vật ở một hoàn cảnh không, thời gian nhất định Khi cơn gió thu, một sự vật vô hình, thổi rung chiếc lá vàng, chiếc lá vàng rung ấy chính là cơn gió thu ở lúc đó, chỗ đó. Một phút sau, cơn gió thu hết là chiếc lá vang rung để hiện thành bông cúc đang run rẩy ngoài kia. Vì thế, bản thể sự vật (kể cả con người) biến đổi không ngừng, và quan niệm sáng tác hay thưởng ngoạn chỉ hiểu nổi con người muôn nơi muôn thuở là 1 quan niệm chết cứng, biến nghệ thuật thanh phủ nhận thế giới sự vật, thay vì thành một siêu hoa thế giới sự vật.

Khi đọc thấy thơ Thanh Tâm Tuyền như một hiện tượng ngôn ngữ, tôi đương nhiên cảm giác được thực chất của nó. Nếu đến với nó bằng một tâm hồn cởi mở, hồn nhiên, không công thức, một tâm hồn thanh thật say sưa tự do, độc giả sẽ không thể không yêu nó, yêu ngôn ngữ thuần túy của thơ, thứ ngôn ngữ mầu sắc, thứ ngôn ngữ nốt nhạc, một siêu ngôn ngữ. Một nhà phê bình mới đây đã sai lầm khi gọi thơ tự do Việt Nam, mà Thanh Tâm Tuyền là một trong vài bộ mặt tiêu biểu nhất, là đứa con đẻ của lý trí. Theo tôi, nếu quả vậy thì làm sao thơ ấy có thể toát ra những hơi thở hoặc rào rạt như :

«Người ta muốn thay đổi. Từ một giọt đất nồng lên nhựa cây lên mặt hoa... Cuộc đời là một đứa trẻ con bị hất hủi sẽ lớn lên và người ta cần thay đổi»

(Tập Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy — Từ chối) hoặc đằm thắm như :

«Sẽ chết như sao rơi vào bất tận
Sẽ yêu như giọt nước hân hoan»

(Tập Liên — Đêm — Mặt trời tìm thấy — Mặt trời tìm thấy)

Tôi nghĩ có lẽ nhà phê bình nói trên đã lầm lẫn danh từ « lý trí » với danh từ « thông minh ». Thật ra, thơ Thanh tâm Tuyền đã tỏ ra thông minh quá độ, thứ thông minh ghê gớm nhưng vẫn rất thơ, như ở đoạn khúc 5 bài « Sầu Khúc », hay ở những ghi nhận rải rác sau :

« Hãy quên hết trí nhớ. Em sẽ gặp lại thời ấu thơ hay vĩnh viễn hay hãi hùng ».

(Tập Liên-Đêm—Mặt trời tìm thấy—Nguyên)

hay

« *Nhiệt tình đóng băng không sợ hãi mùa xuân* »

(Nguyên)

hay

Như loài rễ cây độc
Anh chọn tình yêu không
Điên như đá »

(Tập Liên-Đêm—Mặt trời tìm thấy—Bài hát buồn)

Tóm lại, thơ Thanh Tâm Tuyền vừa là một thái độ, một biến cố văn học, vừa là một hiện tượng ngôn ngữ. Đối với tôi, nó là một trong những thành công đặc sắc nhất của văn học sử Việt Nam. Tuy nhiên, giới độc giả yêu mến nó vẫn còn hạn chế vào một thiểu số tiền phong, có ý thức tự do sắc bén. Sự vắng mặt của quảng đại quần chúng, thế giới độc giả nông dân, lao động trùng trùng, điệp điệp, chứng tỏ sự bất lực của nó. Mà cũng là sự bất lực tiên thiên của chữ nghĩa trước những đòi hỏi thúc bách của con người và lịch sử, khiến một số nhà văn Pháp trước đây đã phải chấp nhận rằng, trước tình cảnh một đứa trẻ đang chết đói, văn chương chẳng thể làm được gì hết.

Trước những bất công, áp bức con người hôm nay đang gánh chịu, phải chăng hành động nhân bản giải thoát nhất chỉ còn là mở bao rút súng ra nạp đạn, dơ lên, dán hình chữ thập của máy ngắm vào trán kẻ thù, và lẫy cò.

KỲ SAU : *Vũ Hoàng Chương, tiếng thở dài của Đông Phương Trầm Mặc. Bài Tạ Tỵ.*

---

(1) Phải nên coi loại văn chương canh tân, cải cách, tự lực của Việt Nam trong giai đoạn 1930-1945 như là đứa con lai ngoại tình thiếu máu cuối cùng của văn chương cổ điển Tây Phương.

cuộc đời á nam...

■ tiếp theo trang 10

tự kinh chú giải. Năm 1924, quyển *Bút quan hoài* thứ nhất (quyển này được tái bản nhiều lần, lần cuối vào năm 1957) và *Hồn tự lập*, thứ nhất. Hai quyển này có một số phận không may. Số là cụ Phan-Sào-Nam bị bắt ở Trung Hoa và bị đem về giam ở Hỏa lò Hà nội, toàn quốc đều sôi nổi, dân khí bừng cao, các thi văn ái quốc càng được thưởng thức, truyền tụng ; *Bút quan hoài* và *Hồn tự lập* đã góp phần trong việc gây ảnh hưởng sâu rộng trong các tầng lớp đồng bào, nên bị thực dân cấm tàng trữ và lưu hành trong nước.

Một điều đáng nghi là *Hồn tự lập* bị cấm sau khi phát hành được sáu ngày, thế mà ba ngàn quyển đã bán hết trong khoảng thời gian ấy.

Lúc bấy giờ hai ông Phạm Quỳnh và Nguyễn Bá Trác có đến rủ cụ vào quan trường với các ông để «giúp nước giúp dân», nhưng cụ từ chối, lấy cớ là con người cụ không hợp với nghề làm quan, và cụ đã có cách giúp dân giúp nước bằng ngòi bút.

Cũng năm 1924, cho in bản dịch bộ *Thủy hử diễn nghĩa* có phần phê bình (bộ này được tái bản ba lần)

Năm 1927, *Bút quan hoài*, thứ hai và *Hồn tự lập*, thứ hai. Trong quyển sau này, cụ có bài đề, hơn bốn mươi năm qua, cụ nay vẫn còn thích :

Lò vũ trụ đêm mù hiu hắt,
Cảnh muôn loài say giấc ngon ngang ;
Tiếng đâu kêu nó kinh hoàng,
Nghe ra hùng tráng bi thương đến điều.
Mặt biển nọ gươm reo chính khí,
Đỉnh non kia mây hé tự do,
Ngọn đèn nhân loại khêu to,
Hỏi ai soi rạng cơ đồ bấy nay ?
Mở lịch sử Đông Tây coi thử,
Kìa anh hùng hiệp nữ là ai ?
Mấy phen động đất kinh trời,
Máu hồng lai láng muôn đời còn in.
Lầu cố quốc khêu đèn tự lập
Chén hồ quần mong nhấp cùng ai,
Phấn son ai cũng kiếp người,
Tình non nước, nghĩa giống nòi, tao đây ?

Sau đó, là các quyển *Ngụ ngôn tập đọc*, *Việt sử tứ trụ*, và nhiều truyện dịch *Hồn hoa* (dịch của Từ Trầm Á) *Mạnh Tử chú giải*, *Đông Chu liệt quốc*, *Hồng tú Toàn*, *Hồng lâu mộng*.

«Trong đời văn của tôi, cụ nói, tôi nhớ nhất là năm 1932, vì năm ấy quyển *Sách chơi Xuân năm nhâm thân* chào đời, có nhiều bài bị nhà cầm quyền cho là có ý muốn «phá rối cuộc trị an», soạn giả bị tống giam vào Hỏa lò Hà nội mất mấy tháng, mà nhà xuất bản cũng cùng chung số phận.

«Từ đó, tôi như bị trù. Bài đăng ở báo nào, hễ thấy ký tên tôi, là bị làm khó dễ, bị kiểm duyệt gắt gao, các nhà xuất bản vì thế mà ngại ngùng in tác phẩm của tôi. Hồi này tôi cũng có dịch một số khá nhiều về Đường thi và Cổ văn, định cho xuất bản, nhưng rốt cục, không in ra được

«Khoảng năm 1934, 1935, lợi dụng phong trào kiếm hiệp lúc ấy, tôi có viết bộ *Thiên thai lão hiệp*, đưa ra những nhân vật dị kỳ, cổ quái để hấp dẫn độc giả, nhưng cốt ý là để cổ xúy cánh mạng»

Năm 1936, in *Với sơn hà*, tập I. Cụ sống ở Hà nội, tản cư cuối năm 1946.

Lúc tản cư ở làng Sơn lộ, phủ Quốc oai, tỉnh Sơn tây được năm sáu tháng, thì quân Pháp kéo tới, vì chiến lược, đốt cả một xóm ngay cạnh làng đó, mà chính nơi tôi ở cũng lẫn vào trong. Thế là sách vở văn chương góp mấy mươi năm tâm huyết, cũng theo mấy bị quần áo tản cư, tiêu dao bốc theo xích đế. Nghĩ ra thật đáng thương tâm !

«Than ôi ! Văn chương nếu phải loài linh động,
«Thì đã xa bay lánh lửa Tần.

Hồi cư về Hànội năm 1948. Năm sau, cho xuất bản *Với sơn hà*, tập II.

Di cư vào Nam năm 1955.

Chủ trương *Văn học tạp chí*, năm 1959. In được hai số thì phải cho báo chết, vì lỗ nặng, đến giờ, cụ còn nợ nhà in.

● *xem tiếp trang 34*

ba truyện...

■ tiếp theo trang 7

thì chàng nghệ sĩ lấy chân đạp giận dữ lên nấm mồ đến nỗi sợ cát chung quanh bay tung lên trời. Cuối cùng K. bỗng chợt hiểu hắn; nhưng xin tạ lỗi bây giờ thì đã quá muộn ; chàng bèn giơ cả mười đầu ngón tay cắm sâu xuống đất, và thấy rất dễ dàng ; tất cả đều như có vẻ đã được sửa soạn từ trước ; một lượt đất mỏng trên mồ có vẻ như cốt để tạo một ảo tưởng là nấm mồ dầy đặc ; bởi ngay phía dưới lượt đất ấy có một hố lớn mở rộng ra. Hai bên sườn hố rất giốc, và K. lao mình tuột xuống, sau lưng chàng như có một cơn gió mạnh xô thốc chàng tới. Và ngay trong lúc chàng đang được nhận vào lòng đất sâu hun hút, và cổ chàng vẫn cố ngoái lên, thì tên chàng chạy vụt nhanh qua tấm bia phía trên những nét chữ viết rất thảo.

Mê sướng vì cảnh ấy, chàng tỉnh dậy.

(Thạch Chương dịch)

V – 1959

MAI THẢO

RUYỆN DÀI

28

viên đạn đồng chữ nổi

CĂN buồng chót tối om. Cẩn thận Niệm đã tắt đèn, đề phòng một cặp mắt bên ngoài có thể nhìn vào qua khe cửa, thấy y thì thầm nhỏ to với Nữ. Niệm cúi sát, y gần như nói vào mái tóc Nữ, hơi thở của y phả vào vành tai Nữ nhột nhạt. Nữ không giám đẩy Niệm ra xa hơn. Nàng cần nghe rõ, từng chi tiết, từng lời nói thì thầm, không thể cho phép một nhầm lẫn nào, một bỏ sót nào. Đây là một vấn đề sinh tử. Nàng đã cắn răng nhượng bộ Niệm đủ điều, chịu đựng cả cái hôn của y mà nàng ghê tởm muốn lộn mửa, chỉ để, bằng y, hiểu được những gì bọn Niệm đang âm mưu thực hiện ngày mai, ở đây, trong xóm Hạ tiêu điều hoang phế này. Ngày mai xóm Hạ sẽ là một sân khấu trên đó diễn ra những chuyện rùng rợn và ghê gớm. Ngày mai xóm Hạ này sẽ là nơi một còn một mất, một sống một thác, một may một rủi, cho tất cả không riêng một kẻ nào, không trừ một ai, cho nàng, Niệm, chúng nó. Như cho chàng. Nữ chưa nghe hết câu chuyện, nàng đã linh cảm thấy điều đó, là âm mưu trước sau vẫn là một một cái bẫy lớn đưa chàng vào tròng, dành cho chàng một số phận khốc liệt.

Vận dụng tận cùng mọi sáng suốt và bình tĩnh còn lại trong thân thể mệt mỏi rã rời, Nữ nhíu mắt, dương căng vành tai, theo dõi Niệm từng câu, câu nào nàng nghe rồi cũng chôn chặt nó vào trí nhớ. Nghe hết một phần đầu câu chuyện về một âm mưu đang được tên quá khích si tình tiết lộ, Nữ đã hiểu được thế nào là vai trò của nàng trong tấn kịch đang được dàn cảnh, trong cái bẫy hiểm độc đang được dang ra.

Đó là vai trò một con mồi. Chúng định dùng Nữ như một con mồi đưa Vinh vào tròng. Vinh không dại dột gì mà một thân một mình đến xóm Hạ này, chiều mai, khi bóng tối đã bắt đầu phủ xuống vùng cỏ cây đất cát hoang vu khuất lánh của xóm Hạ, để rơi vào ổ phục kích, nhận lấy phát đạn thanh toán tàn nhẫn. Không, Vinh khôn ngoan, chàng không phải là một kẻ dại khờ dễ dàng để cho đối phương đánh lừa. Nhưng là ở trong trường hợp Vinh không biết Nữ bị chúng giam cầm ở đây kia. Chàng biết, biết nàng bị giam cầm và có thể bị hạ sát ở đây, thế nào chàng cũng đến. chàng biết đến là muôn vạn hiểm nguy chờ đợi, chàng cũng vẫn đến, vẫn đến như thường. Nữ sống một tâm trạng thật mâu thuẫn và cũng thật khó hiểu. Nàng vừa mừng đó không phải là sự thực, không, chàng không thèm để để ý đến sự sống cái chết của nàng đâu, lại vừa mong, thiết tha và hồi hộp mong đó là sự thật, chàng hằng đêm ngày quan tâm, lo lắng, tưởng nhớ đến nàng, chàng biết nàng lâm nguy, chàng sẽ đến, không dằn đo suy nghĩ.

Từ sự mâu thuẫn đó, Nữ vừa lo lắng bàng hoàng, vừa cảm động sung sướng. Nàng thấy cần phải hỏi Niệm để làm sáng tỏ một vài điểm nàng nghi ngờ. Giật giật cánh tay Niệm, Nữ hỏi:

— Này, anh.

— Sao ?

— Anh nói sáng mai sẽ có một lá thư gởi cho quận trưởng

— Đúng. Một lá thư cho quận trưởng. Tất cả bắt đầu bằng một lá thư cho quận trưởng.

— Một lá thư chữ viết như chữ đàn bà ?

— Và là thư của Nữ. Dưới lá thư tên ký là tên Nữ.

Nữ nghĩ nàng sắp phải dùng chữ «nó» để gọi Vinh là điều nàng không muốn, cả lúc này chàng vắng mặt. Nhưng trường hợp bắt buộc không thể làm khác, xin chàng tha thứ. Nữ nghĩ vậy, và nàng nói :

— Nó không tin đâu.

Niệm cười khẩy ; tiếng cười khẩn học và cay đắng :

— Thư của Nữ viết mà, âu yếm lắm mà, sao nó lại không tin.

— Viết hồi nào. Giả mạo đấy chứ.

— Đành rằng giả mạo, giả mạo từ chữ ký giả mạo đi. Nhưng một chi tiết trong thư, chi tiết bí mật riêng tây nhất là một chi tiết có thực, không giả mạo.

Nữ sững sờ :

— Chi tiết nào ?

Niệm nghiến răng, hậm hực, Nữ có cảm tưởng như cặp mắt y toé lửa trong bóng tối.

— Chi tiết về tâm ân ái. Trong thư, đêm ân ái chấm dứt lúc nào, y đưa cô đến hàng rào giờ phút nào, sẽ được kể lại. Bằng chi tiết ấy, nó sẽ tin là thư của cô viết, do chính tay cô viết, hiểu chưa. Nó sẽ nghĩ là chỉ riêng mình nó và cô biết chuyện ấy, không một kẻ thứ ba nào biết được, và nó sẽ không có lý do nghi ngờ lá thư là giả mạo

Niệm bật lên tiếng cười đắc chí :

— Và nó sẽ sa bẫy. Nó sẽ bỏ thây nơi xóm Hạ này

Y thở dài như than thở buồn rầu chung cho chàng quận trưởng trẻ tuổi và luôn thể cho cả mình :

— Chết vì đàn bà, tất cả chết hết vì đàn bà. Những thằng đàn ông tưởng là mình ghê gớm khủng khiếp nhất cũng chết hết vì đàn bà

— Anh cứ nói thế. Không ai chết vì đàn bà.

— Bằng chứng là có một thằng đàn ông sắp chết ở đây, ở xóm Hạ này, vì Nữ.

Lời nói cay đắng và ngớ ngẩn của Niệm thiến Nữ không đừng được bật cười lên thành kiếng. Niệm hiểu lầm ý nghĩa tiếng cười ấy. Y hậm hực :

trần viễn phương
TRỞ VỀ

TÔI mặc vội quần áo, xuống giường đi ra ngoài. Thụy tắt đèn ngủ tiếp. Giờ giới nghiêm đang đi chầm chậm, một giọng hát buồn trên hành lang của lầu trên vang xuống. Tôi nghe ngột ngạt. Còn một đêm chót với Sàigòn, ngày mai tao về Hương Cảng, mầy đã đến đó bao giờ chưa ? Thằng lính Mỹ bỏi thằng bạn nó — có lẽ lính Đại Hàn — bằng tiếng Nhật. Bạn nọ trả lời — Mầy đi Hương cảng làm gì, hồi còn bé tao có theo cha tao sang Hương cảng một lần. Đi nghỉ mát, chính phủ tao đài thọ tốn phí mà. Anh lính Đại Hàn không trả lời. Hắn rít một hơi thuốc dài, mầy đi, tao cũng sắp về nước, tao chiến đấu ở đây lâu rồi, sắp mãn hạn. Hai thằng lính ngoại quốc khoát tay nhau cười vang vang cả phố. Tụi nó say rượu đi nghiêng ngả dưới đường. Làn gió nhẹ thổi mát, từ thuở mới bỏ đời, vào lính. Tôi sống bằng những cô đơn, nhức nhối với những đêm xa nhà. Tôi yêu, và cố nuôi tâm trạng đó trong tôi. Xung quanh tôi chẳng còn chi nữa, những thằng bạn sống, chết, Hiền, Nuôi, Ngộ, Bảo. Chúng đã ngã gục cho Tự Do. Bỗng nhiên tôi nhớ thằng Hiền, lần cuối gặp tôi ở Pleiku trong chuyến dừng quân hai đứa ngồi tâm sự, nước mắt chảy bao giờ chẳng hay. Hắn nói với tôi : chúng mình sanh lầm thế kỷ. Tôi không đáp lại vì không đồng ý với nó. Nhưng tại sao tôi quặn lên cả ruột gan khi nghĩ đến hắn...

Tôi chôn mười ngày phép của tôi ở cái khách sạn nhỏ bé nầy với một đứa con gái Chẳng thiết gì đến gia đình nữa, đã gần một năm rưỡi không về nhà, tôi chỉ biết tin tức về gia đình một cách lờ mờ qua những lá thư cuối tháng. Không phải tôi từ bỏ, tôi tha thiết lắm. Nhưng mỗi lần về nhà tôi mất dần những ý nghĩ đó, nhìn cuộc sống của gia đình, tôi chán nản. Ý nghĩ đó xui tôi hăng say hơn với công việc hằng ngày bên đồng đội Quả lựu đạn của địch phóng tới bên cạnh tôi chưa kịp nổ, tôi nhặt nhanh và ném trả lại hướng địch, một vài tên VC tung người lên. Những ngày phép ở đây là phần thưởng của hành động đó.

Tôi về đến Sàigòn, một vài vụ xuống đường, tuyệt thực xảy ra, chán ngán. Tôi ầu mong các bạn tôi không biết gì về chuyện nầy hay ít ra chúng tôi phải giả câm giả điếc. Chỉ có một biện pháp : kiếm một đứa con gái để quên tất cả. Tôi tìm đến Thụy trong một ngõ hẹp ở Trương minh Giảng. Hắn bằng lòng ở với tôi về ban đêm. Một ngày với Thụy, rồi hai ngày, tôi vẫn thèm những rạo rực trong những phút giây bị địch vây hãm, thèm những tiếng chim rừng nghe về sáng. Dư âm của đoàn người xuống đường vang vang.

Đồng hồ phòng bên cạnh kêu ba tiếng. Tôi trở vào phòng tìm một vài áo quần bẩn cho vào xách tay. Thụy thức dậy. Anh làm gì thế. Về đơn vị. Sao không ở lại thêm, anh bảo còn 5 ngày nữa mà. Không, tôi trễ phép quá rồi. Bây giờ anh đi à. Ừ. Tôi ném cho Thụy mấy tờ giấy trăm trên nệm như thường lệ. Xuống lầu trả tiền phòng tôi đi bộ đến bến xe về Vĩnh Long. Ngày mai tao về Hương cảng... Mầy đi tao cũng về nước... Tôi còn nhớ rõ lời hai thằng lính Đồng-Minh dưới lầu. Tôi quyết định trở về chiến trường, giã từ Sàigòn như thằng lính Mỹ đi nghỉ mát, như người lính Đại Hàn hồi hương.

CON đường buổi tối thật đen, gió từ triền núi trút xuống, nhẹ, thoảng mùi lá chè, thứ hương vị trở thành quen thuộc, như buổi sáng ngắm đoàn phu, xe trống, rẽ sâu vào lưng đồi, và buổi tối phu về, ngụy trang bằng những xe chè xanh. Như cơn nhớ vô cớ khoắng trong tách cà phê đựng đầy những khuôn mặt ở xa, những buổi chiều ở Huế mưa nắng bất thường, những cơn bom trút xuống Nam Hòa, A Lưới, đoàn biểu tình qua Trường Tiền cùng rừng biểu ngữ. Đời sống Huế đầy ẩn ức, mặc cảm, thành phố công chức, câm nín như một nghĩa địa. Những vụ ngoại tình trong đền đài, những phút yêu đương quá quắt che đậy trong những lăng tẩm rải rác xung quanh. Người ta im lặng, bài xích nhau bằng những cái nguýt, đo lường cặn kẽ trong mọi công việc, suy tính khúc chiết trong tình yêu. Tất cả mọc nên một đời sống nội tâm, hoang tàn, rêu phong, hầu như dính chặt với những di tích cổ kính của thành phố. Vài cổng thành sụp đổ vẫn giữ nguyên, hồ sen vòng quanh thành, sau lưng phố xá vẫn là n cầu tiêu cho xóm dân lao động cất chòi, nối dài như một đoàn tầu hỏa trong một dải đất bề ngang năm sáu thước, từ mấy mươi năm vẫn đen đục. Muốn đi tìm một người trong bờ hồ, chỉ có cách như hành khách đi từ toa nọ sang toa kia, chui qua bếp núc, hàng hiên trên một chiều dài ba cây số. Đời sống đó em đòi chác được gì đòi hỏi được gì, cùng những cơn buồn lên xóa kín mất, buổi sáng chăm nom

những người viết mới

nguyễn thụy trầm kha

NHỮNG NGÀY XA HUẾ

mái tóc thề đen như khăn giòng tu, khổ hạnh trong vuông rào ngập sâu vùng ngoại ô thành phố.

Những buổi chiều đi bỏ thư, qua cầu, giữa những đàn sẻ trắng cúi đầu. Anh không biết gì hơn về con gái Huế, suốt 12 năm ở đó, ngoài những công viên lạnh tanh ven sông, cát bỏng những trưa hè, trơ trẽn, mỗi ngày một trụi cỏ, những cặp tình nhân miễn cưỡng ái ân mỗi buổi tối cùng với sự phá phách trẻ con của những đám thanh niên thèm khát tình yêu. Anh bỏ đi, cũng thản nhiên, với 1 tình yêu chưa thành hình, buổi chiều tạm biệt, em chỉ chiếc nhẫn trên ngón tay, bằng chứng lòng chung thủy. Tại sao không thể nói, những giận hờn, em ôm kín, thâm trầm. Anh đi mang theo hình ảnh đôi môi cong và giọng hát thật buồn buổi tối tiễn đưa chút hạnh phúc cuối cùng vừa tắt ngấm như que diêm, anh đốt lên để thấy tình yêu mình loãng tan, vỡ vụn.

Đà lạt đây, Huệ ơi, con đường Đào duy Từ tuột dốc xuống chợ. Ban đêm, những trận đánh lộn đủ cả gậy gộc, dao mác, ồn ào ở ngã tư, bóng người thấp thoáng quay tít như chong chóng.

Đêm nào đêm nấy, xem không biết bao nhiêu lần thứ chiến tranh nghèo khổ, y hệt những cặp giác đấu phim Spartacus. Nó ầm ĩ, nó kéo dài suốt phần nửa đường, rẽ sâu vào các ngõ ngách, rồi lại trở ra hò hét. Để tắt ngấm trong tiếng còi giới nghiêm nửa đêm, tiếng còi hút sâu loang loáng qua từng phố. Cuốn theo những cơn ho bịnh hoạn những giấc ngủ trở mình của những đôi vợ chồng trẻ... Đèn đường được cúp ở một vài khu ngoại ô, cuộc sống trong phố loãng nhanh, mệt nhọc. Những người phu quét đường dồn lá về ngã tư Duy Tân. Bốn trụ đèn đứng trơ khẳng khiu nhìn bồn nước đen sạm những nắng nọc, và những mầu bánh mì ruồng nát. Anh thường dừng ở đấy, buổi sáng 6 giờ trong quán cà phê để nhìn những đoàn phu đẩy xe lên đồn điền, những chiếc xe đò thứ nhất từ ngoại ô chở thực phẩm (rau cải, cà rốt, khoai) vào họp chợ. Những con sẻ dậy sớm, bay ra từ mái ngói lò mì, nhỏ bé, vụn vặt, bỗng vỡ những âm thanh thèm khát mà suốt ngày sẽ không bao giờ tìm thấy. Những vòng bay vô cùng phi nghĩa, sa đà trên những cột đèn còn ánh sáng. Anh ngậm miếng kẹo đường có vị gừng, đấy, tương lai mình đấy. Những con sẻ thành phố, cũng như anh, suốt đời, đi tìm miếng ăn và những khoái lạc vụn vặt, suốt đời, gầy khô như que củi, muốn cháy thành than. Trong những bất lực dồn dập, trong những trạng thái bày đặt một cách hiển nhiên, ai cũng muốn cân mình, trả giá như con mực khô, giữa những móc thực phẩm treo khiêm tốn trong tử giác thấp, thụt sâu giữa bốn vách thành phố lêu nghêu. Không có gì lạ, không đẹp, không lạnh, ngay từ buổi đầu, anh đi lang thang giữa những nhận thức vừa bắt được.

Mình mất cả, xuống nốt một cái dốc, trên cao là những tồi tệ, giằng co, ràng buộc. Những thứ tình cảm cầm nín, giữa một người yêu, giữa một thành phố thật buồn, buổi chiều lê gót đếm từng khuôn mặt. Buổi tối nghe hết một chồng dĩa nhạc còn dày hơn sách vở. Không còn yêu được âm thanh Françoise Hardy nức nở, Dalida cuồng nhiệt. Cũng không thèm muốn những chiếc hôn vội vã. Anh quay tròn như chiếc kim đồng hồ. Mỗi thứ bầy đến em, nhìn nhau, lạnh nhạt, ngậm cơn buồn suốt tuần trong những vòng tròn, conic, phương trình.

Nhưng xuống dốc, bỏ đi xa, tình trạng cũng không khác. Đà Lạt cũng vẫn tù túng như ở Huế. Buổi chiều trên lan can, nhìn xuống những đám thanh niên quần Jean cỡi xe chạy quanh đồi. Anh vẫn không gia nhập được đời sống này, ở đâu cũng lẻ loi, mình thương mình một cách mệt mỏi, mang nhiều mặc cảm. Có trốn chạy, nó cũng bám lấy, đeo đẳng như râu tóc, có vứt bỏ, nó cũng mọc lên xanh tốt, để minh chứng sự bất lực của mình. Đời sống, tình yêu, sách vở cũng lần hồi phân hóa để biến thành những ý niệm trừu tượng, có trong ngôn ngữ, dằn vặt thường xuyên trong cơn mê, nhưng lại xa rời tầm tay, càng ngày càng bi thảm, đen tối. Không dám trốn chạy, không dám đuổi theo. Mình bơ phờ trong tư thế tỵ hiềm với chính mình, thù hằn với khuôn mặt mình trong gương. Anh hằng muốn mình sẽ không là gì. Không suy nghĩ, sống như một con lừa trong khung cảnh hoang đường của một thành phố Hy lạp thật xưa. Thật xưa Huệ ạ. ●

Tôi bước vào quán cà phê, trên những tầng cấp của 1 bức thềm cũ, không cao. Buổi sáng nào tôi cũng bước lên trước khi nó được quét, giữa những lá vàng, bao thuốc, đinh dép, không bao giờ tôi phân biệt những gì khác trên bực thềm hôm qua. Tôi chui vào khung cửa tối, mờ nhạt quanh vách những bức tranh chụp lại, thứ màu sắc ngang ngược, gãy khúc. Đứa con gái vừa vấn tóc vừa đi ra, cười, cái cười cảm thông, quen thuộc với người khách mới, đếm đủ 7 buổi sáng bảy tách cà phê phin, bảy miếng kẹo. Đặt tách cà phê xuống bàn.

— Cà phê nóng đấy. Cậu ngồi chờ một tý.

Nó bỏ vào trong, gần đến caisse, như sợ tẻ nhạt, nó quay lại.

— Cậu mới đến, cậu ở Saigon.

— Huế. Tôi nhìn nó, như ngụ ý mình đến từ một miền có nhiều chuyện hấp dẫn đáng kể. Đang muốn tâm sự về những biến cố lớn vừa xảy ra, về những cuộc tàn sát trong thành phố, về chuyến xe hỏa vừa bị lật ở Đá Bạc. Tôi cúi xuống, mình vừa bắt chợt mình trong giây phút này. Những cơn buồn mỏng manh đang cần triển khai trong vị đắng cà phê, tôi hối hận vô nghĩa trong vòng tròn của chiếc thìa khuấy nước thành hình chùm chai. Không lý vẫn chạy quanh cái quỹ đạo quái ác như những hạt đường trong thành ly mãi sao.

Cô gái đến gần, thân thiện :

— Cậu lên đây nghỉ mát hay dưỡng bệnh.

— Học.

— Ừ, hẳn nào trông cậu xanh cậu ở trên dốc ?

— Cột đèn thứ 17.

Nó nhìn tôi, ra vẻ thương hại, kéo chiếc ghế ngồi đối diện. Tôi bỗng bối rối, sự có mặt của tôi ở đây, cũng thường xuyên nhảm nhí như những bộ mặt khách hàng khác. Những câu chuyện rồi sẽ bỏ qua, ngay khi trả tiền vào caisse. Những cô gái này góp trong đời không biết bao nhiêu mẩu chuyện, nhiều như giấy gói hàng. Mỗi mảnh một xuất xứ, một nội dung. Những chuyện giận vợ, giận con. Những chuyện đào kép trong thành phố, những vụ đánh lộn, kiện cáo...

— Ở đây, nay có biểu tình. Nó nói.

Tôi không trả lời, cúi xuống, ngón tay viết trên mặt bàn những chữ H, mặt tôn lạnh âm ầm, trơn trơn. Cái cảm giác ngón tay mình nhỏ bé trong một vũng sương mù làm nhớ đến bàn tay Hường, thật nhỏ trong tay tôi, làn da tay mọng đỏ như gót chân trẻ con. Thứ mát dịu vinh hạnh nếu là bàn tay người yêu. Nhưng không, tôi cám ơn Hường, cám ơn chị. Mình sống giữa thành phố nhiều gái đẹp, nhiều nhượng trong tình yêu, khi đi không người con gái nào đáng cảm ơn, trừ chị. Mình không hiểu được gì hơn, sự giống nhau với bàn tay Huệ. Hai chị em, tôi đã cố tưởng tượng đó là những khuôn mặt đẹp. Một khuôn mặt giận hờn, một khuôn mặt diễu cợt. Khuôn mặt thứ ba của tôi thì trẻ con, trong khung cảnh buổi đốt đèn dầu, với một người ở đứng xa xa, xem chừng. Tôi bị hàn kín miệng giữa thứ không khí nặng nề, tẻ ngắt. Bây giờ, tôi cố nghĩ đến đoàn người rước đuốc diễu qua thành phố, để tìm một chuyện vui, để dồn đẩy những giây phút căng thẳng. Hường ngồi im bất động, Huệ hát khẽ, tôi khom ưng trên mặt bàn nhìn mình xõa tóc trong bóng tối.

● xem tiếp trang 34

Giúp việc sở Tu thư bộ Giáo dục từ 1960 đến 1965, thỉnh thoảng viết cho vài tạp chí như *Bách khoa, Văn đàn, Văn hóa nguyệt san*... và dịch sách chữ Hán. Trở lại giúp sở Tu thư vào tháng 4 năm 1966,

Hiện cụ sống thanh bần cùng gia đình ở Bình Thới, gần Phú Thọ (Chợ lớn).

Cụ từng nổi tiếng là tay sành hát à đào và chèo cổ và các ngành ca vũ nhạc cổ điển nước nhà. Cụ chơi nhiều thứ đàn, chuyên đàn thập lục (đàn tranh). Người vợ cụ hiện giờ (vợ thứ hai) vốn là một danh ca đất Bắc. Trần Gia Tuệ Mai, một nữ thi sĩ được để ý, là ái nữ của cụ (dòng lớn)

Những lúc buồn vì vận nước, cụ thường ngâm nga bốn câu thơ này trong bài tựa tập *Với sơn hà*, I :

Góp cùng kim cổ lòng bầu huyết,
Gửi với SƠN HÀ một áng văn.
Không lợi không danh nên đứng đỉnh
Có nhà có nước phải ba khoan.»

cuộc đời á nam,,,
■ tiếp theo trang 33

những ngày xa huế

◖ TIẾP THEO TRANG 33

Người ở nhìn ba chúng ta. Các người mời ngồi, đáng lẽ tất cả phải trốn đi, mặc tôi với Huệ. Tôi sẽ nói những gì tôi muốn nói, tôi sẽ hôn nàng, tôi sẽ lập lại cho nàng những câu ru tình thật ngọt. Không có gì đáng hoài nghi, tôi đã thề hiện tình yêu bằng tất cả cố gắng nhẫn nhục.

Tôi thở dài. đứa con gái nhìn tôi im lặng. Nó cố làm vẻ thông cảm chút ít trong tiếng thở dài đó, nhưng nhạt nhẽo vô vị.

— Ở Huế chắc cậu xem biểu tình đến chán mắt.

Tôi không nói, cầm lấy tay nó, kéo lại, thản nhiên. Nhưng tôi dừng lại ở phần ba khoảng cách. Một thứ cảm giác bỗng hút sâu vào những cơn buồn đóng kín, tôi nhìn nó, tần ngần. Không gian ấy quen thuộc không chừng, đâu có gì làm thay đổi được. Một con chim chợt hót, một trái lựu đạn nổ. Vẫn thản nhiên trôi đi. Đứa con gái nhoẻn cười. Giữa những thứ có trong cuộc đời nó. Có cả những chiếc hôn nhảm nhí. Những va chạm tầm thường Cũng nhiều đau khổ, cũng mặc cảm, Một tên lính Mỹ có thể đến đây. Tất cả những vôi, bột, đá, gạch xây nên cuộc đời con gái. Nó lỏng lẻo, vô nghĩa. Nếu tôi là con gái, cũng phải hoài nghi, những thứ đã mất không lấy lại được, đời sống những gái điếm bỏ xuôi theo những con thác, càng qua nhiều ghềnh, khúc, càng vỡ vụn, càng bị mài nhẵn như hòn cuội! Tình yêu của Huệ, không mát lạnh như hòn cuội, vì nàng còn nhiều cái chưa hề va chạm

Tôi buông tay, những cuồng nộ, giận hờn bỗng rơi dần trong một ngõ sâu, trong một khu vườn ổi, trong một đôi chim bồ câu nấp kín sau giàn dưa tây sắp chín. Tôi trả tiền, không nói, bước ra

●

Nhung rời cửa sổ, đến bên cạnh, tỳ tay trên lan can, cúi mình thật thấp, nhìn những đèn xe ngang dọc. Dưới nhà đã ngủ yên, những chiếc phi cơ đêm ầm ì bay lượn. Gió thật lớn lên đồi. Rừng chè tối câm như mặt biển đêm, rào rào phía xa. Tôi nhìn Nhung đứa em họ lớn bằng người yêu. Một tuần sống ở đây. Nhung chăm sóc tôi như anh ruột. Tôi hát thật nhỏ Tout les garçons et les filles. Giữa những bồn cỏ xanh thẫm sương phía dưới, vòng quanh, những đôi tình nhân thấp thoáng hôn nhau vội vã. Tôi để tay lên vai Nhung. Nhung hỏi :

— Anh chắc buồn. Những ngày xa Huế không quên, bằng đi làm sao học được. Ở đây không lạ lắm đâu, Anh đừng xếp đời mình như những ô cửa sổ trên những building cao.

Tôi bóp nhẹ vai Nhung. Nhung ngừng nói nhìn tôi — Chắc anh vẫn nhớ Huế lắm, mai đi xem phim với Nhung đi,

Đêm Đà lạt sương giăng và ánh đèn đan nhau trắng mù mù. Những chóp nhà cao thấp sáng tụt lần về phía bờ sông. Chúng tôi không thấy lòng sông, nhưng thấy hàng trụ đèn bên kia chạy thẳng đến sân nhà thờ. Có bóng người ra vào lưa thưa như buổi lễ vừa chấm dứt. Tiếp đó là tiếng chuông điểm nhẹ. Một con tàu đêm tiến vào thành phố lừ đừ trên hai hàng chè thấp. Tôi bỗng bị gói kín vào khung cảnh của một thành phố có nhiều tiếng động. Tôi ôm Nhung. Hôn trên má.

—Huệ ơi, đã xa thật rồi.

Nhung ngước nhìn, tôi vuốt tóc Nhung :

— Nhung à. ngày mai anh sẽ đưa đi xem. Vào ngủ đi.

Hai đứa quay vào, tôi đóng cửa phòng. Nhìn đống sách vở chất bừa bãi, huýt sáo Appache. Những âm thanh dạo nhạc trên đài phát thanh ngày còn ở Huế.

Bạn đón đọc Nghệ Thuật số tới

Bài thứ tư trong loạt bài viết về
10 tác giả Việt Nam

TẠ TỴ : VŨ HOÀNG CHƯƠNG

tiếng thở dài của Đông Phương Trầm Mặc

□ Và cũng trong Nghệ Thuật số tới khởi đăng

PHẬN NGƯỜI

(La condition humaine)

tác phẩm đầu tiên của nhà văn André Malraux được dịch ra Việt Ngữ.

Bản dịch của Tô Thùy Yên

nghệ thuật

Tuần Báo Văn Học Nghệ Thuật
ra ngày thứ bảy

giấy phép xuất bản số 4260|BTTTLC/BC cấp ngày 29-7-1965. In tại Thư Lâm Ấn Thư Quán 233, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Chủ nhiệm — Chủ bút

MAI THẢO

Thư Ký Tòa Soạn

VIÊN LINH

□

Mỗi số	8 đồng
Sáu tháng	200 —
Một năm	400 —

Công sở giá gấp đôi

Tiền bạc, ngân phiếu giao dịch với :

Quản Lý

CÔ NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆU

Kiểm duyệt số 1119 ngày 12-5-66

NHÀ XUẤT BẢN

Antiêm

hộp thư 1510 — Saigon

Đã phát hành tác phẩm thứ bảy

CÕI NGƯỜI TA

TERRE DES HOMMES

của Saint-Exupéry

Câu chuyện kể, là chuyện phi công và phi cơ.

Nhưng giọng người là giọng trần gian đi tìm linh hồn mình giữa non nước quạnh. Saint-Exupéry đã đi mất từ lâu, nhưng tiếng ngân dài trong suốt vẫn xuyên vào trong giấc chiêm bao thương nhớ của những người ở lại.

bản đặc biệt để bán tại :

SAIGON : nhà sách Tự Lực, đường Lê Lợi – QUI NHƠN : nhà sách Khánh Hưng 309 Gia Long – ĐÀNẴNG nhà sách Sông Đà, Lam Sơn và Văn Hoa – HUẾ : nhà sách Tân Hoa

NIKERGAN

Sirop

TRỊ :

NỔI MỀ-ĐAY, PHONG NGỨA CÁC CHỨNG HỌ SUYỄN, MẤT NGỦ

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

AN. 542 BYT/QCDP 17-1-64

Viện bào chế NGUYỄN-CHÍ

Số 2, đường Tự Đức Saigon

Thời Mới đã ấn hành :

Các dịch phẩm đầu tiên của Trần phong Giao của Võ Lang của Vũ Hạnh, của Chương Ngọc và của Tràng Thiên, các tập truyện đầu tiên của Thế Uyên và Túy Hồng, kịch phẩm đầu tiên của Thế Uyên, các tiểu luận và tập truyện dài đầu tiên của Võ Phiến, các bản Việt dịch đầu tiên của J.P. Sartre và của F. Kafka v.v...

THỜI MỚI vừa phát hành :

- tượng đá sườn non
  — Tập truyện đầu tiên của Y Uyên
  – Tập truyện đầu tiên về sinh hoạt nông thôn Việt Nam trong cuộc chiến tranh hiện tại

THỜI MỚI sắp phát hành :

- cảnh tượng đêm nay

Tập truyện đầu tiên của Viên Linh

Euquinol

Thuốc trị BAN NÓNG TRẺ EM

CÓ BÁN KHẮP CÁC DƯỢC-PHÒNG ÂU-MỸ

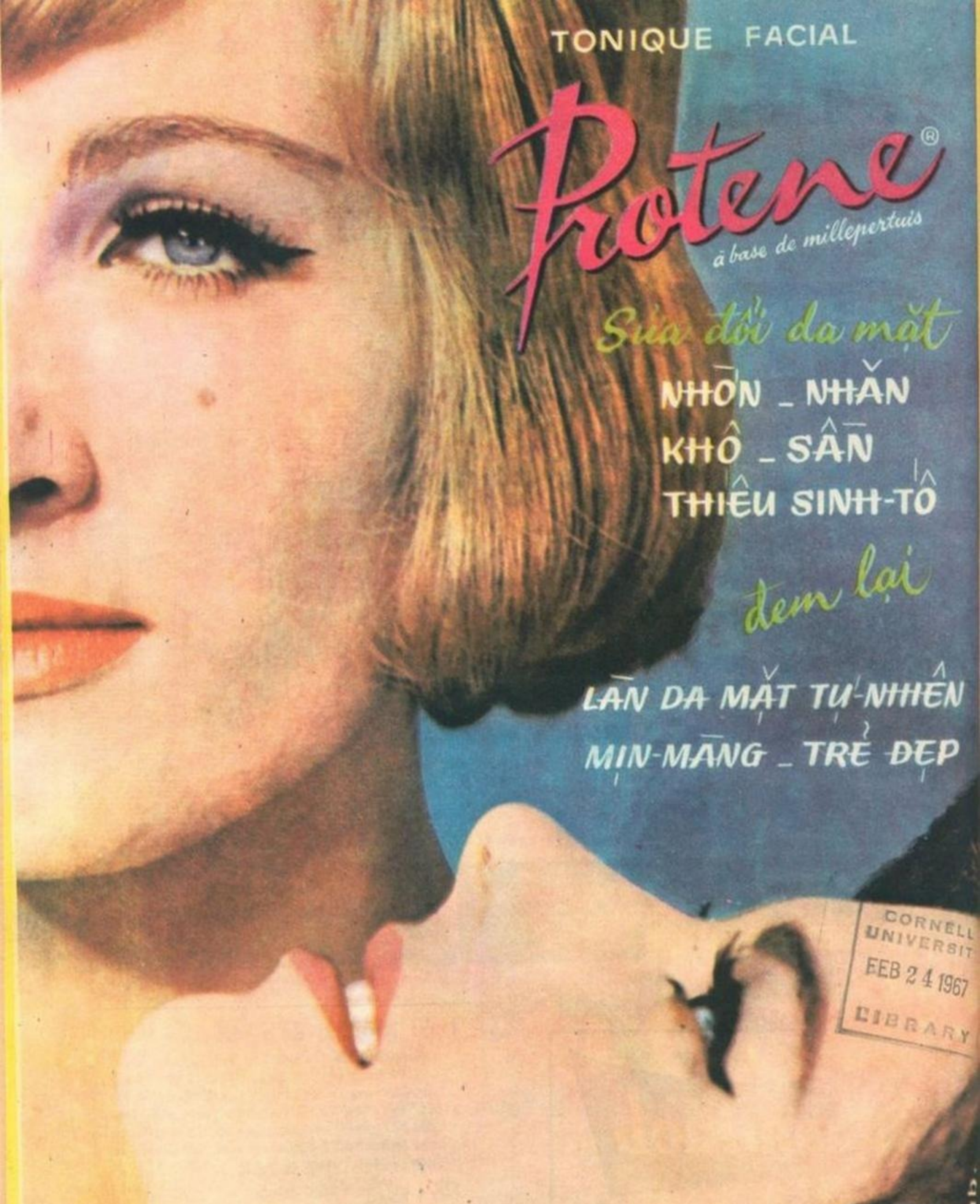

CORNELL UNIVERSITY
FEB 24 1967
LIBRARY